

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030
THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Bình Long, 202.....

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG



**BÁO CÁO THUYẾT MINH TỔNG HỢP
QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030
THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Ngày..... tháng..... năm 202..
**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Ngày..... tháng..... năm 202..
**UBND THỊ XÃ BÌNH LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bình Long 202.....

MỤC LỤC

ĐẶT VẤN ĐỀ	1
I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	2
II. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA	4
III. NỘI DUNG CỦA BÁO CÁO.....	5
PHẦN THỨ NHẤT. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN	6
I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG	6
1. Điều kiện tự nhiên.....	6
2. Các nguồn tài nguyên	7
3. Thực trạng môi trường	10
II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI.....	12
1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.....	12
2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế.....	12
2.1. Khu vực kinh tế nông nghiệp	12
2.2. Khu vực kinh tế công nghiệp - xây dựng	14
3. Dân số, lao động, việc làm và thu nhập	16
3.1. Dân số	16
3.2. Lao động, việc làm	16
4. Thực trạng phát triển đô thị.....	17
5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng	18
III. PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT	22
1. Các hiện tượng thiên tai và thời tiết cực đoan	22
2. Tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất.....	22
IV. NHẬN XÉT CHUNG VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ CẢNH QUAN MÔI TRƯỜNG	24
1. Thuận lợi.....	24
2. Những khó khăn, hạn chế	24
PHẦN THỨ HAI. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI	26
I. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI.....	26
1. Tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai có liên quan đến việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	26
1.1. Tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai và tổ chức thực hiện văn bản đó.....	26

1.2. Xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, lập bản đồ hành chính	26
1.3. Khảo sát, đo đạc, lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất; điều tra, đánh giá tài nguyên đất; điều tra xây dựng giá đất	27
1.4. Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất	27
1.5. Quản lý việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất.....	27
1.6. Đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	28
1.1.7. Thống kê, kiểm kê đất đai.....	29
1.1.8. Quản lý tài chính về đất đai	29
1.1.9. Quản lý và phát triển thị trường chuyển quyền sử dụng đất trong thị trường bất động sản.....	29
1.11. Quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất.....	30
1.12. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai	30
1.13. Phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai	30
1.14. Giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý và sử dụng đất đai	31
1.15. Quản lý hoạt động dịch vụ về đất đai	31
2. Đánh giá những kết quả đạt được và những tồn tại cần khắc phục trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh	31
2.1. Những kết quả đạt được trong quản lý nhà nước về đất đai	31
2.2. Một số hạn chế, bất cập trong quản lý nhà nước về đất đai	33
2.3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế	33
3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai.....	34
II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT.....	35
1. Hiện trạng sử dụng đất thị xã Bình Long năm 2020.....	35
1.1. Đất nông nghiệp	35
1.2. Đất phi nông nghiệp	36
1.3. Đất chưa sử dụng	40
2. Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong quy hoạch kỳ trước	40
2.1. Biến động sử dụng đất giai đoạn 2010-2015	40

2.2. Biến động sử dụng đất giai đoạn 2015-2020	43
3. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường, tính hợp lý của việc sử dụng đất	46
3.1. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của việc sử dụng đất	46
3.2. Tính hợp lý của việc sử dụng đất	47
4. Phân tích, đánh giá những tồn tại và nguyên nhân trong việc sử dụng đất .	49
4.1. Những tồn tại trong việc sử dụng đất.....	49
4.2. Nguyên nhân chủ yếu.....	49
III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ TRƯỚC	49
1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước	49
1.1. Đất nông nghiệp	52
1.2. Đất phi nông nghiệp	53
1.3. Đất chưa sử dụng	54
2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước	54
2.1. Những mặt đã đạt được trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.....	54
2.2. Những mặt còn tồn tại.....	55
2.3. Nguyên nhân tồn tại trong việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất.....	56
3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới	57
IV. ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI.....	58
1. Khái quát về tiềm năng	58
2. Xác định và lựa chọn các chỉ tiêu đánh giá tiềm năng đất đai phù hợp với từng loại đất, mục đích sử dụng đất	59
3. Tiềm năng đất đai phát triển các ngành	59
3.1. Đánh giá tiềm năng đất đai để phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp	59
3.2. Đánh giá tiềm năng đất đai để phục vụ cho việc phát triển công nghiệp, đô thị	60
3.3. Đánh giá tiềm năng đất đai để phục vụ cho việc phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch.....	61
3.4. Đánh giá tiềm năng đất đai để phục vụ cho việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất và phát triển cơ sở hạ tầng.....	62
PHẦN THỨ BA. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030	63
I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT.....	63
1. Phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội	63

2. Quan điểm sử dụng đất	63
3. Định hướng sử dụng đất.....	65
3.1. Định hướng phát triển	65
3.2. Định hướng sử dụng đất theo các khu chức năng.....	67
II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	69
1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội	69
1.1. Về kinh tế	69
1.2. Về văn hóa - xã hội và môi trường	69
2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng.....	70
2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất.....	70
2.2. Tổng hợp, nhu cầu và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất	72
2.2.1. Đất nông nghiệp.....	72
3. Diện tích đất chuyển mục đích trong kỳ quy hoạch	120
3.1. Đất nông nghiệp chuyển sang các mục đích phi nông nghiệp	120
3.2. Các loại đất nông nghiệp chuyển sang mục đích phi nông nghiệp.....	120
3.3. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	120
3.4. Các loại đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	120
4. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch	121
5. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng.....	121
5.1. Đất đô thị.....	121
5.2. Khu vực sản xuất nông nghiệp	121
5.3. Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp).....	121
5.5. Khu đô thị.....	121
5.6. Khu vực đô thị - thương mại - dịch vụ	121
5.7. Khu thương mại - dịch vụ	122
5.8. Khu dân cư nông thôn.....	122
5.9. Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn	122
III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG.....	122
1. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.....	122
2. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực quốc gia	123
3. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao	

động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất	124
4. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng.....	124
5. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hóa các dân tộc	124
6. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ	124
PHẦN THỨ TƯ. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN	126
I. CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	126
II. CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT	127
1. Giải pháp về thủ tục hành chính.....	127
2. Giải pháp về nguồn vốn	128
3. Giải pháp về khoa học công nghệ, sử dụng lao động	128
4. Giải pháp về thông tin và truyền thông.....	129
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	130

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Nội dung từ viết tắt
BĐKH	Biến đổi khí hậu
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
CCN	Cụm công nghiệp
CNQSDĐ	Chứng nhận quyền sử dụng đất
ASEAN	Hiệp hội các nước Đông Nam Á
HĐND	Hội đồng nhân dân
HTX	Hợp tác xã
NQ/TW	Nghị quyết Trung Ương
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
TCCP	Tiêu chuẩn cho phép
TCVS	Tiêu chuẩn vệ sinh
UBND	Ủy ban nhân dân

ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định: “*Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý*” (Điều 53). “*Đất đai là tài nguyên đặc biệt của quốc gia, nguồn lực quan trọng phát triển đất nước, được quản lý theo pháp luật*” (Điều 54).

Quy hoạch sử dụng đất là công cụ, biện pháp để Nhà nước quản lý, tổ chức sử dụng đất đai có hiệu quả, là một trong những nội dung rất quan trọng trong các nội dung quản lý Nhà nước về đất đai, là cơ sở pháp lý để giao đất, cho thuê đất và chuyển mục đích sử dụng đất.

Điều 37 Luật Đất đai năm 2013 quy định “*Kỳ quy hoạch sử dụng đất là 10 năm; Kỳ kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia, cấp tỉnh là 05 năm, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được lập hàng năm*”.

Công tác quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất là một nội dung quan trọng trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai. Luật Đất đai năm 2013 quy định: “*quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất*” là 1 trong 15 nội dung quản lý Nhà nước về đất đai; công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được quy định từ Điều 31 đến Điều 51 của Luật Đất đai và được cụ thể tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017, Nghị định số 148/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ; Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/06/2014, Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trong thời kỳ đổi mới, cùng với sự chuyển biến mạnh mẽ nền kinh tế theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá, phát triển nông nghiệp nông thôn theo chương trình nông thôn mới; nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực sản xuất ngày càng gia tăng, gây áp lực lớn lên việc sử dụng nguồn tài nguyên đất. Chính vì vậy, lập quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất là một vấn đề hết sức cần thiết và giữ một vai trò đặc biệt quan trọng không chỉ trước mắt mà cả lâu dài, nó giúp cho các cấp, các ngành sắp xếp, bố trí sử dụng hợp lý, hiệu quả, tránh được sự chồng chéo gây lãng phí, huỷ hoại môi trường đất, tránh được sự phá vỡ môi trường sinh thái hoặc kìm hãm quá trình phát triển kinh tế. Đồng thời quy hoạch sử dụng đất còn là công cụ để quản lý và phát triển bền vững.

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được xây dựng nhằm cụ thể hoá các chỉ tiêu của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp trên và thể hiện nhu cầu sử dụng đất của cấp xã.

Để có căn cứ pháp lý cho việc thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích, chuyển nhượng quyền sử dụng đất, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thị xã Bình Long nhằm sử dụng quỹ đất đai phù hợp với điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên đầy đủ hợp lý, đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất thì việc: lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là điều hết sức cần thiết, là tiền đề cho mọi phát triển của các lĩnh vực trên địa bàn Thị xã.

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ ĐỂ LẬP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Đất đai năm 2013, ngày 29 tháng 11 năm 2013;
- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;
- Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 05 năm 2014 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 1 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Nghị định số 148/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;
- Quyết định 420/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch phát triển Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;
- Quyết định 1210/QĐ-UBND ngày 03/6/2020 của UBND tỉnh Bình Phước về việc sửa đổi, bổ sung quyết định 420/QĐ-UBND ngày 02/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước về phê duyệt quy hoạch phát triển Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;
- Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh Bình Phước về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 – 2025;
- Nghị quyết 22/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất và các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

- Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 02/7/2021 của HĐND tỉnh thông qua danh mục bổ sung các dự án cần thu hồi đất năm 2021.

2. Các tài liệu, số liệu liên quan đến lập quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 Thị xã Bình Long

- Nghị quyết số 149/NQ-CP ngày 13/12/2019 của Chính phủ về Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2021, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ cuối (2016-2021) tỉnh Bình Phước;

- Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của Hội đồng nhân tỉnh Bình Phước thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất và các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

- Nghị quyết số 23/2020/NQ-HĐND ngày 10/12/2020 của Hội đồng nhân tỉnh Bình Phước điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất quy định tại số thứ tự thứ 1.1, 1.3, 2.3, 2.7, 2.12, 2.13 phụ lục điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020) tỉnh bình phước và bổ sung biểu chi tiết về diện tích chuyển mục đích sử dụng đất ban hành kèm theo NQ số 26/2019/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã Bình Long lần thứ XII nhiệm kỳ 2020 - 2025;

- Nghị quyết số 134/NQ-HĐND ngày 22 tháng 10 năm 2020 về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 – 2025 của Hội đồng nhân dân thị xã Bình Long;

- Chương trình hành động số 01-CTHĐ/TU ban hành ngày 20 tháng 7 năm 2020 thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã Bình Long lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020 – 2025 của thị ủy thị xã Bình Long số;

- Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 thị xã Bình Long đã được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt tại Quyết định số 1500/QĐ-UBND ngày 7/7/2020 của UBND tỉnh Bình Phước;

- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội Thị xã Bình Long đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định 420/QĐ-UBND ngày 2/3/2018 phê duyệt quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Phước đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định 1210/QĐ-UBND ngày 3/6/2020 về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 420/QĐ-UBND ngày 2/3/2018 của UBND tỉnh Bình Phước.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của thị xã Bình Long;
- Quyết định 3257/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2002/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của UBND tỉnh Bình Phước.
- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thị xã Bình Long năm 2021 - 2025;
- Số liệu kiểm kê đất đai năm 2019 và bản đồ hiện trạng sử dụng đất của thị xã và các phường, xã;
- Niên giám thống kê năm 2019 của thị xã Bình Long;
- Kết quả thực hiện kế hoạch sử dụng đất năm 2020;
- Đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các Phòng, Ban, Ngành liên quan và UBND các phường, xã;
- Quy hoạch tổng thể phát triển của các ngành: Quy hoạch giao thông, quy hoạch chợ, siêu thị, quy hoạch đô thị, nông thôn, quy hoạch phát triển điện lực,... liên quan đến quy hoạch của Thị xã;
- Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Phước giai đoạn 2016-2025, có xét đến 2030;
- Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110 kV.
- Quy hoạch chung xây dựng Thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước đến năm 2030;
- Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 các phường thuộc thị xã;
- Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Thanh Phú và xã Thanh Lương;
- Các quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt trên địa bàn Thị xã Bình Long;
- Báo cáo tổng kết và số liệu thống kê của các ngành nông nghiệp, công nghiệp, thương mại-dịch vụ, y tế, giáo dục, văn hoá- thể dục thể thao, kinh tế hạ tầng, tài nguyên môi trường,...
- Tài liệu, số liệu kiểm kê, thống kê đất đai các năm từ 2016 đến 2020, trên địa bàn Thị xã Bình Long;
- Niên giám thống kê Thị xã Bình Long;

II. MỤC ĐÍCH, Ý NGHĨA

- Đánh giá đầy đủ điều kiện tự nhiên và thực trạng phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020 của thị xã. Đánh giá hiện trạng sử dụng đất và biến động đất đai trong giai đoạn 2011 - 2020.

- Nghiên cứu, rà soát phương án quy hoạch sử dụng đất thị xã Bình Long đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2016 đến 2020 thị xã Bình Long; đánh giá kết quả thực hiện Quy hoạch sử dụng đất đai của kỳ trước để xác định các chỉ tiêu sử dụng đất chưa thực hiện; xác định các chỉ tiêu của phương án quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt mà không có khả năng thực hiện trong quy hoạch, sử dụng đất.

- Quy hoạch phân bổ đất đai đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh trong quy hoạch sử dụng đất 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050 đến từng năm và từng đơn vị hành chính phường, xã, đảm bảo hài hoà các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội ngắn hạn và dài hạn, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của thị xã.

- Góp phần quản lý, sử dụng tài nguyên đất một cách hệ thống, tiết kiệm và có hiệu quả.

- Làm cơ sở để UBND thị xã Bình Long cân đối giữa các khoản thu ngân sách từ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; các loại thuế liên quan đến đất đai và các khoản chi cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đến từng đơn vị hành chính cấp phường theo từng năm.

III. NỘI DUNG CỦA BÁO CÁO

Ngoài đặt vấn đề; kết luận và kiến nghị, bố cục của báo cáo bao gồm các phần sau:

Phần thứ nhất: Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội.

Phần thứ hai: Tình hình quản lý sử dụng đất đai

Phần thứ ba: Phương án quy hoạch sử dụng đất.

Phần thứ tư: Giải pháp thực hiện

Phần thứ nhất

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Điều kiện tự nhiên

1.1. Vị trí địa lý

Thị xã Bình Long nằm ở phía Tây tỉnh Bình Phước, cách thành phố Đồng Xoài khoảng 60 km theo hướng Tây Nam và thành phố Hồ Chí Minh khoảng 100 km hướng Tây Bắc theo QL13 với tổng diện tích 12.640,67 ha mật độ dân số khoảng 457,07 người/km²; có vị trí địa lý từ 106⁰29'39'' đến 106⁰38'32'' kinh độ Đông và từ 11⁰36'32'' đến 11⁰44'42'' vĩ độ Bắc, gồm có 6 đơn vị hành chính cấp xã (04 phường và 02 xã).

- Phía Bắc giáp huyện Lộc Ninh.

- Phía Đông, Tây và Nam giáp huyện Hớn Quản.

1.2. Địa hình, địa mạo

Địa hình của thị xã tương đối bằng phẳng, có dạng địa hình đồi thấp, lượn sóng, tương đối phẳng, thoải dần theo hướng từ Đông Bắc sang Tây Nam, độ cao trung bình 88 m so với mặt nước biển khá thuận lợi trong việc khai thác, sử dụng đất và được chia thành hai dạng địa hình chủ yếu:

- Dạng địa hình tương đối phẳng có đồi thấp lượn sóng, phân bố hầu hết trên địa bàn thị xã, thổ nhưỡng thường gặp ở dạng địa hình này là đất đỏ phát triển trên đất đá bazan;

- Dạng địa hình sông hồ thấp trũng, nằm xen kẽ với dạng địa hình đồi thấp lượn sóng, thổ nhưỡng thường gặp trên dạng địa hình này là đất dốc tụ, mùn giày.

1.3. Khí hậu

Thị xã Bình Long mang đặc điểm chung của khí hậu vùng Đông Nam Bộ, nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, có nền nhiệt cao đều quanh năm, ít gió bão, không có mùa đông lạnh (bức xạ mặt trời cao so với cả nước và phân bố khá đều trong năm, bình quân 130/kcalo/cm²/năm; nhiệt độ bình quân từ 25,8⁰C - 26,2⁰C, nhiệt độ cao nhất trong năm không quá 33⁰C, thấp nhất không dưới 20⁰C; lượng mưa bình quân 2.045-2.315 mm cao nhất vùng Đông Nam Bộ và được phân hóa thành 02 mùa rõ rệt.

Mùa khô kéo dài trong 06 tháng từ tháng XI đến tháng IV năm sau, lượng mưa rất thấp chỉ chiếm khoảng 10-15% lượng mưa cả năm. Trong khi

đó lượng bốc hơi rất cao, nó chiếm khoảng 64-67% tổng lượng bốc hơi cả năm và cán cân ẩm rất cao. Do lượng mưa ít và bức xạ mặt trời cao đã làm tăng quá trình bốc hơi nước một cách mãnh liệt. Điều đó đẩy nhanh sự phá huỷ chất hữu cơ, dung dịch đất hoà tan các Secquioxýt sắt, nhôm ở dưới sâu dịch chuyển lên tầng đất trên và bị oxy hoá tạo thành kết von và đá ong rất phổ biến trong lãnh thổ.

Mùa mưa kéo dài trong 06 tháng từ tháng V đến tháng XI, mưa tập trung, lượng mưa trong 06 tháng mùa mưa chiếm 85-90% tổng lượng mưa cả năm, chỉ riêng 04 tháng mưa lớn nhất, chiếm tới 62-63% lượng mưa cả năm. Ngược lại lượng bốc hơi và nền nhiệt thấp hơn mùa khô và khi đó cán cân ẩm rất cao. Lượng mưa lớn và tập trung đã xảy ra quá trình xói mòn, rửa trôi rất mạnh, lôi cuốn sét mùn từ nơi cao xuống nơi thấp, làm bất đồng hoá phẫu diện và dẫn tới nhiều biến đổi quan trọng trong phân hoá vỏ thổ nhưỡng.

Nhìn chung, mùa mưa cây cối phát triển xanh tốt và là mùa sản xuất chính, ngược lại mùa khô, cây cối khô cằn phát triển rất kém; đây là địa bàn đầu nguồn, nhưng khả năng cung cấp nước tưới cho nông nghiệp rất khó khăn (dưới 10% diện tích đất nông nghiệp có tưới), vì vậy trong sản xuất nông nghiệp cần phải chọn và đưa vào sử dụng những loại hình sử dụng đất ít hoặc không cần nước tưới như Cao su, điều, một số cây ăn trái, mì...

1.4. Chế độ thủy văn

Nhìn chung, hệ thống sông suối tỉnh Bình Phước nói chung và Thị xã Bình Long nói riêng tương đối nhiều với mật độ khoảng 0,7-0,8 km/km². Nhưng sông suối trong vùng có lòng sông hẹp, dốc, lũ lớn trong mùa mưa và khô kiệt trong mùa khô. Vì vậy, ít có khả năng bồi đắp phù sa và hạn chế khả năng cung cấp nước cho sản xuất và tiêu dùng. Muốn sử dụng được nguồn nước này cho sản xuất cần có những đầu tư lớn vào các công trình thủy lợi.

2. Các nguồn tài nguyên

2.1. Tài nguyên đất

Có 4 nhóm đất chính: Nhóm đất xám, đất đen, đất đỏ vàng và đất dốc tụ, trong đó:

(1) Nhóm đất xám: Có 1.390,34 ha, chiếm 11,01% diện tích loại đất(DTTN). Phân bố ở phía Bắc Thị xã Bình Long, chủ yếu trên địa bàn xã Thanh Lương.

- Nhóm đất xám hình thành chủ yếu trên mẫu chất phù sa cổ (Pleistocene) nghèo kiềm và thường có thành phần cơ giới nhẹ. Do đặc điểm

địa hình và chế độ nước, ở đây đất xám được tách thành 02 đơn vị bản đồ: (i) Đất xám điển hình trên phù sa cổ và (ii) Đất xám gley.

- Đất xám thường có thành phần cơ giới nhẹ đến trung bình, chua; CEC, Cation kiềm trao đổi và BS thấp; nhìn chung nghèo mùn, đạm, lân và kali.

- Đất xám tuy có độ phì không cao nhưng thích hợp với nhiều loại hình sử dụng đất, kể cả các đất xây dựng. Trong nông nghiệp các loại hình sử dụng đất rất phong phú kể cả các cây dài ngày (cao su, cà phê, tiêu, điều...), cây ăn quả và nhiều loại cây hàng năm khác.

(2) Nhóm đất đen trên bazan (Ru): Có 560,78 ha, chiếm 4,44% DTTN, chỉ có ở xã Thanh Lương. Đất hình thành từ đá mẹ bazan ở miệng núi lửa, giàu kiềm, đã có những biểu hiện khá rõ của quá trình rửa trôi, tích tụ sét, hình thành một tầng B thỏa mãn các yêu cầu của tầng Argic. Đất đen thường có thành phần cơ giới trung bình, từ thịt pha cát mịn đến thịt pha sét. Là loại đất không chua, độ phì khá cao, giàu đạm, lân, kali. Tuy vậy, đất có tầng rất mỏng, trong tầng đất lẫn nhiều đá và kết von. Vì vậy, đất này chỉ sử dụng cho việc trồng các cây hàng năm như: bắp, đậu đỗ, bông vải...

(3) Nhóm đất đỏ vàng: Nhóm đất đỏ vàng có 9.634,31 ha, chiếm 76,29% DTTN. Nhóm đất này được hình thành trên đá bazan và mẫu chất phù sa cổ. Trong phần này tính chất các đơn vị đất được trình bày theo các đá mẹ và mẫu.

•Đất nâu đỏ (Fk) và nâu vàng (Fu) trên bazan (Gọi chung là đất đỏ bazan): có 8.015,28 ha, chiếm 63,47% DTTN. Trong đó đất nâu đỏ 3.586,12 ha và đất nâu vàng 4.429,16 ha. Phân bố thành khối rất tập trung ở khắp 06 xã, phường của TX Bình Long.

- Đất đỏ bazan nhìn chung có thành phần cơ giới nặng, cấu tượng viên hạt, toi xốp, thịt pha sét tới sét, cấp hạt sét chiếm đến 45-55%. Đất thường chua, CEC, cation kiềm trao đổi và độ no bazơ thấp, giàu mùn, đạm, lân và nghèo kali.

- Đất đỏ bazan nhìn chung có độ phì tương đối cao, thích hợp với nhiều loại cây trồng có giá trị kinh tế cao. Tuy vậy khả năng sử dụng của đất này phụ thuộc rất nhiều vào độ dày tầng đất hữu hiệu. (i) Các đất có tầng hữu hiệu dày nên giành cho việc trồng các cây dài ngày có giá trị kinh tế cao như cao su, tiêu và các cây ăn trái. (ii) Các đất có tầng hữu hiệu mỏng giành cho việc trồng cây hàng năm như các loại đậu đỗ, bắp, hoa màu khác, trên đất này có thể trồng được các cây dài ngày như cây điều.

• **Đất nâu vàng trên phù sa cổ (Fp):** Đất nâu vàng trên phù sa cổ có 1.619,03 ha, chiếm 12,82% DTTN, phân bố tập trung chủ yếu ở xã Thanh Lương.

- Đất có thành phần cơ giới từ trung bình đến nhẹ; đất chua, CEC, Cation kiềm trao đổi và BS thấp; nghèo mùn, đạm, lân và kali.

- Đất nâu vàng trên phù sa cổ tuy có độ phì không cao nhưng thích hợp với nhiều loại hình sử dụng đất, kể cả các đất xây dựng, nông nghiệp và lâm nghiệp. Trong nông nghiệp các loại hình sử dụng đất rất phong phú kể cả các cây dài ngày (cao su, cà phê, tiêu, điều...), cây ăn quả và nhiều loại cây hàng năm. Khả năng sử dụng đất phụ thuộc rất nhiều vào địa hình và độ dày tầng đất mịn: (i) Các đất nâu vàng địa hình cao thoát nước và có tầng đất hữu hiệu dày có khả năng trồng được nhiều loại cây kể cả cây dài ngày và cây hàng năm, đặc biệt là các cây dài ngày như cao su, điều, cây ăn trái. (ii) Các đất có tầng đất hữu hiệu mỏng, chỉ có khả năng trồng cây hàng năm. Những nơi đất quá mỏng hoặc địa hình dốc chỉ nên trồng rừng nhằm bảo vệ đất và môi trường.

(4) Nhóm đất dốc tụ: Đất dốc tụ có 885,35 ha, chiếm 7,01% DTTN. Đất hình thành ở địa hình thung lũng, trên các sản phẩm bồi tụ từ các khu vực đồi núi cao xung quanh. Nhìn chung các đất dốc tụ có độ phì nhiêu tương đối khá, nhưng chua và địa hình thấp trũng, khó thoát nước nên chỉ có khả năng sử dụng cho việc trồng các cây hàng năm như lúa, hoa màu, lương thực.

2.2. Tài nguyên nước:

a. Tài nguyên nước mặt: Thị xã Bình Long nằm kẹp giữa 02 con sông lớn là Sông Bé và sông Sài Gòn, thuộc hệ thống sông Đồng Nai.

- Sông Bé chảy dài dọc theo trung tâm tỉnh Bình Phước theo hướng Bắc - Nam, chảy qua các Thị xã Phước Long, Hớn Quản, Bình Long, Chơn Thành, Đồng Phú và chảy về tỉnh Bình Dương. Trên dòng Sông Bé đã quy hoạch 04 công trình thủy lợi lớn theo 04 bậc thang (Thủy điện Thác Mơ, Cần Đơn, SRóc Phú Miêng và Phước Hòa). Hiện nay công trình thủy điện Thác Mơ, Cần Đơn và Phú Miêng đã đưa vào sử dụng. Trong phạm vi TX Bình Long, sông Bé chảy phía Đông của huyện Hớn Quản giáp với Thị xã Phước Long và thành phố Đồng Xoài vì vậy ảnh hưởng đến Bình Long không nhiều.

- Sông Sài Gòn là ranh giới giữa Thị xã Bình Long cũ (nay thuộc huyện Hớn Quản) với tỉnh Tây Ninh. Trên sông này đã hình thành hồ Dầu Tiếng,

một hồ tưới lớn nhất vùng ĐNB, với diện tích mặt hồ khoảng 20 ngàn ha và dung tích khoảng 1,5 tỷ m³ nước.

- Ngoài ra, trên địa bàn Thị xã Bình Long còn có hàng chục dòng suối đều chảy theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, lớn nhất là suối Cần Lê. Mặt khác Bình Long còn có nhiều bung, bầu sẵn nước, thuận lợi cho việc cung cấp nước tưới cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt.

b. Tài nguyên nước ngầm: Theo bản đồ địa chất thủy văn tỉnh Sông Bé (cũ) thành lập năm 1995 của liên đoàn Địa chất 6 cho thấy: nước ngầm trên địa bàn Thị xã có tầng chứa nước Bazan (QI-II) phân bố ở phía Bắc, lưu lượng tương đối khá 0,5-16l/s; tuy vậy, do biến động lớn về tính thấm nên tỷ lệ khoan khai thác nước không cao và tầng chứa nước Pleistocene (QI-III), phân bố ở phía Nam; đây là tầng chứa nước có trữ lượng khá lớn và chất lượng tốt. Nước ngầm đã và đang được khai thác phục vụ dân sinh và tưới cho một số cây trồng như tiêu và cây ăn trái.

c. Tài nguyên khoáng sản: Hiện nay trên địa bàn thị xã chỉ còn DNTN Hải Long được UBND tỉnh cấp phép khai thác khoáng sản đất sét để làm nguyên liệu sản xuất gạch ngói tại xã Thanh Lương. Đối với khoáng sản đá vôi hiện vẫn được bảo vệ, chưa cấp phép khai thác. Các trường hợp khai thác khoáng sản đất sỏi, đất đỏ nền, đất san lấp mặt bằng chủ yếu diễn ra tại các hộ gia đình hoặc phục vụ nhu cầu làm đường giao thông nông thôn. Diện tích khai thác nhỏ, thời gian khai thác ngắn.

3. Thực trạng môi trường

Thị xã Bình Long là một đô thị tuy chưa phát triển nhiều, song các vấn đề ô nhiễm do phát triển đô thị gây ra cũng cần phải có sự quan tâm đúng mức. Một số vấn đề môi trường đô thị cần chú trọng là:

- *Cấp, thoát nước nước đô thị:* Cấp nước sạch cho đô thị là một trong những điều kiện cơ bản để đảm bảo vệ sinh môi trường đô thị. Thị xã Bình Long đã được quan tâm cấp nước sạch, tuy nhiên công nghệ xử lý nước lợ, chất lượng nước đôi lúc không đảm bảo vệ sinh.

Hệ thống mương thoát nước của thị xã hiện nay là 34.825 m, chủ yếu tại khu vực nội ô thị xã. Hệ thống cung cấp nước sạch của thị xã có 01 nhà máy với công suất khai thác 3.000 m³/ngày. Tổng chiều dài tuyến ống cấp nước là 30.675m, các tuyến đường đô thị có đường ống nước là 29/34 tuyến, tổng số hộ sử dụng nước sạch là 2.146 hộ.

Hệ thống thoát nước hiện nay dùng chung cho cả thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất. Vẫn còn tình trạng ngập úng trong mùa mưa ở một số khu vực. Vấn đề nước thải là một khó khăn lớn trong việc xử lý môi trường cho Thị xã. Với lưu lượng nước thải sinh hoạt tương đối lớn của các thị trấn, Thị xã đều chưa được xử lý hoặc chỉ được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sau đó cho ngấm trực tiếp xuống đất hoặc chảy vào các suối nhỏ quanh khu vực sẽ là nguồn gây ô nhiễm nghiêm trọng nguồn nước mặt và nước ngầm trong thời gian không xa.

- *Môi trường nước*: Hiện nay thị xã có 01 đơn vị sử dụng nước mặt được đăng ký là Nhà máy cấp nước do UBND thị xã quản lý; 01 hồ chứa nước Xa Cát đảm nhiệm chức năng điều tiết, cung cấp nước cho nhân dân trên địa bàn thị xã. Ngoài ra còn có nhiều suối, kênh trải rộng trên địa bàn thị xã.

Tình trạng chung tại các đô thị trên địa bàn hiện nay nguồn nước mặt là nơi tiếp nhận trực tiếp các nguồn nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt, rác thải,...chưa được xử lý thải ra nên hầu hết đều bị ô nhiễm. Nồng độ các chất hữu cơ và các chất phú dưỡng trong nước tương đối cao hầu hết không đạt tiêu chuẩn cho phép.

- *Môi trường không khí*: Ở một số đô thị, đặc biệt các đô thị cạnh các trục giao thông chính đều bị ô nhiễm bụi và tiếng ồn, giá trị vượt tiêu chuẩn cho phép từ 1 - 2,5 lần. Riêng các khí độc hại CO, SO₂, NO₂... trong không khí ở hầu hết các đô thị đều nhỏ hơn trị số tiêu chuẩn cho phép, tức là không khí chưa bị ô nhiễm bởi các khí này.

- *Chất thải rắn*: Lượng thải bình quân đầu người 0,6 kg/người/ngày, lượng rác không được phân loại tại nguồn mà được thu gom lẫn lộn. Tỷ lệ thu gom đạt khoảng 70%. Rác thải công nghiệp không có khả năng tái sử dụng, rác thải xây dựng, rác y tế tại một số bệnh viện được thu gom cùng với rác thải sinh hoạt. Các bãi rác hiện nay đều là bãi lộ thiên không đảm bảo vệ sinh môi trường, hiện trạng ô nhiễm môi trường tại các bãi rác đã xảy ra.

- *Về tài nguyên đất*: Để sử dụng và khai thác hợp lý nguồn tài nguyên đất, Thị ủy chỉ đạo Phòng Tài nguyên - Môi trường phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức đánh giá, phân hạng đất làm cơ sở đẩy mạnh điều tra cơ bản tài nguyên đất nhằm đánh giá tiềm năng đất đai, xác định giá trị kinh tế của nguồn tài nguyên đất đai trên địa bàn thị xã Bình Long, hướng đến mục tiêu sử dụng đất ổn định, bền vững; xây dựng mục tiêu, tuyên truyền vận động nhân dân bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên đất một cách hiệu quả, thiết

thực; bảo đảm sử dụng hợp lý, tiết kiệm và bền vững tài nguyên đất đai; từng bước khắc phục tình trạng sử dụng đất manh mún, nhỏ lẻ; phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ về đất đai trên địa bàn toàn thị xã.

II. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI

1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

1.1. Tăng trưởng kinh tế:

Kinh tế phát triển và chuyển dịch đúng hướng, môi trường đầu tư, kinh doanh được cải thiện, các nguồn lực xã hội được phát huy, sử dụng hiệu quả. Tổng giá trị sản xuất theo giá hiện hành ước đạt 41.041 tỷ đồng, tăng bình quân hàng năm đạt 11,9%/năm, vượt so với chỉ tiêu Nghị quyết đề ra. Trong đó: giá trị sản xuất ngành nông - lâm - ngư nghiệp đạt 4.487 tỷ đồng; ngành công nghiệp - xây dựng 13.477 tỷ đồng và ngành thương mại, dịch vụ 14.992 tỷ đồng.

1.2. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế

Trong giai đoạn 2016 - 2020, kinh tế thị xã Bình Long tiếp tục phát triển, chuyển dịch đúng hướng; tiềm năng, lợi thế được khai thác, phát huy có hiệu quả, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế của địa phương.

Đơn vị tính: %

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2020
Tổng giá trị sản xuất	100,00	100,00	100,00
- Nông lâm nghiệp	16,74	14,43	11,21
- Công nghiệp - Xây dựng	49,15	45,38	43,12
- Thương mại - Dịch vụ	34,11	40,19	45,67

Cơ cấu nền kinh tế đã có sự chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng nhóm ngành nông - lâm - ngư nghiệp, tăng dần ngành thương mại, dịch vụ. Tỷ trọng ngành Nông lâm nghiệp năm 2020 giảm từ 16,74% xuống còn 11,21% so với năm 2015; tỷ trọng ngành Thương mại - dịch vụ tăng từ 34,11% năm 2015 lên 45,67% vào năm 2020.

2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế

2.1. Khu vực kinh tế nông nghiệp

Sản xuất nông - lâm - thủy sản gắn liền với cơ cấu lại ngành nông nghiệp được quan tâm. Trồng trọt đã hình thành một số vùng chuyên canh cây trồng chủ lực, chăn nuôi phát triển khá. Chăn nuôi heo, gà quy mô công nghiệp, bán công nghiệp đạt so với mục tiêu quy hoạch, tập trung chủ yếu ở xã Thanh Lương. Việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, xây dựng

mô hình theo tiêu chuẩn VietGap được chú trọng, mang lại hiệu quả và giá trị cao. Đến nay có hai sản phẩm là gà thả vườn và nhãn tiêu da bò Thanh Lương được Cục Sở hữu trí tuệ, Bộ Khoa học và Công nghệ cấp văn bằng bảo hộ nhãn hiệu tập thể cho chủ sở hữu là Hội Nông dân xã Thanh Lương. Liên kết giữa nông dân với nông dân, tổ hợp tác và doanh nghiệp từng bước mở rộng, gắn sản xuất với tiêu thụ, nâng cao chất lượng nông sản góp phần tăng trưởng giá trị sản xuất.

Chương trình xây dựng nông thôn mới ở hai xã Thanh Lương và Thanh Phú được quan tâm đầu tư. Tổng nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2015-2020 đạt 148 tỷ đồng, trong đó nhựa hóa 42 km, bê tông hóa 82,9 km đường giao thông. Đến nay, 10/10 trường học, 28/28 nhà văn hóa đạt chuẩn nông thôn mới, 98% nhà ở đạt chuẩn theo quy định, 96% lao động nông thôn có việc làm thường xuyên, thu nhập bình quân đầu người 46 triệu đồng/năm. Bộ mặt nông thôn thay đổi rõ rệt, đời sống Nhân dân khu vực nông thôn được nâng lên. Năm 2016, 100% xã được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

* *Về trồng trọt*: Đã hình thành các vùng chuyên canh cây công nghiệp như Cao su, Điều, góp phần cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và cạnh tranh trên thị trường xuất khẩu. Năm 2020 thị xã Bình Long có 9.520 ha cây lâu năm và 1.420 ha cây hàng năm với giá trị trồng trọt bình quân năm cho mỗi ha là 54,38 triệu đồng, trong đó có: 51,5 ha cà phê với sản lượng 91 tấn; 5.864 ha cao su với sản lượng 9.483 tấn; 1.065 ha tiêu với sản lượng 1.696,6 tấn; 1021 ha điều với sản lượng 966 tấn; 1.492 ha cây ăn quả như cam, quýt, xoài, sầu riêng... ; 628 ha cây lương thực có hạt với sản lượng 2.536,4 tấn.

* *Về chăn nuôi*: Thực hiện tốt công tác kiểm soát, phòng chống dịch bệnh, và đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật nên trong chăn nuôi đã không chế được dịch bệnh, hình thành nhiều trang trại chăn nuôi công nghệ cao, sản phẩm chăn nuôi lưu thông thuận lợi, tăng dần tỷ trọng trong cơ cấu kinh tế nông nghiệp. Hiện tại thị xã Bình Long, có gần 40 trang trại chăn nuôi, đàn gia súc; năm 2020, tổng số đàn trâu 618 con; bò 2.585 con; heo 18.476 con và gia cầm 553.590 con, trong đó sản lượng thịt hơi các loại ước đạt 3,59 nghìn tấn.

* *Thủy sản*: Lĩnh vực thủy sản tiếp tục phát triển, giá trị sản xuất kỳ 2015-2020 theo giá hiện hành đạt 48,2 tỷ đồng.

Bình Long có diện tích mặt nước chuyên dùng khoảng 192 ha, chủ yếu là các hồ đập thủy điện, sông suối. Nuôi trồng thủy sản tiếp tục phát triển, sản lượng nuôi trồng năm 2020 ước đạt 219,3 tấn.

**Xây dựng nông thôn mới, tái cơ cấu ngành nông nghiệp:* Chương trình xây dựng nông thôn mới ở hai xã Thanh Lương và Thanh Phú được quan tâm đầu tư với tổng số vốn đầu tư giai đoạn 2016 – 2020 đạt 148 tỷ đồng. Đến nay, 10/10 trường học, 28/28 nhà văn hóa đạt chuẩn nông thôn mới, 98% nhà ở đạt chuẩn theo quy định, 96% lao động nông thôn có việc làm thường xuyên, thu nhập bình quân trên đầu người đạt 46 triệu đồng/năm; bộ mặt nông thôn thay đổi rõ rệt; đời sống nhân dân khu vực nông thôn được nâng lên.

2.2. Khu vực kinh tế công nghiệp - xây dựng

Trong những năm qua, Bình Long phấn đấu trở thành một trong những trung tâm công nghiệp của tỉnh bằng cách ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, chọn công nghiệp sạch, công nghiệp có công nghệ cao, tiên tiến, hiện đại tiêu tốn ít năng lượng và sản xuất nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, giảm thiểu tác động đến môi trường đô thị. Nên, ngành công nghiệp phát triển nhanh về số lượng và tăng dần về quy mô sản xuất. Giá trị sản xuất của ngành công nghiệp, xây dựng năm 2020 đạt 3.113 tỷ đồng. Những ngành công nghiệp chủ yếu là xi măng, điện, xây dựng và tiểu thủ công nghiệp. Trong đó, tổng sản lượng clinker đạt hơn 2 triệu tấn và sản lượng xi măng đạt hơn 1,3 triệu tấn; điện sản xuất đạt 260,48 triệu Kwh.

Về xây dựng cơ bản, thị xã đã giao kế hoạch vốn đầu tư, chỉ đạo, đơn đốc các chủ đầu tư hoàn tất các thủ tục và khởi công xây dựng các công trình. Bên cạnh đó là thường xuyên kiểm tra tình hình xây dựng nên tiến độ và chất lượng các công trình xây dựng cơ bản được đảm bảo. Đến cuối năm 2020, thị xã đã hoàn thành xây dựng các công trình dự án trọng điểm như: Nâng cấp đường Nguyễn Huệ, Trần Hưng Đạo; Đoàn Thị Điểm; nâng cấp mở rộng đường ĐT752.

Công nghiệp, xây dựng phát triển cũng là yếu tố có tác động ảnh hưởng đến quản lý, sử dụng đất trên địa bàn thị xã. Tuy nhiên, ngoại trừ nhà máy xi măng Bình Phước. Đa số các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có quy mô nhỏ, chủ yếu là sản xuất nông cụ cầm tay, hàng mộc, đá cây, gia công sắt thép... nên giá trị kinh tế không cao. Các cụm công nghiệp chưa được khởi động để thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn.

2.3. Khu vực kinh tế dịch vụ, thương mại

Thị trường hàng hóa phát triển nhanh, hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ hình thành chuỗi cung ứng hàng hóa với các phương thức giao dịch, mua bán, thanh toán hiện đại tác động tích cực đến sản xuất, ổn định thị trường. Cuộc vận động “Người Việt Nam” được quan tâm thực hiện tích cực. Các loại hình tổ chức tín dụng, ngân hàng với các hình thức sở hữu khác nhau phát triển mạnh, tích cực hỗ trợ doanh nghiệp và người dân vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh. Giao thông vận tải tiếp tục phát triển, phục vụ tốt nhu cầu lưu thông hàng hóa và đi lại của Nhân dân. Viễn thông phát triển nhanh, phủ sóng toàn thị xã, cung cấp đa dạng các dịch vụ có chất lượng, tỷ lệ sử dụng điện thoại 143,58 thuê bao/100 dân.

Các loại hình dịch vụ phát triển đa dạng; lãi suất ngân hàng ổn định, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp vay vốn mở rộng sản xuất. Dịch vụ viễn thông phát triển đa dạng các loại hình sản phẩm. Hoạt động du lịch, dịch vụ lưu trú, lữ hành tăng khá. Dịch vụ vận tải tiếp tục phát huy thế mạnh, đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của người dân; các dịch vụ khác như tư vấn kỹ thuật, tư vấn pháp lý, dược phẩm, khám chữa bệnh, giải trí, đô thị, dịch vụ nông nghiệp... được mở mang và phát triển, góp phần thoả mãn các nhu cầu đời sống sinh hoạt, sản xuất của nhân dân và xây dựng phát triển đô thị.

Trong những năm qua, Bình Long đã phát triển thương mại, dịch vụ theo hướng: (1) Văn minh thương mại, tiêu dùng và kinh doanh mua bán theo phương thức hiện đại. (2) Bảo đảm lưu thông hàng hóa thông suốt, đảm bảo cân đối cung cầu về những mặt hàng thiết yếu cho sản xuất và cuộc sống. Ngày càng có nhiều hàng hóa mẫu mã đẹp, chất lượng cao đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của người dân. (3) Chủ động tìm kiếm thị trường, tích cực hội nhập kinh tế với các địa phương lân cận như huyện Chơn Thành, thành phố Đồng Xoài, thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh lân cận. (4) Xúc tiến nhanh việc đầu tư phát triển hoàn thiện mạng lưới kết cấu hạ tầng kỹ thuật, thu hút đầu tư. (5) Phát triển thương mại có hiệu quả gắn với bảo vệ môi trường và giữ vững quốc phòng – an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Do đó, thương mại, dịch vụ liên tục phát triển trong những năm qua; tập trung vào các lĩnh vực chủ yếu như thu mua nông sản, cung ứng vật liệu xây dựng, vật tư, giống, phân bón và các mặt hàng thiết yếu phục vụ nhu sinh hoạt. Công tác quản lý nhà nước về thương mại, dịch vụ được tăng cường nhằm hạn chế tình trạng buôn lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng, từng bước

phục vụ tốt hơn nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của người dân. Năm 2020, thương mại, dịch vụ ước đạt giá trị sản xuất 3.987 tỷ đồng, tăng 13,84 % so với cùng kỳ năm 2019.

Thương mại, dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế và liên tục phát triển trong những năm qua đã có tác động lớn đến quản lý, sử dụng đất trên địa bàn thị xã.

Bên cạnh những mặt đã đạt được thì cũng còn tồn tại hạn chế. Hoạt động thương mại còn gặp khó khăn về liên kết sản xuất và tiêu thụ, phát triển siêu thị. Việc đầu tư, cải tạo, nâng cấp, quản lý chợ Bình Long, chợ Thanh Lương chưa đạt hiệu quả.

3. Dân số, lao động, việc làm và thu nhập

3.1. Dân số

Quy mô, cơ cấu và chất lượng dân số: Theo số liệu thông kê năm 2019, dân số thị xã Bình Long khoảng 57.777 người, mật độ dân số khoảng 457 người/km²; mật độ phân bố cũng không đồng đều, tập trung nhiều ở khu vực trung tâm thị xã tại các phường An Lộc, Phú Đức, Phú Thịnh. Mật độ dân số ở mức trung bình, phân bố không đều, từ 261 người/km² ở xã Thanh Lương đến 1.343 người/km² ở phường Phú Thịnh.

Trong những năm vừa qua công tác dân số - gia đình và trẻ em cũng được quan tâm đúng mức. Mô hình gia đình ít con được người dân nhiệt tình hưởng ứng. Đến nay, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1,38%.

Thu nhập bình quân đầu người liên tục tăng qua các năm, năm 2020 ước đạt mức 75,5 triệu đồng/năm, ở mức khá trong cả nước

3.2. Lao động, việc làm

Năm 2019, tổng số lao động trong độ tuổi khoảng 36.801 người chiếm khoảng 63,7% dân số toàn thị xã. Dân số trong độ tuổi lao động khá cao là nguồn lao động quan trọng cho chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Thị xã, năm 2020, thị xã đã giải quyết việc làm cho 2000 thanh niên, tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2020 đạt 60%, giảm tỷ lệ thất nghiệp trong thanh niên đô thị dưới mức 3,5%, phấn đấu 100% đoàn cơ sở có đội hình thanh niên tình nguyện, 95% thanh niên trong độ tuổi thi hành nghĩa vụ quân sự tình nguyện nhập ngũ, 100% các xã, phường có điểm khai thác, ứng dụng khoa học kỹ thuật có hiệu quả

Thông qua các kênh giới thiệu việc làm, cho vay vốn theo gói kích cầu của Chính phủ và trên cơ sở kết hợp nhiều nguồn vốn mở rộng sản xuất kinh

doanh của các thành phần kinh tế, hàng năm thị xã giải quyết được việc làm cho khoảng 1.800 - 1.850 lao động. Từ năm 2015 đến nay đã giải quyết chế độ ưu đãi cho hơn 7000 hồ sơ người có công và bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp một lần và hàng tháng; quản lý chi trả trợ cấp hàng tháng đối với hơn 5000 người với số tiền gần 5 tỷ đồng/tháng. Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội đã được quan tâm chỉ đạo thực hiện, đã thực hiện tốt công tác vận động lập hồ sơ và đưa người nghiện đi cai nghiện bắt buộc, bước đầu đã vượt kế hoạch đề ra.

Trong những năm qua, công tác giảm nghèo được quan tâm thực hiện tốt, kết hợp giữa việc giải quyết tốt chính sách của Nhà nước đối với hộ nghèo, cận nghèo và vận động xã hội hóa công tác giảm nghèo nhằm cùng với nhà nước chung tay góp phần giảm nghèo, do đó tỷ lệ giảm nghèo hàng năm của thị xã đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Từ năm 2015 đến nay đã giảm 233 hộ nghèo, tương ứng giảm 4,2% năm 2015 xuống còn 2,76% đầu năm 2019. Phần đầu đến cuối năm 2019, tỷ lệ hộ nghèo giảm trên 0,3% và không còn hộ nghèo thuộc diện chính sách người có công. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 67% năm 2018, dự kiến đạt 70% cuối năm 2019.

Dân số, lao động, chính sách xã hội trên địa bàn thị xã cũng là một yếu tố quan trọng có tác động ảnh hưởng lớn đến bố trí sử dụng đất trên địa bàn thị xã. Đặc biệt là đất ở, với 15.938 hộ, phần lớn là lao động nông nghiệp, dịch vụ nhỏ lẻ do đó nhu cầu sử dụng đất ở cứ mỗi hộ bình quân khoảng 300 m², toàn thị xã sẽ cần khoảng 475 ha đất ở.

4. Thực trạng phát triển đô thị

Thị xã đã triển khai thực hiện tốt công tác lập quy hoạch và tổ chức điều chỉnh quy hoạch chung, điều chỉnh bổ sung quy hoạch hệ thống giao thông và phân khu chức năng các phường, lập quy hoạch xây dựng các khu đô thị mới. Hiện đã tập trung ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị, nhiều công trình, dự án đã được hoàn thành xây dựng góp phần cải thiện hạ tầng đô thị như: Nâng cấp đường Nguyễn Chí Thanh; Xây dựng đường bê tông xi măng tổ 1,2,3, khu phố Đông phát, phường Hưng Chiến; hệ thống chiếu sáng đường Nguyễn Du, hệ thống chiếu sáng đường Đoàn Thị Điểm (từ Hùng Vương đến Nguyễn Văn Trỗi); Láng nhựa đường Lê Đại Hành; Công trình đường GTNT từ ngã ba Cây Cày Sóc Bể đi Sóc bung, xây dựng đan mương thoát nước đường Đoàn Thị Điểm hoàn thành 98%; Công trình xây dựng hồ bơi trường Chuyên Bình Long hoàn thành 80%; Công trình nâng cấp, mở rộng đường ĐT 752 hoàn thành 40%; đã khởi công xây dựng hệ thống chiếu

sáng đường Lê Quý Đôn, Lê Đại Hành, Hồ Tùng Mậu, Nguyễn Văn Trỗi, Lê Hồng Phong, nâng cấp đường Hai Bà Trưng nổi dài; Chuẩn bị đầu tư dự án: nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thái Học nổi dài (đoạn từ QL13 đi ranh Hớn Quản), Xây dựng trường THPT Bình Long; xây dựng đường ĐT 752 nổi dài tiếp giáp huyện Hớn Quản... cảnh quan đô thị từng bước đổi mới, khang trang hơn, trật tự đô thị có những chuyển biến tích cực.

Tuy nhiên, cơ sở hạ tầng đô thị ở một số khu vực ven đô còn chắp vá, manh mún, thiếu đồng bộ. Hệ thống vỉa hè, điện chiếu sáng, cây xanh đường phố chưa hoàn chỉnh. Kiến trúc đô thị còn hạn chế, chưa có nhiều công trình kiến trúc đặc sắc, ấn tượng, tạo điểm nhấn đô thị. Công tác quản lý đô thị còn hạn chế, việc phân cấp quản lý đô thị vẫn chưa cụ thể hoá dẫn đến tình trạng chùng chéo. Phát triển đô thị chưa khai thác được lợi thế về địa hình để xây dựng một đô thị hiện đại, hài hòa với cảnh quan môi trường sinh thái.

5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng

5.1. Hệ thống đường giao thông

*Giao thông đối ngoại: Loại hình giao thông chủ yếu trên địa bàn Thị xã Bình Long là giao thông đường bộ.

- Quốc lộ 13: là tuyến đường bộ liên tỉnh dài 142 km từ Tp Hồ Chí Minh đi qua các tỉnh Bình Dương, Bình Phước.

- Tỉnh lộ ĐT.752: Thị xã Bình Long đi tỉnh Tây Ninh, mặt đường 6m nhựa, nền 8m, 2 làn xe.

- Tỉnh lộ ĐT.758: Thị xã Bình Long điểm cuối giao nhau với Tỉnh lộ ĐT.741, mặt đường 6m nhựa, nền 8m, 2 làn xe.

- Tỉnh lộ ĐT.757: Từ ngã 3 Bù Nho (ĐT.741) đến ngã 3 cầu Càn Lê (QL13) mặt đường 6m nhựa, nền 8m, 2 làn xe.

- Đường sắt Dĩ An-Lộc Ninh: Hiện không hoạt động, tuyến đường này đã được xây dựng từ thời Pháp thuộc với khổ đường 1m, qua nhiều năm chiến tranh tuyến đường đã bị hư hỏng đang có dự án khôi phục.

- Diện tích đường tỉnh lộ và quốc lộ là 109,10 ha; diện tích giao thông đường sắt 9,3ha.

*Giao thông đô thị:

- Mạng lưới đường giao thông nội thị trên địa bàn Thị xã Bình Long tương đối tốt, đang từng bước hoàn thiện. Tuy nhiên, vẫn còn một số tuyến nội bộ tình trạng mặt đường và vỉa hè rất xấu, thường ngập úng cục bộ ảnh hưởng đến môi trường và kết cấu đường, chiều rộng trung bình không đảm bảo thoát hiểm, phòng chống cháy nổ, bố trí các tuyến hạ tầng kỹ thuật.

- Diện tích giao thông nội thị là 81,95 ha; diện tích giao thông bên bãi là 1,00ha.

5.2. Hệ thống mạng lưới điện và cấp thoát nước

a. Hệ thống mạng lưới điện

- Hiện nay Thị xã Bình Long được cấp điện từ nguồn điện lưới quốc gia qua trạm Bình Long 110/22KV-40MVA và trạm Lộc Ninh 110/22KV-25MVA.

- Các tuyến trung thế hiện hữu được xây dựng và vận hành ở cấp điện áp 22KV, tất cả là đường dây trên không, sử dụng cáp nhôm, nhôm lõi thép đi trên trục bê tông ly tâm cao 10 đến 14m.

- Các trạm hạ thế đa phần là loại trạm treo trên trụ ngoài trời, đấu nối theo hồ sơ bảo vệ bằng FCO và LA.

b. Hệ thống cấp thoát nước:

- Cấp nước: Nguồn nước mặt của Thị xã chỉ có trong mùa mưa khi nước mặt tràn vào các hồ, bầu trũng và các suối nhỏ: suối Chà Là ở phía Tây và Sa Cát ở phía Đông.

Hiện tại, thị xã Bình Long được cấp nước bằng tuyến ống dẫn từ nhà máy nước nằm cạnh hồ Xa Cam do công ty cấp nước quản lý, lấy nguồn nước hồ Xa Cam cấp cho Thị xã. Tổng công suất hiện tại 3.000m³/ngày.

Nhìn chung, nguồn nước hiện nay của Thị xã là sử dụng nước hồ Xa Cam nhưng hồ có dung tích nhỏ, không đáp ứng được cho nhu cầu tương lai của Thị xã.

- Thoát nước: Hệ thống thoát nước ở các đô thị chưa hoàn thiện, nước thải sinh hoạt, sản xuất thoát chung cùng nước mưa và thải xuống các ao hồ, kênh mương. Các địa phương hầu như không có hệ thống thoát nước hoặc có nhưng không đạt yêu cầu gây ra tình trạng ngập úng trong mùa mưa ở một số khu vực. Hiện nay chỉ có bệnh viện đa khoa tỉnh có xây dựng hệ thống xử lý nước thải, tại các bệnh viện khác nước thải được thải trực tiếp ra môi trường mang nhiều mầm mống gây bệnh truyền nhiễm và các chất độc hại. Chính những thực trạng đó, vấn đề về rác và nước thải là một khó khăn lớn trong việc xử lý môi trường cho các phường, xã. Với lưu lượng nước thải sinh hoạt tương đối lớn của các thị trấn, Thị xã đều chưa được xử lý hoặc chỉ được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sau đó cho ngấm trực tiếp xuống đất hoặc chảy vào các suối nhỏ quanh khu vực sẽ là nguồn gây ô nhiễm nghiêm trọng nguồn nước mặt và nước ngầm trong thời gian không xa.

5.3. Giáo dục và đào tạo

Ngành giáo dục và đào tạo Thị xã Bình Long đã đạt được những bước tiến đáng kể. Mạng lưới trường lớp đã được phủ kín ở các xã, thị trấn, cơ sở vật chất trường lớp đã được quan tâm đầu tư ngày càng khang trang. Toàn ngành đã nỗ lực phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”. Công tác xã hội hóa đã huy động được các nguồn lực chăm lo cho sự nghiệp giáo dục, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số khó khăn nhất định như: cơ sở vật chất tuy được quan tâm đầu tư nhưng vẫn còn chưa đáp ứng được với yêu cầu phát triển giáo dục, một số trường chưa có hàng rào kiên cố, thiếu các sân chơi, bãi tập,... phần nào hạn chế đến chất lượng giảng dạy.

Nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển; quan tâm hơn nữa đến vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Coi trọng đào tạo nghề cả về mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng; thực hiện tốt công tác xã hội giáo dục để đảm bảo nhu cầu học tập của các đối tượng, nhất là giáo dục mầm non. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, đào tạo.

Nâng cao năng lực nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ vào sản xuất. Tạo điều kiện để khuyến khích, hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ kỹ thuật hiện đại vào sản xuất.

Hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học được quan tâm đầu tư kiên cố hóa 50 phòng học lầu, nâng tỷ lệ phòng học kiên cố toàn thị xã 70,17%, giảm tỷ lệ phòng học bán kiên cố còn 29,83%; hoàn thành đưa vào sử dụng 3 trường học mới với tổng nguồn vốn đầu tư 35 tỷ 250 triệu đồng. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được huy động ra lớp ở bậc tiểu học đạt 100%. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%, trung học cơ sở 99,23%, tốt nghiệp trung học phổ thông bình quân các năm đạt 99,01%. Công tác xã hội hóa giáo dục được quan tâm đã tăng cường thêm cơ sở vật chất và trang thiết bị cho nhà trường.

5.4. Y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng

Công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em và bình đẳng giới với nhiều hoạt động thiết thực; tổ chức các hoạt động Tháng hành động vì trẻ em Tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, nâng cao chất lượng khám và điều trị. Quản lý và sử dụng có hiệu quả trang thiết bị, phòng ngừa tốt

không để xảy ra các dịch bệnh.

Chất lượng dịch vụ y tế và công tác khám, chữa bệnh ngày càng được nâng lên. Các chính sách khám, chữa bệnh cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, đối tượng bảo hiểm y tế được thực hiện hiệu quả. Năng lực dự báo, giám sát và phòng, chống dịch bệnh được nâng lên; đã ngăn chặn, không chế được các dịch bệnh, không để dịch bệnh lớn xảy ra. 100% xã, phường đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế, số giường bệnh trên vạn dân là 59 giường, số bác sĩ trên vạn dân là 12 bác sĩ, vượt so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Trên địa bàn thị xã hiện có 8 cơ sở y tế công lập, trong đó có 02 bệnh viện quy mô 360 giường bệnh, 6 trạm y tế phường, xã. Có 64 bác sĩ, 40 y sĩ, 74 điều dưỡng, 33 hộ sinh và 7 kỹ thuật viên Y. Số trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin đạt 100%.

Các bệnh viện và cơ sở y tế đều được tăng cường thêm trang thiết bị, cơ sở vật chất, kỹ thuật. Chất lượng khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh ngày càng tốt hơn. Đã thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia về tiêm chủng mở rộng, chăm sóc bà mẹ, trẻ em, kế hoạch hóa gia đình, phòng chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường. Bên cạnh đó, công tác y tế vẫn còn một số mặt hạn chế: cơ sở vật chất các trạm y tế còn thiếu và chưa hiện đại; quản lý hoạt động khám chữa bệnh và dược tư nhân còn yếu; kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm chưa thường xuyên; vấn đề vệ sinh môi trường, xử lý nước thải, rác thải còn nhiều bất cập; năng lực quản lý của đội ngũ cán bộ y tế còn hạn chế...

5.6. Văn hóa - thể thao và du lịch

Hoạt động văn hóa, văn nghệ được tổ chức thường xuyên trong các dịp lễ, tết, các sự kiện chính trị quan trọng của đất nước và địa phương với nhiều nội dung, hình thức phong phú, đa dạng đáp ứng nhu cầu hưởng thụ của Nhân dân. Nhiều giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số được khôi phục. Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được duy trì và phát triển. Hoàn thành công trình tu bổ, tôn tạo Di tích lịch sử - văn hóa cấp Quốc gia Mộ 3000 người, với tổng vốn đầu tư 36 tỷ đồng, đưa vào khai thác nhằm phát huy giá trị các di tích, góp phần giáo dục truyền thống cho thế hệ trẻ.

5.7. Mạng lưới bưu chính - viễn thông

Mạng lưới bưu chính viễn thông đã được phủ sóng trên toàn địa bàn thị xã và phát triển khá mạnh. Các dịch vụ bưu chính - viễn thông, vận chuyển

bưu phẩm, bưu kiện, chuyển tiền, điện thoại, điện báo... phát triển nhanh và đa dạng, cung cấp thêm nhiều dịch vụ mới, chất lượng tăng dần.

III. PHÂN TÍCH ĐÁNH GIÁ VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC SỬ DỤNG ĐẤT

1. Các hiện tượng thiên tai và thời tiết cực đoan

Thị xã Bình Long tuy không chịu ảnh hưởng thiếu nước do nắng nóng, hạn hán nhưng những cơn mưa kèm giông lốc đã gây thiệt hại đáng kể về cây trồng của nhân dân. Trong 2 năm 2018 và 2019 trên địa bàn thị xã không có thiệt hại về người, thiệt hại 15,6 ha cây trồng, làm tốc mái 18 căn nhà.

Khi có mưa, lũ, lụt, thiên tai xảy ra phải chủ động ứng phó, khắc phục hậu quả theo phương châm 4 tại chỗ. Cử cán bộ thực hiện công tác PCTT các xã, phường và người dân sinh sống tại các khu vực thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, tham gia các lớp tập huấn PCTT&TKCN do các cấp, các ngành tổ chức.

UBND thị xã Bình Long cũng chỉ đạo Ban chỉ huy phòng, chống PCTT&TKCN thị xã thường xuyên cập nhật thông tin, theo dõi tình hình thời tiết, tình hình mưa lũ để kịp thời thông tin dự báo, cảnh báo đến các xã phường trong thị xã để người dân chủ động phòng, tránh.

2. Tác động của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất

Kịch bản biến đổi khí hậu (BĐKH) cho tỉnh Bình Phước đã xây dựng lần đầu vào năm 2012, đến năm 2020, kịch bản tiếp tục được cập nhật trên cơ sở Kịch bản BĐKH và nước biển dâng cho Việt Nam, công bố năm 2016. Dựa vào kịch bản cập nhật mới, các tác động cũng như tổn thương đến đối tượng kinh tế - xã hội đã được nhận diện theo 2 kịch bản RCP 4.5 và RCP 8.5.

Theo báo cáo đánh giá tác động của biến đổi khí hậu đến lĩnh vực sử dụng đất tại tỉnh Bình Phước theo kịch bản RCP 4.5 cho thấy:

- Vào năm 2025, thị xã Bình Long có mức độ biến đổi nhiệt độ tăng khoảng 0,68 - 0,70°C; lượng mưa tăng khoảng 8,7%, là một trong những đơn vị hành chính của tỉnh Bình Phước chịu tác động cao nhất của biến đổi khí hậu đến việc sử dụng đất. Là thị xã chịu sự ảnh hưởng của các yếu tố như ngập, mưa, nhiệt độ lớn.

- Vào năm 2030, mức độ biến đổi nhiệt độ trung bình từ 0,89 - 0,91°C, lượng mưa tăng khoảng 9,6%, tác động cao do biến đổi khí hậu đến sử dụng đất ngày càng mở rộng hơn.

Thị xã Bình Long có cơ cấu đất nông nghiệp, đất rừng, đất trồng cây ăn

trái, công nghiệp lâu năm, đất sông hồ, đất khu xử lý rác thải chịu sự tác động cao của biến đổi khí hậu. Còn các loại đất khác như giao thông, công trình, quốc phòng - an ninh, nhà ở, trụ sở ủy ban, công ty chịu sự tác động vừa do biến đổi khí hậu. Cụ thể:

- Tác động đến đất sản xuất nông nghiệp: Biến đổi khí hậu đã và đang tác động mạnh mẽ đến ngành trồng trọt, mưa lũ gây ảnh hưởng đến diện tích đất canh tác. Biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp đã khiến cho mưa lũ ngày càng cực đoan. Đơn cử như, năm 2017, trên địa bàn 2 xã Thanh Lương, Thanh Phú của Thị xã, 2 trận mưa giông lớn đã khiến khoảng 15.000 trụ tiêu bị gãy đổ, nhiều diện tích điều và cao su của các hộ dân bị gãy đổ.

Cơ cấu sử dụng một số loại đất nông nghiệp có sự thay đổi, diện tích một số loại sử dụng đất sẽ phải chuyển sang các hình thức sử dụng khác. Sự thu hẹp đất canh tác, làm giảm khả năng duy trì diện tích đất trồng cây lương thực đặc biệt là đất trồng lúa, đất trồng cà phê... Sản lượng của các ngành nông nghiệp phụ thuộc vào mưa giảm đi đáng kể. Dưới sự thay đổi nhiệt độ, lượng mưa... làm cho các loài cây bị giảm năng suất.

- Biến đổi khí hậu tác động đối với giao thông: Biến đổi khí hậu với nhiệt độ tăng và tăng cường độ bão lũ sẽ làm các con đường nhanh chóng xuống cấp, hư hỏng nhất là đường nông thôn, các tuyến đường đi qua địa hình đồi núi. Các cơ sở hạ tầng được thiết kế theo qui chuẩn hiện hữu sẽ không còn đáp ứng trong trường hợp biến đổi khí hậu về sức chịu tải, độ bền, độ an toàn,...

- Biến đổi khí hậu tác động đối với công nghiệp và xây dựng và nhà ở: Các điều kiện khí hậu cực đoan, thiên tai làm giảm tuổi thọ của vật liệu, linh kiện, máy móc, thiết bị và giảm chất lượng công trình, đòi hỏi chi phí tăng lên để khắc phục. Nhiệt độ tăng, thời tiết nóng gây khó khăn cho quá trình bảo quản nguyên vật liệu và sản phẩm.

Biến đổi khí hậu mà trước hết là nhiệt độ tăng, sự bất thường về khí hậu và gia tăng tần suất cường độ thiên tai sẽ tác động tới tính tiện nghi, tính hữu dụng, sức chịu tải, độ bền, độ an toàn của các công trình được thiết kế trước đó khi mà không xem xét tới yếu tố biến đổi khí hậu.

Do vậy, quy hoạch sử dụng đất thị xã Bình Long cần phải bố trí sử dụng đất phù hợp. Cần dành quỹ đất để xây dựng các công trình ứng phó với biến đổi khí hậu. Ngoài ra, quy hoạch gìn giữ diện tích sông, suối, hồ... phù hợp góp phần điều hòa khí hậu, môi trường, tưới tiêu phục vụ sản xuất,... để thích

ứng và giảm thiểu tác động trực tiếp và gián tiếp của biến đổi khí hậu.

IV. NHẬN XÉT CHUNG VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ CẢNH QUAN MÔI TRƯỜNG

1. Thuận lợi

Thị xã Bình Long có vị trí địa lý, kinh tế, chính trị, quốc phòng quan trọng của tỉnh Bình Phước; là cửa ngõ phía Tây của tỉnh, giữa Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với nước bạn Campuchia, đây là lợi thế cho phát triển kinh tế nói chung và sử dụng đất nói riêng về nguồn vốn, nhân lực có chất lượng cao, chuyển giao khoa học kỹ thuật, chế biến và tiêu thụ nông sản.

Điều kiện tự khí hậu nhiệt đới gió mùa khá ôn hoà, địa hình tương đối bằng, thuận lợi cho việc khai thác, sử dụng đất; phần lớn đất đai là đất đỏ bazan, tầng đất dày, thuận lợi cho phát triển cây lâu năm. Đây là tiền đề hình thành các vùng sản xuất tập trung các sản phẩm nông nghiệp hàng hoá xuất khẩu chiến lược hàng đầu của quốc gia như: Cao su, Tiêu, Điều.

Có nhiều tuyến đường giao thông quan trọng, đặc biệt là QL13 cùng nhiều tuyến đường nhánh liên khu phố gắn liền với các trục giao thông chính, tạo thành một mạng lưới giao thông thuận lợi cho việc đi lại cũng như giao lưu, trao đổi hàng hóa với các địa phương trong và ngoài thị xã.

Mật độ dân số thấp, bình quân diện tích đất nông nghiệp cao so với cả nước và vấn đề đô thị hoá chưa cao, nó chưa thực sự tạo sức ép mạnh mẽ đến vấn đề sử dụng đất.

Thực trạng môi trường trên địa bàn Thị xã còn tương đối tốt, chưa có dấu hiệu ô nhiễm vượt mức cho phép gây ảnh hưởng đến sức khỏe, đời sống, sinh hoạt của người dân trong Thị xã.

2. Những khó khăn, hạn chế

Điều kiện khí hậu phân hóa hai mùa (mùa mưa, có lượng mưa lớn, tập trung gây lũ cuốn, sạt lở đất; mùa khô, nền nhiệt bức xạ cao, thường hạn hán) gây khó khăn cho phát triển nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất cây lương thực (trồng lúa).

Vị trí địa lý cách xa các trung tâm kinh tế và các thành phố lớn ảnh hưởng nhiều trong việc thu hút, kêu gọi đầu tư nói chung và phát triển công nghiệp nói riêng.

Lực lượng lao động dồi dào nhưng đa số chưa được đào tạo chuyên môn, chưa đủ năng lực cho việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào phát triển sản xuất cũng như các ngành nghề khác.

Lượng dân nhập cư nhiều là một thách thức lớn cho địa phương trong

việc giải quyết việc làm, phát triển kinh tế cũng như việc bảo đảm trật tự, an ninh xã hội trên địa bàn.

Tóm lại, những năm gần đây nền kinh tế của thị xã Bình Long đã có những bước chuyển dịch đáng kể, có nhiều khởi sắc, đời sống vật chất và tinh thần của đại bộ phận nhân dân đã được cải thiện; các chương trình hỗ trợ của Đảng và Nhà nước đã thực sự đi vào cuộc sống làm thay đổi bộ mặt của các khu phố. Vấn đề đặt ra là trong quá trình phát triển kinh tế xã hội việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhất là đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp ngày càng lớn và sẽ gia tăng trong những năm tới. Từ nay đến năm 2030 việc khai thác sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, theo hướng khoa học, mang lại hiệu quả kinh tế cao là một yêu cầu bức thiết cần được xem xét nghiêm túc và đó là công tác quy hoạch sử dụng đất của thị xã.

Phần thứ hai

TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT ĐAI

I. TÌNH HÌNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

1. Tình hình thực hiện một số nội dung quản lý nhà nước về đất đai có liên quan đến việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Công tác quản lý đất đai luôn được cấp uỷ và chính quyền thị xã chú trọng, quan tâm, dần đi vào nề nếp, ngày càng quản lý tốt hơn theo yêu cầu của Luật Đất đai năm 2013, đã hình thành hệ thống quản lý đất đai từ thị xã đến các phường, đảm bảo việc quản lý đất đai theo các nội dung quy định.

1.1. Tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật về quản lý, sử dụng đất đai và tổ chức thực hiện văn bản đó

Công tác quản lý đất đai là vấn đề phức tạp và rất nhạy cảm do vậy UBND thị xã thường xuyên kiểm tra đôn đốc công tác triển khai các văn bản liên quan đến công tác quản lý đất đai. Sau khi Luật Đất đai năm 2013 và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai có hiệu lực, Ủy ban nhân dân Thị xã Bình Long đã tổ chức các lớp tập huấn cho các cán bộ chủ chốt từ thị xã đến cơ sở. Đồng thời tổ chức tuyên truyền, tìm hiểu về Luật Đất đai trên các phương tiện thông tin đại chúng và bằng nhiều hình thức phong phú nhằm giúp người dân hiểu và thực hiện Luật Đất đai. Qua đó uốn nắn kịp thời những trường hợp vi phạm trong công tác quản lý đất đai trên địa bàn, tổ chức công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để người dân biết và góp ý trong quá trình tổ chức thực hiện.

1.2. Xác định địa giới hành chính, lập và quản lý hồ sơ địa giới hành chính, lập bản đồ hành chính

Thực hiện Chỉ thị 364/CT-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ), Thị xã đã hoàn thành việc hoạch định ranh giới hành chính trên cơ sở tài liệu bản đồ địa hình 1/10.000 và 1/50.000, có chỉnh lý và bổ sung, xây dựng nên bản đồ hành chính của thị xã và điều chỉnh lại theo Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Dự án hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính, đồng thời công bố diện tích tự nhiên của các cấp hành chính. Hồ sơ được lập, lưu trữ và quản lý theo đúng quy định của pháp luật.

1.3. Khảo sát, đo đạc, lập bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất và bản đồ quy hoạch sử dụng đất; điều tra, đánh giá tài nguyên đất; điều tra xây dựng giá đất

Công tác điều tra khảo sát, đo đạc địa chính chính quy đã được quan tâm nhằm phục vụ cho công tác quản lý đất đai từ những năm 2005. Bản đồ hiện trạng sử dụng đất được tiến hành xây dựng theo định kỳ. Đã lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của thị xã năm 2019 và bản đồ quy hoạch sử dụng đất thị xã Bình Long năm 2020.

Nhìn chung trong những năm qua công tác đo đạc thành lập bản đồ địa chính được tiến hành tương đối khẩn trương giúp Thị xã, các phường, xã nắm chắc quỹ đất, tăng cường một bước công tác quản lý nhà nước về đất đai, phục vụ kịp thời việc giao đất, thu hồi đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Công tác này đã được tiến hành từ năm 1997. Do các loại tài liệu đo đạc được thực hiện từ những 1997 đến 2005, máy móc trang thiết bị và công nghệ tại thời điểm đó chưa hiện đại, cùng với sự biến động trong quá trình sử dụng đất và việc chia tách, sáp nhập các đơn vị hành chính nên hiện nay thị xã đang tổ chức tiến hành công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp GCNQSD đất, lập hồ sơ địa chính đồng loạt đối với toàn bộ diện tích đất đai của thị xã theo quy định hiện hành.

1.4. Quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Do nhận thức đây là công tác quan trọng để quản lý đất đai theo luật định, định hướng cho người sử dụng đất đúng mục đích có hiệu quả. UBND thị xã Bình Long đã giao nhiệm vụ cho cơ quan quản lý đất đai của thị xã phối hợp với các cơ quan Trung ương, tỉnh xây dựng quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất theo Luật Đất đai năm 2013, cụ thể:

- Hoàn thành xây dựng phương án quy hoạch đến năm 2020 vào năm 2013 và được điều chỉnh bổ sung vào năm 2020.

- Kế hoạch sử dụng đất đai hàng năm của thị xã đã xây dựng thông qua HĐND cùng cấp và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt từ năm 2015 đến nay theo đúng quy định pháp luật làm căn cứ để các ngành thuộc tỉnh, thị xã và các địa phương thực hiện việc bố trí và sử dụng đất.

1.5. Quản lý việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất

Việc giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất được tiến hành thường xuyên và theo đúng quy định của pháp luật. Quản lý việc chuyển mục đích sử dụng đất chặt chẽ, về cơ bản chỉ thực hiện được ở những dự án đã được phê duyệt.

Theo kết quả thống kê đất đai năm 2020, toàn thị xã đã giao và cho thuê cho các đối tượng quản lý, sử dụng được 12.640,67 ha, bằng 100% diện tích tự nhiên, trong đó:

a/ *Giao cho các đối tượng sử dụng* 11.879,17 ha, chiếm 93,98 % diện tích tự nhiên, gồm:

- Hộ gia đình, cá nhân: 8.755,17 ha, chiếm 69,26 % diện tích tự nhiên;
- Các tổ chức kinh tế: 2.954,31 ha, chiếm 23,37 % diện tích tự nhiên;
- Cơ quan đơn vị của nhà nước: 103,35 ha chiếm 0,82 % diện tích tự nhiên;
- Tổ chức sự nghiệp công lập: 46,38 ha chiếm 0,37 % diện tích tự nhiên;
- Cộng đồng dân cư và Cơ sở tôn giáo: 19,95 ha chiếm % diện tích tự nhiên;

b/ *Giao cho các đối tượng quản lý* 761,51 ha, chiếm 6,02 % diện tích tự nhiên, gồm:

- UBND cấp xã: 417,53ha, chiếm 3,30 % diện tích tự nhiên;
- Tổ chức phát triển quỹ đất: 4,33 ha, chiếm 0,03 % diện tích tự nhiên;
- Cộng đồng dân cư và Tổ chức khác: 339,65 ha, chiếm 2,69 % diện tích tự nhiên.

1.6. Đăng ký đất đai, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Trong những năm qua, công tác đăng ký quyền sử dụng đất, lập và quản lý hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được UBND Thị xã quan tâm chỉ đạo thực hiện và đã đạt được kết quả quan trọng. Việc đăng ký, lập hồ sơ địa chính đã hoàn thành, hệ thống sổ sách, hồ sơ địa chính như sổ mục kê, sổ địa chính, sổ theo dõi biến động đất đai, sổ theo dõi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được hoàn thiện theo đúng quy định. kết quả đạt được như sau:

- Công tác cấp GCNQSD đất: 204,69 ha;
- Công tác giao đất: 557,85 ha;
- Công tác đấu giá quyền sử dụng đất: 3,49 ha;
- Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở: 43,94 ha;
- Chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng lúa sang đất trồng cây lâu năm: 31,91 ha;
- Cho thuê đất: 3,77 ha.

1.1.7. Thống kê, kiểm kê đất đai

Công tác thống kê được tiến hành hàng năm, còn công tác kiểm kê đất đai được tiến hành 5 năm một lần (2009, 2014, 2019). Hiện nay huyện đã hoàn thành công tác kiểm kê đất đai năm 2019 theo Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019; Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất; Quyết định số 1762/QĐ-BTNMT ngày 14/7/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Phương án thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019.

Trên cơ sở Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 12/7/2019 của UBND tỉnh về việc thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Kế hoạch số 610/KH-UBND ngày 6/8/2019 của UBND huyện về việc thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 trên địa bàn thị xã Bình Long. Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo các ban ngành thực hiện công tác kiểm kê đất đai 2019 hoàn thành theo đúng kế hoạch, đảm bảo chất lượng.

1.1.8. Quản lý tài chính về đất đai

Việc thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, thu các khoản phí, lệ phí... đều được thực hiện đúng quy định của Nhà nước. Mọi khoản thu đều thông qua thuế và kho bạc Nhà nước, đảm bảo thu đúng, thu đủ. Một phần tài chính thu được từ đất đai được trích ra để xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ các mục đích phát triển kinh tế xã hội của thị xã.

1.1.9. Quản lý và phát triển thị trường chuyển quyền sử dụng đất trong thị trường bất động sản

Là một trong những trung tâm văn hóa, kinh tế của tỉnh, thị trường quyền sử dụng đất và thị trường bất động sản có tính tổ chức cao, hoạt động khá sôi động, song còn mang tính tự phát.

Tuy nhiên, Do việc đầu tư xây dựng các khu đô thị mới, các tuyến phố,... đang được triển khai xây dựng do vậy thị trường bất động sản khu vực công nghiệp, thương mại và dịch vụ, thị trường đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, công trình công cộng đang phát triển một cách sôi động.

1.11. Quản lý, giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất

Căn cứ vào quy định của pháp luật nói chung và Luật Đất đai nói riêng, trong những năm qua các cấp, các ngành trong địa bàn thị xã đã và đang quản lý, giám sát việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất ngày một tốt hơn. Điều đó thể hiện ở việc các cấp Ủy đảng, chính quyền thường xuyên quan tâm lãnh đạo, ban hành các Chỉ thị, Nghị quyết và cụ thể hoá các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước để triển khai thực hiện ở địa phương, đảm bảo mọi quyền lợi hợp pháp của người dân, đồng thời cũng động viên và huy động được nhân dân tham gia đóng góp nghĩa vụ với nhà nước bằng việc thực hiện tốt các chính sách thuế.

Tuy nhiên vẫn còn xảy ra tình trạng lấn chiếm đất của tổ chức, đất công; nhiều hộ gia đình mua, bán chuyển nhượng và chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang làm đất ở, đất sản xuất kinh doanh không làm thủ tục với cơ quan nhà nước. Chính quyền cơ sở chưa thường xuyên chỉnh lý, theo dõi nắm chắc tình hình biến động đất đai, vẫn còn phát sinh nhiều vụ việc tranh chấp đất đai, việc tổ chức triển khai tuyên truyền chính sách pháp Luật Đất đai chưa thực sự chú trọng quan tâm đến với người dân.

1.12. Thanh tra, kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật về đất đai và xử lý vi phạm pháp luật về đất đai

Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành chế độ quản lý sử dụng đất được thị xã quan tâm nhằm phát hiện ra những hạn chế trong quản lý sử dụng đất để có các giải pháp khắc phục kịp thời. Qua đó phát hiện những vi phạm, những vướng mắc trong triển khai thực hiện Luật Đất đai để kịp thời điều chỉnh nắm bắt đôn đốc các ngành các xã giải quyết tháo gỡ kịp thời, đồng thời từ đó hoàn chỉnh chính sách đất đai.

1.13. Phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai

Xác định công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai là nhiệm vụ trọng tâm, trong những năm qua thị xã thường xuyên tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về đất đai trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân hiểu rõ các quy định của pháp luật về đất đai, từ đó thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, đảm bảo lợi ích chính đáng của người dân. Bên cạnh đó huyện cũng thường xuyên tổ chức các hội nghị tập huấn, triển khai các văn bản quy phạm pháp luật mới về lĩnh vực đất đai cho đội ngũ xóm trưởng, cán bộ địa chính các phường, xã để kịp thời cập nhật, nắm bắt các quy định mới, nâng cao chất lượng công tác quản lý đất đai.

1.14. Giải quyết tranh chấp về đất đai; giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quản lý và sử dụng đất đai

Trong những năm qua đã làm tốt công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai kịp thời. Công tác tiếp dân luôn được coi trọng và thực hiện có nền nếp, đúng nội quy, quy chế tiếp dân và luật khiếu nại, tố cáo. Phòng Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu cho UBND thị xã giải quyết dứt điểm và một số đơn thư trả lời bằng văn bản. Nội dung khiếu nại chủ yếu tập trung về bồi thường khi nhà nước thu hồi đất; khiếu nại về giá bồi thường không hợp lý, không sát với giá thị trường, bố trí tái định cư không kịp thời, việc thực hiện bồi thường chậm.

Việc giải phóng mặt bằng trên địa bàn thị xã rất khó khăn phức tạp, do cơ chế, chính sách thường xuyên thay đổi, một số điểm còn bất cập và thiếu đồng bộ, đội ngũ cán bộ chuyên trách tham mưu năng lực còn hạn chế, yêu cầu đòi hỏi chế độ chính sách bồi thường của dân thường quá cao so với quy định gây cản trở trong khâu giải phóng mặt bằng.

1.15. Quản lý hoạt động dịch vụ về đất đai

Việc giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được quan tâm thực hiện tốt, đảm bảo đúng quy định tại văn phòng UBND thị xã Bình Long thông qua bộ phận tiếp nhận hồ sơ nhằm đơn giản hoá thủ tục hành chính.

Việc đăng ký quyền sử dụng đất, đăng ký biến động về đất thực hiện thủ tục hành chính về quản lý, sử dụng đất chưa theo kịp diễn biến và thực tế sử dụng đất.

2. Đánh giá những kết quả đạt được và những tồn tại cần khắc phục trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh

2.1. Những kết quả đạt được trong quản lý nhà nước về đất đai

Công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn thị xã trong những năm qua đã có những tiến bộ rõ rệt, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm và thu nhập cho dân cư, cải thiện môi trường sống chung, giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Hệ thống bộ máy quản lý nhà nước về đất đai được tăng cường. Các cơ sở dữ liệu về đất đai ngày càng phong phú hơn, đầy đủ hơn, chính xác hơn và được chuẩn hóa, lưu giữ khoa học hơn. Quyền sử dụng đất đã bước đầu trở thành tài sản để Nhà nước và nhân dân vốn hóa đưa vào đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội. Thị trường bất động sản, hệ thống chính sách tài chính về đất đai bước đầu

hình thành, tuy còn sơ khai nhưng đã khuyến khích sử dụng đất hiệu quả hơn, mang về nguồn thu lớn cho ngân sách nhà nước. Có thể khái quát một số kết quả đạt được của công tác quản lý nhà nước về đất đai ở những mặt chính sau:

- Chính sách đất đai đã chú ý tới các mặt kinh tế, xã hội và chính trị; bảo đảm hài hòa lợi ích của Nhà nước, người sử dụng và nhà đầu tư.

- Việc khai thác, sử dụng đất đã đúng mục đích hơn, đã phát huy tốt được tiềm năng, nguồn lực đất đai vào phát triển kinh tế - xã hội.

- Việc lập và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đang dần đi vào ổn định.

- Đã cơ bản hoàn thành thực hiện việc giao, cho thuê đất cho các hộ gia đình và các cá nhân sử dụng, góp phần vào sự ổn định xã hội, tạo nguồn lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Triển khai từng bước công tác thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng góp phần vào xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Trật tự trong quản lý đất đai được thiết lập theo pháp luật, bảo đảm thống nhất quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương, có chế tài nghiêm trong thực thi chính sách, pháp Luật Đất đai.

- Từng bước khắc phục được tình trạng buông lỏng quản lý đất đai, khắc phục những hạn chế, yếu kém trong công tác quản lý và sử dụng đất; tăng cường quản lý chặt chẽ đất đai; khắc phục, xử lý vi phạm cũ đi đôi với ngăn chặn, phòng ngừa xử lý kịp thời vi phạm mới phát sinh; giảm thiểu tình trạng giao đất trái thẩm quyền, sử dụng đất sai mục đích, lấn chiếm hành lang an toàn giao thông, thủy lợi...; từng bước lập lại trật tự, kỷ cương trong quản lý, sử dụng đất đai; khai thác, sử dụng đất đai hợp lý tiết kiệm, phát huy nguồn lực đất đai, đáp ứng nhu cầu đất đai cho phát triển kinh tế - xã hội của thị xã.

- Bước đầu đã huy động được cả hệ thống chính trị tăng cường cho công tác quản lý đất đai; hiệu quả phối kết hợp giữa UBND các cấp, các ngành với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức trong công tác quản lý đất đai ngày càng được tăng cường, đặc biệt là trong các lĩnh vực tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về đất đai, dôn điền đổi thửa, xử lý vi phạm pháp Luật Đất đai, hòa giải tranh chấp đất đai giữa hộ gia đình, cá nhân trong khu dân cư...

2.2. Một số hạn chế, bất cập trong quản lý nhà nước về đất đai

Do đất đai là yếu tố nhạy cảm, việc sử dụng đất đai mang nặng tính lịch sử, trong tư duy của một bộ phận nhân dân chưa phù hợp với quy định của pháp luật, một số nội dung quản lý đất đai trước đây thiếu chặt chẽ, tạo kẽ hở pháp luật nên dẫn đến một số tồn tại cần được khắc phục, cụ thể:

- Quan niệm và nhận thức về sở hữu đất đai của người dân không rõ ràng, gây khó khăn trong việc thu hồi đất, quản lý mặt bằng, giải quyết khiếu nại, tranh chấp đất đai.

- Việc sử dụng đất ở một số nơi còn lãng phí, để hoang hoá, không sử dụng đất liên tục 12 tháng sau khi được giao đất. Tình trạng vi phạm pháp Luật Đất đai vẫn xảy ra như lấn chiếm đất công, sử dụng đất không đúng mục đích, sử dụng vi phạm quy hoạch...

- Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được tiến hành nhưng còn chậm nhất là đối với đất ở... ảnh hưởng đến việc quản lý nhà nước về đất đai.

Nhìn chung chất lượng các phương án quy hoạch sử dụng đất còn hạn chế, nội dung dự báo mang tính chủ quan, chưa lường hết được nhu cầu phát triển các ngành, lĩnh vực; kế hoạch sử dụng đất hàng năm chưa được bám sát quy hoạch và điều chỉnh kịp thời để phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Còn có sự chồng chéo giữa quy hoạch sử dụng đất với quy hoạch xây dựng đô thị, quy hoạch của các ngành dẫn đến khó khăn trong việc thực hiện quy hoạch.

2.3. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

- Nguyên nhân khách quan:

- + Đất đai là vấn đề phức tạp, nhạy cảm; công tác quản lý đất đai trên địa bàn thị xã có thời điểm đã bị buông lỏng, hậu quả để lại không thể khắc phục trong thời gian ngắn. Mặt khác, đất đai là tài sản có giá trị lớn nên dễ phát sinh tiêu cực, vi phạm.

- + Chính sách, pháp Luật Đất đai năm 2013 còn có những điểm bất cập, chưa đồng bộ gây khó khăn cho công tác quản lý đất đai và tạo kẽ hở cho vi phạm pháp luật về đất đai rất khó xử lý.

- + Quỹ đất công có diện tích lớn để kêu gọi doanh nghiệp đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội và đầu tư sản xuất kinh doanh hiện không còn, doanh nghiệp chủ yếu phải tự tạo quỹ đất nên khó thu hút được đầu tư từ doanh nghiệp.

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Việc xử lý đối với các cán bộ có hành vi sai phạm hoặc thiếu tinh thần trách nhiệm, buông lỏng quản lý đất đai ở một số nơi còn chưa kiên quyết; nhất là truy cứu trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cơ sở nơi để xảy ra vi phạm pháp luật về đất đai.

+ Sự phối hợp giữa các cấp, các ngành, giữa chính quyền các cấp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể trong hệ thống chính trị để thực hiện các nhiệm vụ về quản lý đất đai có lúc, có nơi chưa chặt chẽ.

+ Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường, nhất là cấp xã còn bất cập so với yêu cầu; vai trò tham mưu cho chính quyền các cấp trong công tác quản lý nhà nước về đất đai còn hạn chế.

3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về đất đai

Từ những kết quả đạt được và những tồn tại trong công tác quản lý nhà nước về đất đai của thị xã có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm như sau:

- Đảm bảo tiến độ, nâng cao chất lượng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, đặc biệt coi trọng dự báo chính xác về nhu cầu quỹ đất cho phát triển các ngành, lĩnh vực sát với các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát trong việc lập và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thị xã. Đảm bảo tính minh bạch, công khai trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Thực hiện nghiêm túc việc bố trí 10% tổng số tiền thu từ cấp quyền sử dụng đất cho công tác quản lý đất đai để đầu tư cho sự nghiệp của ngành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong việc tiến khai các nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai của huyện.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong việc quản lý, sử dụng đất và giải quyết dứt điểm các trường hợp vi phạm pháp luật về đất đai.

Được quan tâm chú trọng, song do tính chất phức tạp của đất đai, giá trị đất đai ngày càng tăng trong bối cảnh còn có những hạn chế, bất cập trong hệ thống chính sách nên tình trạng vi phạm pháp Luật Đất đai vẫn còn diễn ra ở các phường, xã, khó khăn trong việc khắc phục triệt để các tình trạng này.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật về đất đai đối với cán bộ, đảng viên và nhân dân trong toàn thị xã, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên của các

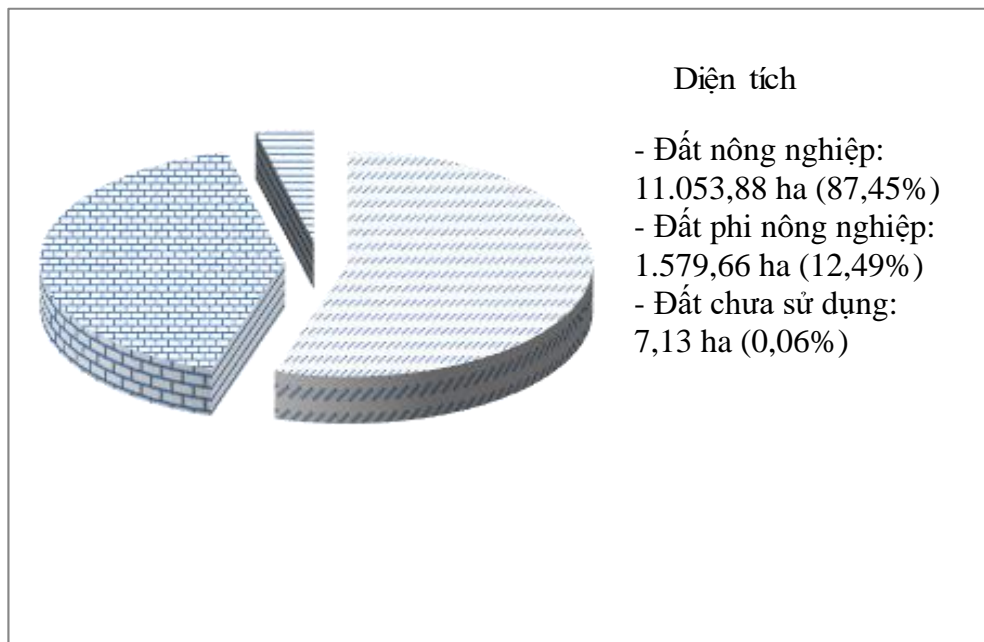
cấp ủy đảng, chính quyền.

- Tăng cường và thực hiện tốt việc phối hợp giữa các cấp, các ngành, giữa chính quyền các cấp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể, thực hiện một cách đồng bộ trong toàn hệ thống chính trị trong quản lý đất đai.

II. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

1. Hiện trạng sử dụng đất thị xã Bình Long năm 2020

Theo thống kê đất đai năm 2020, tổng diện tích đất tự nhiên của toàn thị xã là 12.640,67 ha. Trong đó diện tích đất nông nghiệp là 11.053,88 ha chiếm 87,45% tổng diện tích đất tự nhiên; đất phi nông nghiệp là 1.579,66 ha, chiếm 12,49% tổng diện tích đất tự nhiên; đất chưa sử dụng là 7,13 ha, chiếm 0,06% tổng diện tích đất tự nhiên.



Hình 1: Hiện trạng sử dụng đất thị xã Bình Long năm 2020

1.1. Đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp có 11.053,88 ha, chiếm 87,45% diện tích đất tự nhiên, bao gồm:

- Đất trồng lúa: 210,68 ha.
- Đất trồng cây hàng năm khác: 172,60 ha.
- Đất trồng cây lâu năm: 10.649,23 ha.
- Đất nuôi trồng thủy sản: 21,21 ha.
- Đất nông nghiệp khác: 0,16 ha.

a. Đất trồng lúa

Đất trồng lúa chiếm 1,91% diện tích đất nông nghiệp, được phân bố rải rác ở các khe suối trên địa bàn thị xã. Năng suất lúa bình quân cả năm 2020 đạt 37,32 tạ/ha, Do đặc thù địa hình của thị xã, diện tích đất trồng lúa chiếm tỷ trọng không đáng kể và chủ yếu là đất trồng lúa nước còn lại.

b. Đất trồng cây hàng năm khác

Đất trồng cây hàng năm khác có diện tích 172,60 ha, chiếm 1,56% đất nông nghiệp; Cũng tương tự diện tích đất trồng lúa, diện tích đất trồng cây hàng năm khác chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu đất nông nghiệp. Chủ yếu trồng rau màu phục vụ nguồn cung tại chỗ của người dân.

c. Đất nuôi trồng thủy sản

Diện tích đất nuôi trồng thủy sản năm 2020 của thị xã có 21,21 ha, chiếm 0,19% diện tích đất nông nghiệp. phân bố rải rác ở những khu vực úng trũng trên địa bàn.

d. Đất trồng cây lâu năm

Đất trồng cây hàng năm khác có diện tích 10.649,23 ha, chiếm 96,34% đất nông nghiệp; Nhìn chung, ước tính diện tích, năng suất, sản lượng cây lâu năm giảm nhẹ so với ước tính cùng kỳ, một số diện tích cây lâu năm như cao su, điều ... trong các dự án bất động sản của tư nhân bị cắt bỏ hiện nay chưa trồng loại cây lâu năm nào.

Chi tiết hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp Thị xã Bình Long năm 2020 xem Bảng 1.

Bảng 1. Hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp năm 2020

TT	CHỈ TIÊU	Mã	Tổng số	Cơ cấu (%)
1	Đất nông nghiệp	NNP	11.053,88	100.00
1.1	Đất trồng lúa	LUA	210,68	1,91
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	0,79	0,01
	Đất trồng lúa nước còn lại	LUK	209,89	1,90
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	172,60	1,56
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	10.649,23	96,34
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	21,21	0,19
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,16	0.001

1.2. Đất phi nông nghiệp

Năm 2020, đất phi nông nghiệp trên địa bàn thị xã có diện tích là 1.579,66 ha, chiếm 12,50% diện tích đất tự nhiên, bao gồm:

a. Đất quốc phòng

Đất quốc phòng có diện tích 21,40 ha, chiếm 1,35% diện tích đất phi nông nghiệp. Đây là diện tích đất của trụ sở các cơ quan quân sự của thị xã...

b. Đất an ninh

Đất an ninh có diện tích 3,28 ha chiếm 0,21% diện tích đất phi nông nghiệp, gồm các trụ sở công an thị xã, các phường và các đơn vị thuộc công an tỉnh.

c. Đất khu, cụm công nghiệp

Trên địa bàn thị xã hiện có diện tích 81,83 ha đất khu, cụm công nghiệp, những ngành công nghiệp chủ yếu là xi măng, điện, xây dựng và tiểu thủ công nghiệp.

e. Đất thương mại, dịch vụ; cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp

Có diện tích 45,15 ha chiếm 2,86% diện tích đất phi nông nghiệp. Trên địa bàn thị xã có khu công nghiệp Việt Kiều và các trung tâm thương mại, dịch vụ, nhà hàng, khách sạn và các cơ sở sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ của các doanh nghiệp tư nhân được phân bố trên khắp địa bàn thị xã, hiện đang được sử dụng rất hiệu quả, mang lại nguồn thu đáng kể cho thị xã. Tuy nhiên, điều kiện đầu tư về công tác xử lý chất thải của các cơ sở này còn hạn chế, những năm tới cần tăng cường công tác kiểm tra đánh giá tác động môi trường và có kế hoạch di dời khi cần thiết.

f. Đất cơ sở hạ tầng

Đất cơ sở hạ tầng có diện tích là 763,06 ha chiếm 49,18% diện tích phi nông nghiệp, gồm:

+ Đất giao thông: Có diện tích 634,46 ha, là loại đất chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu đất cơ sở hạ tầng (83,45%), bao gồm tuyến đường sắt đi qua thị xã được xây dựng từ thời Pháp thuộc hiện không còn sử dụng, quốc lộ 13, và hệ thống giao thông đô thị. Nhìn chung, mạng lưới giao thông trên địa bàn thị xã khá đồng bộ, hoàn thiện và phát triển cơ bản đáp ứng được nhu cầu hiện tại. Tuy nhiên, nhiều tuyến giao thông còn chưa được đầu tư hoàn thiện; chất lượng giao thông trong các khu dân cư còn kém; trong tương lai cần phải có nguồn kinh phí lớn để tiếp tục đầu tư xây dựng và hoàn thiện hệ thống đường giao thông đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

+ Đất công trình năng lượng: có diện tích 5,47 ha, chiếm 0,35% diện tích đất phi nông nghiệp. Đây là đất các công trình trạm biến thế và hệ thống dây điện, dây dẫn,...

+ Đất bưu chính viễn thông: có diện tích 0,51 ha, chiếm tỷ trọng nhỏ đất phi nông nghiệp (0,03%). Đất này bao gồm các hệ thống cột và đường cáp truyền thông tin; các trạm thu phát tín hiệu, các cơ sở giao dịch với khách hàng, các bưu điện, bưu cục, điểm bưu điện văn hóa ...

+ Đất cơ sở văn hóa: có diện tích 6,10 ha, chiếm 0,39% diện tích đất phi nông nghiệp. Bao gồm diện tích hệ thống các nhà văn hoá thị xã, phường, khu phố, các khu vui chơi cho thiếu nhi.... Hiện nay loại đất này còn khá hạn hẹp do thiếu quỹ đất, nhiều khu vực chưa đáp ứng được nhu cầu sinh hoạt văn hóa của nhân dân.

+ Đất cơ sở y tế: có diện tích 4,17 ha, chiếm 0,26% diện tích đất phi nông nghiệp. Bao gồm diện tích các bệnh viện thị xã, các cơ sở y tế, phòng khám đa khoa, trạm điều dưỡng,... Hiện nay, công tác chăm sóc sức khỏe cộng đồng, khám chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn thị xã được thực hiện khá tốt.

+ Đất cơ sở giáo dục đào tạo: có diện tích 40,36 ha, chiếm 2,55% diện tích đất phi nông nghiệp. Bao gồm diện tích của các trường trung học phổ thông, trường trung học cơ sở và tiểu học, trường và điểm trường mầm non. Nhìn chung, các trường lớp trên địa bàn thị xã khá khang trang, diện tích đất cho mỗi học sinh hiện tại được đảm bảo theo quy định từ 18 - 22 m²/học sinh.

+ Đất cơ sở thể dục, thể thao: có diện tích 4,29 ha, chỉ chiếm 0,27% diện tích đất phi nông nghiệp. Diện tích này phần lớn được tập trung ở khu vực trung tâm thị xã, gồm các sân thể thao, sân vận động, các trung tâm thể dục, thể thao thị xã, phường, sử dụng khá hiệu quả.

g. Đất xử lý chôn lấp chất thải Chỉ có diện tích là 0,20 ha, chiếm 0,01% diện tích đất phi nông nghiệp. Đây là quỹ đất để xây dựng khu xử lý, chế biến rác thải cho toàn thị xã hiện tại. Trong tương lai khi các khu, cụm công nghiệp đi vào hoạt động, lượng nhân khẩu trên địa bàn thị xã tăng lên cần cần xây dựng quy hoạch chi tiết cho loại đất này để đáp ứng lĩnh vực bảo vệ môi trường.

h. Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp

Đất xây dựng trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp có diện tích 9,99 ha, chiếm 0,63% diện tích đất phi nông nghiệp. Bao gồm đất trụ sở Ủy ban nhân dân thị xã, các phường, xã, trụ sở của các tổ chức chính trị, xã hội và các công trình sự nghiệp,... Nhìn chung cơ bản đáp ứng được nhu cầu.

i. Đất tín ngưỡng:

Có diện tích là 0,86 ha, chiếm 0,05% diện tích đất phi nông nghiệp,

gồm hệ thống các đình, chùa, miếu mạo, ... Tuy diện tích không đáng kể, nhưng mang ý nghĩa quan trọng trong đời sống tinh thần của nhân dân cũng như sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương.

k. Đất nghĩa trang, nghĩa địa

Đất nghĩa trang, nghĩa địa có diện tích 44,69 ha, chiếm 2,83% đất phi nông nghiệp. Đây là các khu nghĩa trang lịch sử, nghĩa trang nhân dân. Diện tích này phần lớn tập trung ở những nơi có địa hình cao và xác định ranh giới từng khu rõ ràng. Hiện tại phong trào xây dựng nghĩa địa theo kiểu kiên cố, bán kiên cố chiếm diện tích khá lớn. Trong thời gian tới, cần xây dựng quy hoạch chi tiết cho loại đất này để tránh sử dụng lãng phí đất đai.

Chi tiết diện tích, cơ cấu đất phi nông nghiệp thị xã Bình Long năm 2020 xem Bảng 2.

Bảng 2. Diện tích, cơ cấu đất phi nông nghiệp năm 2020

TT	CHỈ TIÊU	Mã	Tổng số	Cơ cấu (%)
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1.579,66	100,00
2.1	Đất quốc phòng	CQP	21,40	1,35
2.2	Đất an ninh	CAN	3,28	0,21
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	4,23	0,27
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	0,00	0,00
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN	77,60	4,91
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	15,95	1,01
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	29,20	1,85
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	18,64	1,18
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	763,06	49,18
2.9.1	Đất giao thông	DGT	634,46	40,16
2.9.2	Đất thủy lợi	DTL	0,0	0,0
2.9.3	Đất công trình năng lượng	DNL	5,47	0,35
2.9.4	Đất công trình bưu chính viễn thông	DBV	0,51	0,03
2.9.5	Đất cơ sở văn hóa	DVH	6,10	0,39
2.9.6	Đất cơ sở y tế	DYT	4,17	0,26
2.9.7	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	40,36	2,55
2.9.8	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	4,29	0,27

TT	CHỈ TIÊU	Mã	Tổng số	Cơ cấu (%)
2.9.9	Đất chợ	DCH	2,96	0,19
2.10	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	5,00	0,32
2.11	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	3,09	0,20
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,20	0,01
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	176,36	11,16
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	199,27	12,61
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	9,46	0,60
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,53	0,03
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0,00	0,00
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	19,09	1,21
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	44,69	2,83
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,86	0,05
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	197,76	12,52
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	48,86	3,09
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	5,10	0,32

1.3. Đất chưa sử dụng

Diện tích đất chưa sử dụng của thị xã theo kiểm kê đất đai năm 2020 là 7.13 ha, chiếm 0,06% diện tích tự nhiên, Đây là diện tích đất đã giải phóng mặt bằng để xây dựng khu dân cư nhưng hiện tại chưa đưa vào sử dụng.

2. Biến động sử dụng đất theo từng loại đất trong quy hoạch kỳ trước

2.1. Biến động sử dụng đất giai đoạn 2010-2015

Bảng 3: Biến động sử dụng đất giai đoạn 2010-2015

Thứ tự	Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2015		Tăng (giảm)
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
	TỔNG DIỆN TÍCH	12.628,57	100,0	12.616,61	100,0	-11,96
1	Đất nông nghiệp	10.858,24	85,98	11.118,92	88,1	260,68
1.1	Đất trồng lúa	420,35	3,33	313,01	2,48	-107,34
1.1.1	<i>Trong đó: - Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>127,9</i>	<i>1,01</i>	<i>8,14</i>	<i>0,06</i>	<i>-119,76</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	177,09	1,40	104,64	0,83	-72,45
1.3	Đất trồng cây lâu năm	10.230,09	81,01	10.679,98	84,6	449,89

Thứ tự	Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2015		Tăng (giảm)
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
1.4	Đất rừng phòng hộ	-	-	-	-	-
1.5	Đất rừng đặc dụng	-	-	-	-	-
1.6	Đất rừng sản xuất	-	-	-	-	-
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	30,7	0,24	21,13	0,20	-9,57
1.8	Đất làm muối	-	-	-	-	-
1.9	Đất nông nghiệp khác	-	-	0,16	-	0,16
2	Đất phi nông nghiệp	1.758,69	13,93	1.497,69	11,87	-261,00
2.1	Đất quốc phòng	17,31	0,14	20,90	0,17	3,59
2.2	Đất an ninh	2,97	0,02	3,27	0,03	0,30
2.3	Đất khu công nghiệp	52,86	0,42	-	-	-
2.4	Đất khu chế xuất	-	-	-	-	-
2.5	Đất cụm công nghiệp	-	-	-	-	-
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	-	-	6,88	0,05	6,88
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	384,02	3,04	99,87	0,79	-284,15
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	-	-	-	-	-
2.9	Đất phát triển hạ tầng	707,19	5,60	675,23	5,35	-31,96
-	Đất cơ sở văn hóa	11,0	0,09	6,10	0,05	-4,90
-	Đất cơ sở y tế	4,14	0,03	4,17	0,03	0,03
-	Đất cơ sở giáo dục	26,77	0,21	37,04	0,29	10,27
-	Đất thể dục thể thao	4,33	0,03	4,30	0,03	-0,03
-	Đất cơ sở khoa học và công nghệ	-	-	-	-	-
-	Đất cơ sở dịch vụ về xã hội	-	-	-	-	-
-	Đất giao thông	615,09	4,87	615,10	4,88	0,01
-	Đất thủy lợi	4,46	0,04	-	-	-
-	Đất công trình năng lượng	37,75	0,30	5,05	0,04	-32,70
-	Đất công trình bưu chính viễn thông	0,56	-	0,51	-	-0,05
-	Đất chợ	3,09	0,02	2,96	0,02	-0,13

Thứ tự	Chỉ tiêu	Năm 2010		Năm 2015		Tăng (giảm)
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	0,39	-	0,76	0,01	0,37
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	-	-	-	-	-
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	0,30	-	0,20	-	-0,10
2.13	Đất ở tại nông thôn	162,99	1,29	163,98	1,30	0,99
2.14	Đất ở tại đô thị	131,72	1,04	195,39	1,55	63,67
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	14,99	0,12	9,43	0,07	-5,56
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	-	-	0,53	-	0,53
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	-	-	-	-	-
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	4,83	0,04	5,15	0,04	0,32
2.19	Đất làm nghĩa trang, NĐ, nhà tang lễ, NHT	44,34	0,35	44,57	0,35	0,23
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	17,34	0,14	28,54	0,23	11,20
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng		-	5,00	0,04	5,00
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng		-	4,73	0,04	4,73
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng		-	0,84	0,01	0,84
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	213,64	1,69	191,53	1,52	-22,11
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng		-	35,78	0,28	35,78
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	3,79	-	5,11	0,04	1,32
3	Đất chưa sử dụng	11,65	0,09	-	-	-11,65

*Nguồn: Phòng Tài nguyên và Môi trường Thị xã Bình Long

a) Tổng diện tích tự nhiên: Theo kết quả thống kê đất đai năm 2015, tổng diện tích loại đất Thị xã Bình Long là 12.616,61 ha, giảm 11,96 ha so với năm 2010 (năm 2010 là 12.628,57 ha). Nguyên nhân giảm:

- Do phương pháp thống kê giữa 02 kỳ kiểm kê đất đai khác nhau (Kiểm kê đất đai năm 2010 không lập bản đồ kết quả điều tra khoanh vẽ, do đó giữa bản đồ hiện trạng sử dụng đất và số liệu kiểm kê chưa thật sự thống nhất; Kiểm kê đất đai năm 2015 được thống nhất sử dụng phần mềm kiểm kê đất đai của Tổng cục Quản lý đất đai ban hành, nên số liệu kiểm kê đất đai được tổng hợp trực tiếp từ bản đồ hiện trạng sử dụng đất, số liệu được kết nối trực tiếp từ bản đồ tạo sự thống nhất.

b) Đất nông nghiệp: Theo kết quả thống kê đất đai năm 2015, tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn Thị xã là 11.118,92 ha, tăng 260,68 ha so với năm 2010 (năm 2010 là 10.858,24 ha). Trong đó: Đất trồng lúa giảm 107,34 ha, đất trồng cây hàng năm khác giảm 72,45 ha, đất trồng cây lâu năm tăng 449,89 ha, đất nuôi trồng thủy sản giảm 9,57 ha.

c) Đất phi nông nghiệp: Theo kết quả thống kê đất đai năm 2015, tổng diện tích đất phi nông nghiệp trên địa bàn Thị xã là 1.497,69 ha, giảm 261,00 ha so với năm 2010 (năm 2010 là 1.758,69 ha). Trong đó: Đất quốc phòng tăng 3,59 ha; Đất an ninh tăng 0,3 ha; Đất thương mại, dịch vụ tăng 6,88 ha; Đất cơ sở sản xuất kinh doanh giảm 284,15 ha; Đất phát triển hạ tầng giảm 31,96 ha; Đất di tích lịch sử văn hóa tăng 0,37 ha; Đất bãi thải, xử lý chất thải giảm 0,1 ha; Đất ở tại nông thôn tăng 0,99 ha; Đất ở tại đô thị tăng 63,67 ha; Đất xây dựng trụ sở cơ quan giảm 5,56 ha; Đất nghĩa địa tăng 0,23 ha; Đất sinh hoạt cộng đồng tăng 5,0 ha; Đất khu vui chơi, giải trí công cộng tăng 4,73 ha; Đất sông suối mặt nước chuyên dùng giảm 22,11 ha.

Do sự thay đổi cách thống kê nên kết quả đánh giá biến động sử dụng đất giữa 2 kỳ thống kê kiểm kê không đạt độ chính xác 100%.

2.2. Biến động sử dụng đất giai đoạn 2015-2020

- *Tổng diện tích tự nhiên:* Theo kết quả thống kê của thị xã Bình Long năm 2020 là 12.640,67 ha. Tăng 24,06 ha do diện tích tự nhiên được tổng hợp từ bản đồ địa chính chính quy của các xã, phường trong đơn vị hành chính thị xã và theo ranh giới hành chính theo Quyết định 513/QĐ-TTg.

- *Đất nông nghiệp:* Theo kết quả thống kê đất đai năm 2020 đã được cập nhật, tổng diện tích đất nông nghiệp trên địa bàn Thị xã là 11.053,88 ha, giảm 65,04 ha so với năm 2015 (năm 2015 là 11.118,92 ha). Trong đó: Đất trồng lúa giảm 102,33 ha, đất trồng cây hàng năm khác tăng 67,96 ha, đất trồng cây lâu năm giảm 30,75 ha, đất nuôi trồng thủy sản tăng 0,08 ha.

- *Đất phi nông nghiệp:* Theo kết quả thống kê đất đai năm 2020 đã được cập nhật, tổng diện tích đất phi nông nghiệp trên địa bàn Thị xã là 1.579,66 ha, tăng 81,97 ha so với năm 2015 (năm 2015 là 1.497,69 ha). Trong đó: Đất quốc phòng tăng 0,50 ha; Đất an ninh tăng 0,01 ha; Đất khu công nghiệp tăng 4,23 ha; Đất cụm công nghiệp tăng 77,60 ha; Đất thương mại, dịch vụ tăng 9,07 ha; Đất cơ sở sản xuất kinh doanh giảm 70,67 ha; Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm giảm 9,90 ha; Đất phát triển hạ tầng tăng

32,10 ha; Đất khu vui chơi, giải trí công cộng giảm 1,64 ha; Đất ở tại nông thôn tăng 12,38 ha; Đất ở tại đô thị tăng 3,88 ha; Đất xây dựng trụ sở cơ quan tăng 0,03 ha; Đất tín ngưỡng tăng 0,02 ha; Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối tăng 6,23 ha; Đất có mặt nước chuyên dùng tăng 13,08 ha; Đất phi nông nghiệp khác giảm 0,01 ha.

- *Đất chưa sử dụng*: Theo kết quả thống kê đất đai năm 2020, đất chưa sử dụng trên địa bàn thị xã tăng 7,13 ha do chuyển từ đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp sang (Thu hồi đất công ty TNHH MTV xây dựng Bình Phước theo quyết định 1225/QĐ-UBND ngày 11/06/2014).

Bảng 4: Tình hình biến động sử dụng đất từ năm 2015 đến năm 2020

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2015 (ha)	Diện tích năm 2020 (ha)	Biến động 2020/2015 Tăng(+); Giảm(-)
	Tổng diện tích đất tự nhiên		12.616,61	12.640,67	24,06
1	Đất nông nghiệp	NNP	11.118,92	11.053,88	-65,04
	Trong đó:				
1.1	Đất trồng lúa	LUA	313,01	210,68	-102,33
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	8,14	0,79	-7,35
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	104,64	172,60	67,96
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	10.679,98	10.649,23	-30,75
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	21,13	21,21	0,08
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,16	0,16	0,00
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	1.497,69	1.579,66	81,97
	Trong đó:				
2.1	Đất quốc phòng	CQP	20,90	21,40	0,50
2.2	Đất an ninh	CAN	3,27	3,28	0,01
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK		4,23	4,23
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN		77,60	77,60
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	6,88	15,95	9,07
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	99,87	29,20	-70,67

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2015 (ha)	Diện tích năm 2020 (ha)	Biến động 2020/2015 Tăng(+); Giảm(-)
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS			
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	28,54	18,64	-9,90
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	730,96	763,06	32,10
	Trong đó:				
-	Đất giao thông	DGT	615,10	634,46	19,36
-	Đất thủy lợi	DTL	5,05		-5,05
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	6,10	6,10	0,00
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,17	4,17	0,00
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	37,04	40,36	3,32
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	4,30	4,29	-0,01
-	Đất công trình năng lượng	DNL	5,05	5,47	0,42
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,51	0,51	0,00
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG			
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,76	0,76	0,00
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,20	0,20	0,00
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	5,15	19,09	13,94
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	44,57	44,69	0,12
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH			
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH			
-	Đất chợ	DCH	2,96	2,96	0,00
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL			

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2015 (ha)	Diện tích năm 2020 (ha)	Biến động 2020/2015 Tăng(+); Giảm(-)
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	5,00	5,00	0,00
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	4,73	3,09	-1,64
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	163,98	176,36	12,38
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	195,39	199,27	3,88
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	9,43	9,46	0,03
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,53	0,53	0,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG			
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	0,84	0,86	0,02
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	191,53	197,76	6,23
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	35,78	48,86	13,08
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	5,11	5,10	-0,01
3	Đất chưa sử dụng	CSD		7,13	7,13

3. Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường, tính hợp lý của việc sử dụng đất

3.1. Đánh giá hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường của việc sử dụng đất

Việc khai thác sử dụng đất cho các mục đích trên địa bàn thị xã Bình Long trong những năm qua đã góp phần đem lại những hiệu quả khá lớn về tất cả các mặt kinh tế, xã hội, môi trường và được thể hiện như sau:

- Trong sản xuất nông nghiệp, việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, việc thâm canh tăng vụ, hình thành các vùng chuyên canh tập trung được thị xã tích cực triển khai, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng sản xuất hàng hóa, phát triển các mô hình kinh tế trang trại, kinh tế hộ gia đình đã góp phần đem lại hiệu quả kinh tế, làm tăng giá trị sản xuất nông nghiệp từ 873.618 triệu đồng năm 2015 lên 1.118.920 triệu đồng đến năm 2020, trong giai đoạn 2015 - 2020, tăng bình quân 5,6%/năm.

- Việc bố trí quỹ đất đáp ứng nhu cầu xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển công nghiệp, dịch vụ, du lịch, chỉnh trang và xây dựng mới các khu dân

cư đô thị, nông thôn,... đã đưa giá trị sản xuất công nghiệp - xây dựng của thị xã tăng từ 2.686.097 triệu đồng năm 2015 lên 3.973.227 triệu đồng năm 2020 và đạt tốc độ tăng bình quân hàng năm là 9,6%,

- Bên cạnh đó, việc bố trí quỹ đất đáp ứng nhu cầu cho khu vực thương mại – dịch vụ cũng mang lại hiệu quả kinh tế rõ rệt. Giá trị sản xuất ngành thương mại tăng từ 2.163.179 triệu đồng năm 2015 đến năm 2020 tăng lên 4.052.846 triệu đồng, đạt tốc độ tăng bình quân hàng năm là 17,5%,

3.2. Tính hợp lý của việc sử dụng đất

a. Cơ cấu sử dụng đất

Năm 2020, cơ cấu sử dụng của huyện như sau:

- Nhóm đất nông nghiệp: 11.053,88 ha, chiếm 87,45% diện tích tự nhiên.
- Nhóm đất phi nông nghiệp: 1.579,66 ha, chiếm 12,49 % diện tích tự nhiên.
- Nhóm đất chưa sử dụng: 7,13 ha, chiếm 0,06 % diện tích tự nhiên.

Về cơ bản, cơ cấu sử dụng đất chung của huyện đang chuyển dịch theo hướng ngày càng hợp lý, dần đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa (tăng tỷ trọng đất phi nông nghiệp, giảm tỷ trọng đất nông nghiệp qua các năm). Tuy nhiên đất phi nông nghiệp vẫn còn chiếm tỷ lệ thấp trong cơ cấu sử dụng đất, qua đó cho thấy hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của thị xã phát triển còn chậm so với nhu cầu phát triển chung trong quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

b. Mức độ thích hợp của từng loại đất so với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội

Quá trình phát triển nhanh mạnh nền kinh tế - xã hội của thị xã theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong những năm qua đã kéo theo việc thay đổi rất lớn trong việc bố trí sử dụng các loại đất. Diện tích đất nông nghiệp (đặc biệt là đất trồng công nghiệp dài ngày) tuy phải chuyển một phần để xây dựng phát triển đô thị, các khu dân cư, các cụm, khu công nghiệp tập trung và xây dựng kết cấu hạ tầng,... nhưng năng suất các loại cây trồng, vật nuôi và giá trị sản phẩm trên 1 ha canh tác đều tăng. Các loại đất phi nông nghiệp tăng đáng kể đã góp phần làm cho diện mạo các khu trung tâm xã, phường ngày càng khang trang hơn, hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, các công trình phúc lợi công cộng ngày càng được hoàn thiện hơn,... cum công nghiệp xi măng ngày càng đóng góp ngân sách cho địa phương và thu hút một lượng

lớn lao động dư thừa ở nông thôn. Đất đai trên địa bàn thị xã ngày càng được quản lý, khai thác triệt để và có hiệu quả hơn đáp ứng nhu cầu ngày càng cao đời sống của nhân dân địa phương.

- Đến nay đã có trên 99,94% diện tích được khai thác và đưa vào sử dụng cho các mục đích dân sinh kinh tế, quỹ đất chưa sử dụng còn 0,06% diện tích tự nhiên.

- Quỹ đất dành cho chỉnh trang và xây dựng mới các khu dân cư cả đô thị và nông thôn vẫn tiếp tục mở rộng. Việc bố trí đất ở trong các khu dân cư, trung tâm xã được gắn liền đồng bộ với đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng như giao thông, thủy lợi, điện, nước sạch, các công trình dịch vụ và vui chơi giải trí,... đã làm cho diện mạo các khu dân cư ngày càng khang trang hiện đại hơn đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của người dân địa phương.

- Hạ tầng giao thông cơ bản đáp ứng nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa hiện tại của người dân.

- Quỹ đất dành cho các lĩnh vực y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục - thể thao và công trình phúc lợi khác cũng được đầu tư mở rộng đáng kể góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng khám chữa bệnh và đời sống vật chất tinh thần của nhân dân.

c. Tình hình đầu tư về vốn, vật tư, khoa học kỹ thuật trong sử dụng đất tại thị xã.

- Hàng năm phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp tốt với phòng Tài chính xem xét, cân đối kinh phí, sự nghiệp tài nguyên và môi trường hàng năm để tham mưu cho UBND thị xã, thông qua hội đồng nhân dân phân bổ cho các phòng, ngành và địa phương đảm bảo kịp thời và hiệu quả. Ngoài ra tiếp tục hướng dẫn, theo dõi địa phương sử dụng đúng nội dung, đúng mục đích chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường.

- Thu hút vốn đầu tư trong nước và ngoài nước phục vụ cho việc phát triển công nghiệp, dịch vụ - thương mại, xây dựng hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng.

- Triển khai nghiên cứu và ứng dụng rộng rãi các thành tựu về khoa học môi trường, đặc biệt công nghệ xử lý chất thải, phòng chống khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, xây dựng các đề án, dự án bảo vệ môi trường.

- Nghiên cứu ứng dụng rộng rãi các chỉ tiêu, tiêu chuẩn môi trường trong việc lựa chọn công nghệ, lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, xây dựng và vận dụng các dự án xử lý chất thải đảm bảo tiêu chuẩn môi trường.

- Bên cạnh các hình thức tự nguyện, tăng cường chế tài bắt buộc áp dụng công nghệ sản xuất sạch và đầu tư hệ thống xử lý chất thải, nước thải, đối với các dự án công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

4. Phân tích, đánh giá những tồn tại và nguyên nhân trong việc sử dụng đất

4.1. Những tồn tại trong việc sử dụng đất

- Quỹ đất dành cho các hoạt động văn hoá, thể thao, y tế... chưa được bố trí thoả đáng và hợp lý, nhiều nơi bị thu hẹp do bị lấn chiếm để sử dụng vào các mục đích khác.

- Đất ở nông thôn chủ yếu bố trí dọc các trục đường giao thông tuy đã góp phần tăng nguồn thu ngân sách nhưng các cụm dân cư đó không được đầu tư hạ tầng đồng bộ do vậy hiệu quả sử dụng đất kém.

- Quản lý việc sử dụng đất chưa chặt chẽ, nhất là ở cấp xã đã dẫn đến sử dụng đất chưa hợp lý, kém hiệu quả và sai mục đích. Tình hình vi phạm, lấn chiếm đất đai vẫn còn, chủ yếu là các chủ thể sử dụng đất vi phạm.

- Tình hình quản lý đất đai chưa chặt chẽ, chưa thực sự hiệu quả.

- Sự chuyển đổi cơ cấu sản xuất còn nhiều bất cập như: vốn đầu tư, cơ sở hạ tầng, kinh nghiệm sản xuất, trình độ khoa học kỹ thuật...

4.2. Nguyên nhân chủ yếu

Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trên thì có nhiều, song tập trung vào một số nguyên nhân chính như sau:

- Pháp Luật Đất đai cùng với các chính sách đất đai đã được ban hành nhưng thiếu đồng bộ.

- Việc quản lý, sử dụng đất phi nông nghiệp, đất công cộng còn thiếu chặt chẽ trong khi bộ máy quản lý đất đai ở cấp xã còn thiếu và yếu chưa nhanh nhạy, giải quyết chưa kịp thời, thậm chí có biểu hiện buông lỏng công tác quản lý dẫn đến tình trạng sử dụng đất tùy tiện, lấn chiếm, mua bán, chuyển nhượng đất đai chưa đúng với quy định của pháp luật.

- Vấn đề thu hút đầu tư để phát triển các công trình hạ tầng kinh tế công nghiệp, dịch vụ còn hạn chế; cơ sở hạ tầng, đặc biệt là giao thông còn chưa đáp ứng được yêu cầu nên việc chuyển đổi cơ cấu trong sử dụng đất cũng như việc sử dụng từng loại đất cụ thể còn hạn chế.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT KỲ TRƯỚC

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

Sau khi được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016 - 2020), UBND thị xã Bình Long đã triển khai việc giao đất, thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt. Các kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch đến hết năm 2020 được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 5. Kết quả thực hiện chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2020

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích quy hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5)-(4)	(7)=(5)/(4) *100%
	Tổng diện tích tự nhiên		12.616,61	12.640,67	24,06	
1	Đất nông nghiệp	NNP	9.534,87	11.053,88	1.519,01	115,93
1.1	Đất trồng lúa	LUA	313,01	210,68	-102,33	67,31
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	86,00	0,79	-85,21	0,91
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	66,70	172,60	105,90	258,77
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	8.932,07	10.649,23	1.717,16	119,22
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	21,13	21,21	0,08	100,36
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	201,96	0,16	-201,80	0,08
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.081,74	1.579,66	-1.502,88	51,50
2.1	Đất quốc phòng	CQP	222,80	21,40	-201,40	9,60
2.2	Đất an ninh	CAN	6,02	3,28	-2,74	54,56
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	57,00	4,23	-52,77	7,42
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	90,00	77,60	-12,40	86,22
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	28,40	15,95	-12,45	56,17
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	134,87	29,20	-105,67	21,65
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS				
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	26,70	18,64	-8,06	69,82
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.145,59	763,06	-382,53	66,61

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích quy hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5)-(4)	(7)=(5)/(4) *100%
-	Đất giao thông	DGT	702,36	634,46	-67,90	90,33
-	Đất thủy lợi	DTL	5,24		-5,24	
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	23,46	6,10	-17,36	26,00
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	9,17	4,17	-5,00	45,46
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	46,70	40,36	-6,34	86,42
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	32,30	4,29	-28,01	13,29
-	Đất công trình năng lượng	DNL	252,55	5,47	-247,08	2,17
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	0,54	0,51	-0,03	94,98
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG				
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	3,33	0,76	-2,57	22,82
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	10,02	0,20	-9,82	1,96
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	16,85	19,09	2,24	113,30
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	38,02	44,69	6,67	117,54
-	Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ	DKH				
-	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH				
-	Đất chợ	DCH	5,05	2,96	-2,09	58,61
2.1	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	12,80	5,00	-7,80	39,04
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	7,28	3,09	-4,19	42,42
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	175,00	176,36	1,36	100,78
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	193,00	199,27	6,27	103,25
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	62,77	9,46	-53,31	15,07
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,53	0,53	0,00	100,09
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				

STT	Chỉ tiêu	Mã	Diện tích quy hoạch được duyệt (ha)	Kết quả thực hiện		
				Diện tích (ha)	So sánh	
					Tăng (+), giảm (-) (ha)	Tỷ lệ (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5)-(4)	(7)=(5)/(4) *100%
2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	4,14	0,86	-3,28	20,76
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	191,53	197,76	6,23	103,25
2.2	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	35,78	48,86	13,08	136,56
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	687,57	5,10	-682,47	0,74
3	Đất chưa sử dụng	CSD	-	7,13	7,13	-

1.1. Đất nông nghiệp

Chỉ tiêu đất nông nghiệp trong kỳ quy hoạch của thị xã đã được UBND tỉnh phê duyệt là 9.534,87 ha, thực hiện đạt 11.053,88 ha (đạt 115,93 %), cao hơn chỉ tiêu quy hoạch được duyệt 1.519,01 ha. Thực tế, là do không thực hiện được việc chuyển mục đích để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, văn hoá, phúc lợi công cộng,... theo quy hoạch được duyệt. Cụ thể kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước đối với đất nông nghiệp như sau:

- Đất trồng lúa: Chỉ tiêu được phê duyệt là 313,01 ha, thực hiện năm 2020 là 210,68 ha (đạt 67,31%), thấp hơn chỉ tiêu quy hoạch được duyệt là 102,33 ha. Do điều kiện về đất đai, khí hậu không thuận lợi cho phát triển cây lúa; phần lớn đất trồng lúa là lúa 1 vụ, hiệu quả kinh tế thấp, do đó người dân đã tự chuyển đổi sang trồng cây lâu năm chịu hạn tốt và mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn.

- Đất trồng cây hàng năm khác: Chỉ tiêu được phê duyệt là 66,70 ha, thực hiện là 172,60 ha (đạt 258,77%), cao hơn chỉ tiêu được duyệt là 105,90 ha; thực chất là do chưa thực hiện được việc chuyển sang sử dụng cho mục đích phi nông nghiệp theo quy hoạch được duyệt.

- Đất trồng cây lâu năm: Chỉ tiêu được phê duyệt là 8.932,07 ha, thực hiện là 10.649,23 ha (đạt 119,22%), cao hơn chỉ tiêu được duyệt là 1.717,16 ha; là do việc chuyển đổi đất trồng lúa kém hiệu quả tự phát của người dân không theo quy hoạch và trong kỳ quy hoạch không thực hiện được việc chuyển sang sử dụng cho các mục đích phát triển cơ sở hạ tầng, văn hóa phúc lợi cộng đồng,... của địa phương theo quy hoạch được duyệt.

- Đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp khác: Cơ bản thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

1.2. Đất phi nông nghiệp

Chỉ tiêu đất phi nông nghiệp kỳ quy hoạch đã được phê duyệt là 3.081,74 ha, thực hiện năm 2020 là 1.579,66 ha (đạt 51,50%), thấp hơn so với chỉ tiêu 1.502,88 ha. Cụ thể như sau:

- Đất quốc phòng: Chỉ tiêu được phê duyệt là 222,80 ha, thực hiện năm 2020 là 21,40 ha (đạt 9,60 %), thấp hơn so với chỉ tiêu 201,80 ha.

- Đất an ninh: Chỉ tiêu được phê duyệt là 6,02 ha, thực hiện năm 2020 là 3,28 ha (đạt 54,56 %), thấp hơn chỉ tiêu 2,74 ha.

- Đất khu công nghiệp: Chỉ tiêu được phê duyệt là 57,00 ha, thực hiện năm 2020 là 4,23 ha (đạt 7,42 %), thấp hơn so với chỉ tiêu 52,77 ha.

- Đất cụm công nghiệp: Chỉ tiêu được phê duyệt là 90 ha, thực hiện năm 2020 là 77,60 ha (đạt 86,22%), thấp hơn chỉ tiêu 12,40 ha.

- Đất thương mại, dịch vụ: Chỉ tiêu được phê duyệt là 28,40 ha, thực hiện năm 2020 là 15,95 ha (đạt 56,17%), thấp hơn chỉ tiêu 12,45 ha.

- Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: Chỉ tiêu được phê duyệt là 134,87 ha, thực hiện năm 2020 là 29,20 ha (đạt 21,65%), thấp hơn chỉ tiêu 105,67 ha.

- Đất làm nguyên vật liệu xây dựng: Chỉ tiêu được phê duyệt là 26,70 ha, thực hiện năm 2020 là 18,64 ha (đạt 69,82%), thấp hơn chỉ tiêu 8,06 ha.

- Đất phát triển hạ tầng: Chỉ tiêu được phê duyệt là 1.145,59 ha, thực hiện năm 2020 là 763,06 ha (đạt 66,61%), thấp hơn so với chỉ tiêu 382,53 ha.

- Đất ở tại nông thôn: Chỉ tiêu được phê duyệt là 175 ha, thực hiện năm 2020 là 176,36 ha (đạt 100,78 %), cao hơn so với chỉ tiêu 1.36 ha.

- Đất ở tại đô thị: Chỉ tiêu được phê duyệt là 193 ha, thực hiện năm 2020 là 199,27 ha (đạt 103,25 %), cao hơn so với chỉ tiêu 6,27 ha.

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Chỉ tiêu được phê duyệt là 62,77 ha, thực hiện năm 2020 là 9,46 ha (đạt 15,07 %), thấp hơn so với chỉ tiêu 53,31 ha.

- Đất sinh hoạt cộng đồng: Chỉ tiêu được phê duyệt là 12,80 ha, thực hiện năm 2020 là 5 ha (đạt 39,04%), thấp hơn so với chỉ tiêu 7,80 ha.

- Đất khu vui chơi, giải trí công cộng: Chỉ tiêu được phê duyệt là 7,28 ha, thực hiện năm 2020 là 3,09 ha (đạt 42,42%), thấp hơn chỉ tiêu 4,19 ha.

- Đất cơ sở tín ngưỡng: Chỉ tiêu được phê duyệt là 4,14 ha, thực hiện năm 2020 là 0,86 ha (đạt 20,76%), thấp hơn chỉ tiêu 3,28 ha.

1.3. Đất chưa sử dụng

Theo quy hoạch được phê duyệt, tổng diện tích đất chưa sử dụng của thị xã là 0 ha, thực hiện năm 2020 là 7,13 ha; như vậy, trong kỳ quy hoạch đã không khai thác đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng như đã được phê duyệt.

2. Đánh giá những mặt được, những tồn tại và nguyên nhân của tồn tại trong thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước

Nhìn chung kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước của thị xã Bình Long đạt kết quả thấp đạt khoảng 51% so với quy hoạch được duyệt; kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất liên quan đến phát triển kinh tế của địa phương đạt khá thấp, như chỉ tiêu đất cơ sở sản xuất kinh đạt 21,65%, chỉ tiêu đất thương mại, dịch vụ đạt 56,17%; các chỉ tiêu sử dụng đất liên quan đến phúc lợi công cộng như y tế, văn hóa, thể thao đều đạt dưới 50%. Ngược lại một số chỉ sử dụng đất trong quá trình thực hiện lại vượt, phá vỡ quy hoạch như chỉ tiêu sử dụng đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị.

2.1. Những mặt đã đạt được trong thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ trước của thị xã Bình Long đã góp phần quan trọng phục vụ cho các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thị xã, được thể hiện qua một số nội dung chính sau đây:

- Việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đáp ứng cho phát triển kinh tế, xây dựng công nghiệp và dịch vụ, tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng là phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được UBND tỉnh phê duyệt cả về quy mô diện tích và vị trí thực hiện, đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế của thị xã và như cầu sử dụng đất cho các đơn vị, tổ chức kinh tế, đất ở cho nhân dân trên địa bàn thị xã.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã góp phần khai thác tốt hơn nguồn lực đất đai, làm cho việc sử dụng đất ngày càng tiết kiệm và đạt được hiệu quả cao. Nguồn thu từ đất khi thực hiện quy hoạch (thông qua việc giao đất, cho thuê đất, đấu giá quyền sử dụng đất...) trở thành nguồn lực quan trọng của thị xã và đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế và tăng thu ngân sách của thị xã trong từng năm và cả thời kỳ.

- Đất phi nông nghiệp có xu hướng tăng dần qua các năm, đáp ứng cho quá trình đô thị hóa, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển hệ thống giao thông, thủy lợi và các mục đích khác trên địa bàn thị xã.

2.2. Những mặt còn tồn tại

Bên cạnh những mặt được, thực tế quá trình tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2010 - 2020 của thị xã cho thấy còn có những tồn tại nhất định, thể hiện qua các mặt sau:

- Xuất phát từ yêu cầu thực tế của địa phương muốn nhanh chóng nắm bắt thời cơ và vận hội mới nên trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của thị xã đã có những dự báo theo hướng mang tính đột phá, song những cơ sở, căn cứ để dự báo nhu cầu sử dụng đất trong kỳ kế hoạch chưa lường hết được khả năng biến động sử dụng đất của từng ngành, lĩnh vực, đặc biệt là sức hút đầu tư trong các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ thương mại, sản xuất đầu tư nên dẫn đến một số chỉ tiêu dự báo nhu cầu sử dụng đất bị phá vỡ, không đạt được như kỳ vọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, trong đó:

+ Trong nhóm đất nông nghiệp, việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng diễn ra còn chậm. Chỉ tiêu chuyển đổi cơ cấu thâm canh tăng vụ đạt thấp.

+ Trong nhóm đất phi nông nghiệp, đa phần các chỉ tiêu thực hiện đạt thấp so với chỉ tiêu quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch được duyệt, điển hình như đất thương mại dịch vụ thực hiện chỉ đạt 56,17%, đất cơ sở sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp thực hiện chỉ đạt 21,65%.

- Việc quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch chưa thật sự trở thành yêu cầu bắt buộc đối với các cơ quan, tổ chức và chưa trở thành ý thức của người quản lý, chưa gắn với trách nhiệm của từng cấp. Việc quản lý, thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sau khi được phê duyệt tại nhiều địa phương chưa được coi trọng. Tình trạng sử dụng đất sai với quy hoạch, kế hoạch được duyệt vẫn còn xảy ra.

- Trách nhiệm của người sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất chưa cao dẫn đến vẫn có tình trạng lấn chiếm đất đai; sử dụng đất không đúng mục đích, chậm đưa đất vào sử dụng, vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được công bố.

- Thiếu các giải pháp có tính khả thi để thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, trong đó có hai khâu quan trọng là không cân đối đủ nguồn vốn để thực hiện nhất là những công trình dự án từ vốn ngân sách Nhà nước và sự bất cập trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất dẫn đến các công trình, dự án thường kéo dài tiến độ thực hiện.

2.3. Nguyên nhân tồn tại trong việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất

a) Nguyên nhân khách quan

- Tình hình kinh tế - xã hội những năm qua của tỉnh Bình Phước nói chung và của thị xã Bình Long nói riêng gặp nhiều khó khăn đã tác động lớn đến việc thực hiện quy hoạch và thu hút đầu tư trên địa bàn thị xã. Một số dự án, công trình có trong quy hoạch nhưng không có nhà đầu tư thực hiện hoặc có nhà đầu tư nhưng thực hiện chậm do khó khăn về tài chính, giải phóng mặt bằng, thủ tục trình duyệt dự án đầu tư còn chậm nên ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thị xã phụ thuộc vào phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và tỉnh, liên quan đến nhiều ngành, nhiều cấp nên việc nắm bắt các thông tin và dự báo nhu cầu sử dụng đất nói chung, nhất là dự báo nhu cầu đất cho các dự án phát triển kinh tế, hạ tầng xã hội chưa sát, nhiều dự án đăng ký sử dụng đất trong giai đoạn 2011 - 2015 nhưng không có khả năng thực hiện, được điều chỉnh sang giai đoạn 2016 - 2020 nhưng vẫn không có khả năng thực hiện.

- Quy định của pháp luật đất đai và pháp luật có liên quan đến quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa đồng bộ; các quy hoạch ngành lập vào những thời điểm khác nhau và chưa thực sự căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để xác định quỹ đất cho từng lĩnh vực ngành nên việc cân đối quỹ đất cho các ngành, lĩnh vực trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa phù hợp với quỹ đất hiện có.

- Phương thức kiểm kê đất đai giữa các kỳ kiểm kê đất đai 2010, 2015, 2020 có sự khác nhau do đó một số chỉ tiêu sử dụng đất có sự thay đổi... Việc không đồng nhất các chỉ tiêu kiểm kê với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất dẫn đến việc đánh giá các chỉ tiêu thực hiện quy hoạch không đầy đủ và chính xác.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Việc xác định một số chỉ tiêu diện tích cũng như đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức và các cấp còn mang tính chủ quan, không có dự báo chính xác về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nên nhiều dự án đã được phê duyệt nhưng thiếu những luận cứ mang tính khoa học và thực tiễn nên không có khả năng thực hiện.

- Việc quản lý đất đai theo quy hoạch, kế hoạch chưa thực sự trở thành yêu cầu bắt buộc và gắn trách nhiệm đối với các ngành và chưa thực sự trở

thành ý thức của các nhà quản lý; công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sau khi được phê duyệt ở các cấp chưa được thường xuyên và chặt chẽ dẫn đến tình trạng các nhà đầu tư đăng ký thực hiện dự án nhưng không đưa đất vào sử dụng.

- Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vẫn kéo dài; có những dự án được cấp phép đầu tư nhưng tiến độ thực hiện chậm do năng lực tài chính của doanh nghiệp không đáp ứng nên làm ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chung của thị xã.

- Khung giá đất để áp dụng thu tiền khi giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất theo quy định hiện nay chưa sát với giá thị trường làm giảm nguồn thu cho ngân sách, trong khi giá bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất còn có sự chênh lệch khá lớn so với giá thị trường dẫn đến người dân không đồng thuận, khó khăn trong việc thu hồi đất, làm giảm tính khả thi của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Kế hoạch sử dụng đất hàng năm chưa sát với thực tiễn, thường chỉ căn cứ vào nhu cầu sử dụng đất của thị xã, của các phường, xã và các tổ chức sử dụng đất. Việc đăng ký nhu cầu sử dụng đất của các tổ chức còn chủ quan, không có dự án tiền khả thi nên không có khả năng thực hiện.

3. Bài học kinh nghiệm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới

Từ những kết quả đạt được và những tồn tại trong quá trình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2010 - 2020 có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm nhằm trong việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sử dụng đất kỳ tới của thị xã như sau:

- Đổi mới, nâng cao tính liên kết, đồng bộ giữa quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất với quy hoạch vùng thị xã, quy hoạch xây dựng... theo hướng quy hoạch sử dụng đất phải tổng hợp, cân đối, phân bổ hợp lý, hiệu quả đất đai, việc dự báo nhu cầu xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các dự án phát triển kinh tế phải gắn với nguồn vốn đầu tư.

- Xây dựng kế hoạch về vốn và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cũng như tạo môi trường, chính sách thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào thị xã để thực hiện các công trình dự án theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Tạo nguồn vốn đầu tư phát triển từ quỹ đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất đối với các

dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc cho thuê hoặc cho thuê mua, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng để chuyển nhượng hoặc cho thuê, sử dụng đất thương mại, dịch vụ, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp; sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn thu từ đất để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trong đó cần đẩy mạnh công tác đấu giá đất để tăng nguồn thu cho ngân sách.

- Thực hiện nghiêm túc việc công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của thị xã để tạo điều kiện thu hút đầu tư và để nhân dân giám sát trong quá trình tổ chức thực hiện. Sau khi quy hoạch được phê duyệt, tổ chức công bố công khai toàn bộ tài liệu của phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến tất cả các đơn vị hành chính, các tổ chức, cá nhân và toàn thể nhân dân trong toàn thị xã.

- Khi lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm cần phải xem xét, tính toán đến các vấn đề như dự tính diện tích các loại đất cần bồi thường của từng dự án để thực hiện thu hồi, quy đổi tỷ lệ diện tích đất thu hồi với diện tích đất bồi thường, xác định giá cụ thể cho các loại đất phải bồi thường hoặc xem xét đến việc giao đất có cùng mục đích sử dụng hoặc khác mục đích với loại đất thu hồi nhưng ngang bằng về giá trị bồi thường đất, nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền theo giá đất cụ thể của loại đất thu hồi do cấp có thẩm quyền quyết định tại thời điểm quyết định thu hồi đất, có như vậy mới góp phần nâng cao tính khả thi của quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm. Thường xuyên kiểm tra tiến độ đầu tư của các dự án và thu hồi các dự án chậm triển khai theo quy định của pháp luật

IV. ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI

1. Khái quát về tiềm năng

Thị xã Bình Long có vị trí địa lý, vị trí kinh tế, chính trị, quốc phòng quan trọng của tỉnh Bình Phước; là cửa ngõ phía Tây của tỉnh, giữa Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với nước bạn Campuchia, sẽ có lợi thế cho phát triển kinh tế nói chung và sử dụng đất nói riêng về nguồn vốn, nhân lực có chất lượng cao, chuyên giao khoa học kỹ thuật, chế biến và tiêu thụ nông sản. là địa bàn được tỉnh Bình Phước ưu tiên đầu tư phát triển nhiều lĩnh vực như: công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ - thương mại, xây dựng cơ sở hạ tầng, văn hoá phúc lợi công cộng..., cùng với điều kiện về đất đai, địa hình, khí hậu, nguồn nước khá phong phú,... Đây là tiềm năng to lớn của địa phương để phát triển một đô thị hiện đại, bền vững.

2. Xác định và lựa chọn các chỉ tiêu đánh giá tiềm năng đất đai phù hợp với từng loại đất, mục đích sử dụng đất

Việc nghiên cứu lựa chọn và xác định các chỉ tiêu nhằm đánh giá đúng tiềm năng đất đai về lượng và chất theo khả năng thích hợp với từng mục đích sử dụng có ý nghĩa hết sức quan trọng. Tạo ra những căn cứ định hướng cho việc sử dụng đất đai hợp lý, có hiệu quả cao, phù hợp với các giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của thị xã. Bên cạnh những yếu tố kinh tế - xã hội, điều kiện tự nhiên, lợi thế ưu tiên, ... mỗi ngành đều có những yêu cầu riêng, cụ thể hơn, khắt khe hơn về đất đai, phù hợp với đặc điểm sản xuất, phát triển của mình.

** Xác định và lựa chọn các tiêu chí đánh giá tiềm năng đất đai*

- Tiêu chí đánh giá tiềm năng đất đai cho phát triển nông nghiệp.
- + Khả năng đầu tư thâm canh tăng vụ.
- + Khả năng chuyển đổi cơ cấu cây trồng.
- + Khả năng hình thành các mô hình sản xuất chuyên canh tập trung...
- Tiêu chí đánh giá tiềm năng đất đai cho các mục đích phi nông nghiệp
- + Khả năng phát triển, mở rộng các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị mới.
- + Khả năng xây dựng, mở rộng các công trình cơ sở hạ tầng, văn hoá phúc lợi phục vụ các mục đích dân sinh, kinh tế.
- + Khả năng phát triển các khu, điểm dịch vụ, thương mại, du lịch, ...

3. Tiềm năng đất đai phát triển các ngành

3.1. Đánh giá tiềm năng đất đai để phục vụ sản xuất nông, lâm nghiệp

Với quan điểm phát triển đô thị hoá, công nghiệp hóa và thương mại, dịch vụ là thế mạnh của thị xã, còn lĩnh vực nông - lâm nghiệp là nền tảng tạo sự phát triển bền vững. Trên cơ sở đó, Thị ủy, Ủy ban nhân dân thị xã đã chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác phát triển nông, lâm, thủy sản và các chương trình lồng ghép kinh tế - xã hội khác; đồng thời tập trung chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi, thâm canh tăng vụ, nhân rộng các mô hình sản xuất chuyên canh (sản xuất sản phẩm nông nghiệp hàng hóa, chất lượng cao); xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển khu vực ven đô; tăng cường ứng dụng công nghệ bảo quản sau thu hoạch, phát triển hệ thống thủy lợi (tưới tiêu chủ động).

Căn cứ vào địa hình, khí hậu, đất đai và hiện trạng sử dụng có thể đánh giá quỹ đất nông nghiệp trên địa bàn đã được khai thác sử dụng triệt để và khá

hiệu quả; tuy nhiên trong tương lai diện tích này càng ngày càng thu hẹp lại cho các mục đích phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ, du lịch và đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở hạ tầng của thành phố, vì vậy cần định hướng sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

- Đối với cây lương thực: Tập trung vào thâm canh trên diện tích thuận lợi hiện có với các giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt và đáp ứng nhu cầu thị trường; tổng diện tích thích nghi khoảng 100 - 110 ha chủ yếu trồng lúa 1 vụ xen canh các loại cây bắp, rau, màu ngắn ngày;

- Đối với đất chuyên trồng rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày: Tập trung đầu tư sản xuất, chuyên đổi, hình thành các vùng sản xuất gắn với nông nghiệp công nghệ cao, đảm bảo chất lượng theo quy định; Tổng diện tích thích hợp cho phát triển khoảng 100 - 120 ha.

- Đất cây công nghiệp lâu năm: Đây là địa bàn có điều kiện đất đai thích hợp phát triển các loại cây công nghiệp dài ngày mang lại hiệu quả kinh tế cao (Cao su, Điều, Tiêu, Cà phê,...); tổng diện tích thích nghi khoảng 7.000 - 7.500 ha.

3.2. Đánh giá tiềm năng đất đai để phục vụ cho việc phát triển công nghiệp, đô thị

a. Tiềm năng đất phát triển công nghiệp

Các yếu tố xác định tiềm năng phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn thị xã như:

- Địa bàn ưu tiên phát triển công nghiệp của tỉnh.
- Vị trí địa lý thuận lợi cho việc trung chuyển hàng hóa.
- Địa hình tương đối bằng phẳng, kết cấu địa chất tốt đảm bảo yêu cầu của xây dựng.

- Hạ tầng giao thông tương đối phát triển, thuận lợi cho việc đi lại cũng như giao lưu, trao đổi hàng hóa với các địa phương trong và ngoài tỉnh.

- Nguồn cung cấp nguyên liệu đầu vào tại chỗ khá ổn định; có các vùng sản xuất tập trung các sản phẩm phục vụ công nghiệp, hàng hoá xuất khẩu chiến lược hàng đầu của quốc gia (cao su, tiêu, điều ...).

Trên cơ sở các yếu tố tiềm năng thuận lợi; chiến lược phát triển thị xã thành đô thị loại III trong tương lai;... Do đó, cần định hướng phát triển ngành công nghiệp theo hướng phù hợp với tiềm năng, lợi thế của thị xã và nhu cầu của thị trường; tập trung thu hút đầu tư phát triển 05 cụm công nghiệp đã được UBND tỉnh quy hoạch. Tích cực thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp và

di dời các cơ sở sản xuất trong nội thị đưa vào sản xuất trong các cụm công nghiệp; ưu tiên phát triển một số ngành như công nghiệp hỗ trợ, các ngành chế biến sâu về nông sản, sản phẩm gỗ mỹ nghệ, thân thiện môi trường, tạo việc làm cho lao động.

b. Tiềm năng đất đai phục vụ cho phát triển đô thị

Tiềm năng đất đai cho phát triển đô thị: Là một trong những trung tâm kinh tế, văn hóa của tỉnh, với quy mô đất đai 12.641 ha, với địa hình tương đối bằng phẳng, thoát nước tốt, địa chất vững chắc, thuận lợi cho việc xây dựng các công trình và là địa bàn được ưu tiên đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng văn hóa, xã hội, phúc lợi công cộng trước mắt và trong tương lai. Đây là tiềm năng lớn của thị xã trong việc phát triển đô thị.

Theo quy hoạch, ngoài việc hoàn thiện kết cấu hạ tầng và nâng cấp, cải tạo khu vực trung tâm đô thị hiện hữu, sẽ thành hình thành thêm khá nhiều khu đô thị, trung tâm thương mại dịch vụ để phục vụ nhu cầu sinh sống của người dân ngày càng được nâng cao, xây dựng Trung tâm hành chính tập trung mới tại phường Hưng Chiên. Để đẩy nhanh tiến độ ngoài bố trí quỹ đất, rất cần sự hỗ trợ đầu tư của tất cả các ban ngành từ trung ương đến địa phương.

3.3. Đánh giá tiềm năng đất đai để phục vụ cho việc phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch

Thị xã Bình Long có vị trí địa lý, vị trí kinh tế, chính trị, quốc phòng quan trọng của tỉnh Bình Phước; Là cửa ngõ giao lưu giữa vùng đồng bằng Tây nguyên, giữa vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với nước bạn Campuchia. Về điều kiện tự nhiên có khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, có nền nhiệt cao đều quanh năm, không có mùa đông lạnh, thuận lợi cho phát triển kinh tế. Đây là tiền đề, là tiềm năng để phát triển các loại hình thương mại, dịch vụ, thu hút đầu tư trung tâm thương mại tập trung kết hợp với dịch vụ nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi, dịch vụ ngân hàng. Về du lịch phát triển theo hướng du lịch tâm linh khai thác những giá trị hiện có của các di tích kết hợp với văn hóa truyền thống trở thành động lực thu hút khách, thúc đẩy hoạt động dịch vụ khác.

Tuy nhiên, vốn đầu tư cho du lịch địa phương lại rất hạn chế, kéo theo tình trạng các dịch vụ phục vụ du khách: chỗ ăn nghỉ, đồ lưu niệm, các loại hình vui chơi giải trí gắn với các sản phẩm du lịch... vẫn chưa được xây dựng đồng bộ, các điểm kinh doanh, thương mại, chợ còn thưa thớt và chưa được đầu tư nhiều, trong tương lai cần có những giải pháp đẩy mạnh đầu tư về lĩnh vực này.

3.4. Đánh giá tiềm năng đất đai để phục vụ cho việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất và phát triển cơ sở hạ tầng

Nhìn chung các loại hình sử dụng đất của thị xã Bình Long đã thích nghi với điều kiện khí hậu, đất đai, môi trường sinh thái và phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội ở địa phương. Có quỹ đất khá tốt, phần nhiều là đất đỏ bazan, tầng đất dày, thuận lợi cho phát triển cây lâu năm. Chính nó là tiền đề tạo ra các vùng sản xuất tập trung các sản phẩm phục vụ công nghiệp, hàng hoá xuất khẩu chiến lược hàng đầu của quốc gia như: cao su, tiêu, điều.

Thị xã Bình Long có nhiều tiềm năng để phát triển kinh tế xã hội, như: điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý thuận lợi, đất đai phù hợp với việc phát triển công nghiệp, dịch vụ, nông nghiệp; thời tiết khí hậu ưu đãi,... Đó là tiền đề để thị xã chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất theo hướng tiết kiệm mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Được sự quan tâm đầu tư từ của tỉnh, thị xã, cơ sở hạ tầng, các khu đô thị mới (điện, đường, trường, trạm) đang dần được xây dựng mới, cải tạo, tu bổ nhằm khai thác hiệu quả các thế mạnh của địa phương. Tuy nhiên do quỹ đất thuận lợi còn không nhiều nên cần phải có các biện pháp sử dụng đất theo chiều sâu.

Phần thứ ba

PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

I. ĐỊNH HƯỚNG SỬ DỤNG ĐẤT

1. Phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội

Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; chính quyền liêm chính, hành động; phát huy dân chủ và sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển, tạo đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội.

Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng kinh tế đô thị, thương mại, dịch vụ là mũi nhọn, phát triển công nghiệp sạch; nông nghiệp công nghệ cao, bảo vệ môi trường thích ứng biến đổi khí hậu.

Phát triển văn hóa xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội. Tăng cường quốc phòng, an ninh, ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Đẩy mạnh xã hội hoá, nâng cao chất lượng các hoạt động văn hoá - xã hội; thực hiện tốt chính sách an sinh, xã hội; giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc, giải quyết tốt công bằng xã hội, bảo vệ môi trường để phát triển bền vững.

Tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh, đảm bảo trật tự an toàn xã hội; đẩy mạnh, cải cách tư pháp, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật.

2. Quan điểm sử dụng đất

Trên cơ sở mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, điều kiện đất đai và thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng, tiềm năng, lợi thế và thời cơ, thách thức của thị xã, để góp phần khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên đất đai phục vụ quá trình phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ mới thì những quan điểm về sử dụng đất dưới đây cần phải được nhận thức rõ, thực hiện thống nhất và đầy đủ. Thị xã Bình Long với mục tiêu phát triển đạt đô thị loại III trong tương lai, vì vậy, việc sử dụng quỹ đất của thị xã hiện tại và trong tương lai cần phải quán triệt các quan điểm sử dụng đất sau:

- Khai thác sử dụng đất theo hướng giải phóng được năng lực sản xuất của các ngành kinh tế - xã hội nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu cây trồng - vật nuôi, ưu tiên phân bổ đất đai cho các ngành kinh tế mũi nhọn của thị xã, thúc đẩy kinh tế phát triển trên cơ sở khai thác lợi

thế, tiềm năng của thị xã.

- Quy hoạch sử dụng đất phải đảm bảo đáp ứng được nhu cầu đất của các ngành, để thực hiện định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của thị xã đến năm 2030 và những năm tiếp theo, trên quan điểm sử dụng toàn bộ quỹ đất của thị xã một cách khoa học, hợp lý, tiết kiệm, đạt hiệu quả cao và bền vững.

- Ưu tiên bố trí đủ quỹ đất để xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, tập trung phát triển các công trình hạ tầng kinh tế, hạ tầng giao thông, đô thị trọng điểm nhằm phát triển nhanh và bền vững khu vực kinh tế công nghiệp, dịch vụ và du lịch, thực hiện chuyển đổi hiệu quả cơ cấu nền kinh tế. Đồng thời dành một tỷ lệ thích đáng và hợp lý để phát triển các công trình phúc lợi công cộng, thúc đẩy sự phát triển của các ngành, các lĩnh vực, tạo điều kiện phát triển đồng bộ về kinh tế với phát triển xã hội.

- Quy hoạch sử dụng đất phải ưu tiên phát triển đô thị; hình thành các trung tâm thương mại tập trung kết hợp với dịch vụ nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi, dịch vụ ngân hàng, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin; hình thành các sản phẩm du lịch gắn kết với các sản phẩm du lịch của tỉnh Bình Phước. Đảm bảo quỹ đất hợp lý để đáp ứng nhu cầu xây dựng đô thị, khu dân cư nông thôn; mở rộng để nâng cấp các đô thị hiện có, hình thành và phát triển đô thị mới tạo thành tam giác trung tâm kinh tế phát triển công nghiệp, dịch vụ và du lịch, kết nối hạ tầng trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

- Quy hoạch phát triển du lịch tâm linh theo hướng khai thác những giá trị hiện có của các di tích kết hợp với văn hóa truyền thống trở thành động lực thu hút khách, thúc đẩy hoạt động dịch vụ khác, đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội theo hướng bền vững.

- Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp theo hướng phù hợp với tiềm năng, lợi thế của thị xã và nhu cầu của thị trường; tập trung thu hút đầu tư phát triển 3 cụm công nghiệp đã được UBND tỉnh quy hoạch; Tích cực thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp và di dời các cơ sở sản xuất trong nội thị ra cụm công nghiệp; ưu tiên các ngành công nghiệp điện tử, công nghệ thông tin, công nghiệp chế biến về nông sản, sản phẩm gỗ mỹ nghệ, thân thiện môi trường. Phối hợp xây dựng, quảng bá danh mục dự án thu hút đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp; đổi mới thiết bị, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn.

- Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp cần ưu tiên thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ gắn với chế biến sâu sản phẩm nông nghiệp, sản xuất giống cây trồng, vật nuôi; duy trì và phát triển những sản phẩm có giá trị cao, có lợi thế của thị xã gắn với thị trường tiêu thụ, hướng đến xuất khẩu.

3. Định hướng sử dụng đất

Với mục tiêu phát triển thị xã Bình Long là đô thị loại III nằm trong vùng đô thị và công nghiệp của tỉnh, nằm trong hành lang kinh tế phía Bắc của vùng TP. Hồ Chí Minh, là đầu mối giao lưu kinh tế quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Bình Phước, Bình Dương, và Vương Quốc Campuchia qua cửa khẩu quốc tế Hoa Lư. Trên cơ sở hiện trạng sử dụng đất, tiềm năng, lợi thế của thị xã và các quan điểm sử dụng đất, để đáp ứng được phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong những năm tới, định hướng sử dụng đất trên địa bàn thị xã Bình Long đến năm 2030 như sau:

3.1. Định hướng phát triển

* *Vùng phát triển các khu đô thị:* Không gian đô thị phát triển tập trung ở 04 phường của thị xã, giới hạn bởi các trục giao thông chính: về phía bắc phát triển đến đường quy hoạch phía trên đèo Đồng Long; Phía Tây phát triển đến trục đường Vành đai đô thị dự kiến. Phía Nam phát triển đến ranh giới huyện Hớn Quản; Phía Đông phát triển đến đường dây điện cao thế 110KV. Trên cơ sở mở rộng đô thị hiện hữu, phát triển mở rộng về hướng Nam; hình thành hệ thống mạng lưới giao thông đô thị và hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội đồng bộ.

* *Vùng trung tâm xã:*

Bao gồm vùng trung tâm các xã Thanh Phú và xã Thanh Lương phát triển mở rộng trên cơ sở các trung tâm xã hiện hữu dọc trên QL 13. Ngoài ra còn có các khu dân cư tập trung trên trục đường nối vào nhà máy Ximăng Bình Phước và khu Tái định cư đồng bào dân tộc. Mở rộng và nâng cấp các tuyến đường liên xã nhằm tạo thuận lợi kết nối thị xã với vùng ngoại thị về phía Bắc

- Quan điểm phát triển cơ bản và định hướng dài hạn trong việc sử dụng đất:

+ Bố trí các khu dân cư phải đáp ứng được yêu cầu: thuận tiện giao lưu kinh tế, văn hoá; thuận lợi trong sinh hoạt, sản xuất và phát triển kinh tế gia đình; hình thành các cụm điểm kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình

công nghiệp hoá - hiện đại hoá nông thôn cũng như tạo tiền đề để tiến hành đô thị hoá nông thôn sau này.

+ Việc phát triển và bố trí các khu dân cư nông thôn phải phù hợp với chính sách phát triển kinh tế, sự phân công lao động. Đáp ứng đầy đủ nhu cầu đất ở trên quan điểm sử dụng đất tiết kiệm, hạn chế lấy vào đất sản xuất nông nghiệp có hiệu quả cao.

+ Hình thành các khu dân cư tập trung trên cơ sở đẩy mạnh công tác đấu giá quyền sử dụng đất, trong đó đặc biệt chú ý việc dành quỹ đất cho các khu vực tái định cư khi nhà nước thu hồi đất.

+ Bố trí khu dân cư ở những khu vực có môi sinh tốt, không tác động xấu đến môi trường xung quanh; ưu tiên việc cải tạo, mở rộng các khu dân cư hiện có theo mô hình khép kín khu dân cư, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư và phát triển cơ sở hạ tầng khu dân cư, giảm chi phí xây dựng mới; không bố trí các điểm dân cư nhỏ lẻ ven theo các trục đường giao thông chính khi quy hoạch hệ thống đường giao thông.

+ Tập trung, từng bước nâng cấp, xây dựng mới cơ sở hạ tầng khu dân cư (giao thông, điện, nước, các công trình văn hoá phúc lợi công cộng...), trong đó ưu tiên các tụ điểm dân cư tập trung có điều kiện phát triển cụm điểm kinh tế nhằm đẩy nhanh quá trình đô thị hoá nông thôn.

* *Vùng cây xanh cảnh quan, không gian mở*: Khai thác cảnh quan hồ Xa Cam ở phía Tây Nam tạo nên điểm nhấn đặc thù cho thị xã, ngoài ra có các điểm nhấn chính như Trung tâm hành chính của thị xã; các công trình thương mại, công trình y tế, giáo dục, văn hóa, các công trình dịch vụ công cộng ... Hệ thống các công viên cây xanh TĐTT, quảng trường, kết hợp với hồ Xa Cam và các suối hình thành các điểm không gian mở góp phần tạo cảnh quan đô thị.

* *Vùng phát triển công nghiệp*:

+ Cụm công nghiệp tập trung nằm về phía Tây Nam của đô thị, với quy mô khoảng 75 ha.

+ Cụm Công nghiệp dự trữ phát triển là cụm công nghiệp tập trung nằm về phía Bắc của đô thị, với quy mô khoảng 135 ha.

- Quan điểm phát triển cơ bản và định hướng dài hạn trong việc sử dụng đất:

+ Phát triển công nghiệp tập trung trên cơ sở ưu tiên các ngành sản xuất các sản phẩm lợi thế, có thị trường tiêu thụ, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

nhANH và bền vững, làm động lực để thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa; đồng thời chuyển dịch mạnh cơ cấu nội bộ ngành theo hướng phát triển các ngành chủ lực, tạo sức đột phá; đầu tư đổi mới công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm.

+ Bố trí đất các cụm công nghiệp tập trung ở những khu vực thuận lợi về hạ tầng giao thông, xa các khu dân cư, gần nguồn nước và trên các diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng kém hiệu quả.

- Định hướng sử dụng đất: Dự kiến đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 toàn thị xã có cụm công nghiệp, trong đó:

+ Hình thành cụm công nghiệp tập trung nằm về phía Tây Nam của đô thị, với quy mô khoảng 75 ha.

+ Phát triển cụm công nghiệp dự trữ về phía Bắc của đô thị, với quy mô khoảng 135 ha.

- *Vùng phát triển nông nghiệp*: Các vùng sản xuất nông nghiệp bao quanh khu vực các khu đô thị, khu công nghiệp, công viên cây xanh. Chủ yếu tập trung ở phía Tây và phía Bắc của thị xã. Hình thành các vùng trồng cây công nghiệp và cây cao su; vùng trồng hoa màu kỹ thuật cao nhằm tăng năng xuất sản xuất.

3.2. Định hướng sử dụng đất theo các khu chức năng

3.2.1. Đất đô thị

Diện tích đất đô thị trên địa bàn thị xã là 4.160,78 ha, là tổng diện tích tự nhiên theo đơn vị hành chính của 04 phường. Căn cứ định hướng phát triển đô thị của thị xã, của tỉnh, tiếp tục phát triển các khu đô thị mới dọc theo các trục phát triển (TL752, các tuyến kết nối với các địa phương trong khu vực, trong vùng và các tuyến kết nối với khu trung tâm hiện hữu) với quan điểm sử dụng ưu tiên dành quỹ đất phát triển đô thị, thương mại dịch vụ và hoàn thiện hạ tầng giao thông, thiết chế y tế, văn hóa, thể dục, thể thao đồng bộ; phát triển các khu dân cư cũ theo hướng hạn chế mở rộng, tập trung quy hoạch chỉnh trang khép kín; tận dụng tối đa diện tích ao, hồ, sông suối, mặt nước nhằm tạo cảnh quan cây xanh, thể thao, dịch vụ nâng cao điều kiện sống kết hợp phát triển kinh tế của thị xã; cơ cấu các loại đất được bố trí sử dụng theo phương án quy hoạch chi tiết đô thị, quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, dự kiến được sử dụng như sau:

STT	Loại đất	Năm 2030	Năm 2050
	Tổng diện tích	4.160,78	4.160,78
1.	Đất nông nghiệp	2.431,53	2.000
Trong đó:			
1.1	- Đất trồng lúa	0,00	0,00
1.2	- Đất trồng cây lâu năm	2.315,65	2.000
2	2. Đất phi nông nghiệp	1.729,25	2.160,78

3.2.2. Khu vực sản xuất nông nghiệp

- Đối với khu vực đất trồng lúa: Do điều kiện về địa hình, khí hậu, đất đai nên trên địa bàn thị xã Bình Long, diện tích thích hợp cho việc sản xuất lúa rất hạn chế, hiện trên địa bàn thị xã đất trồng lúa chỉ sản xuất được 1 vụ trong năm vào mùa mưa lại bị chia cắt bởi các dự án phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ đan xen nhau và thường xuyên có sự điều chỉnh cho phù hợp tiến trình phát triển kinh tế - xã hội theo lộ trình xây dựng thành phố đạt đô thị loại III trong tương lai, do đó, định hướng đến năm 2030 chuyển toàn bộ 210,68 ha sang các mục đích khác để phục vụ phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ, hạ tầng đô thị và chuyển sang trồng cây lâu năm cho hiệu quả kinh tế cao hơn và để tạo cảnh quan môi trường đô thị.

- Đối với khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm: Đây là diện tích sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao, vì vậy, phương án quy hoạch đến năm 2030, định hướng đến năm 2050, tiếp tục đầu tư chăm sóc phần diện tích hiện có; phần diện tích phải chuyển đổi sang phục vụ cho các mục đích khác nhất thiết phải cân nhắc, tính toán khoa học, phù hợp với điều kiện thực tế. Định hình đến năm 2030, diện tích cây công nghiệp lâu năm khoảng 8.430,21 ha, định hướng đến năm 2050, diện tích sẽ ổn định khoảng 6.500 - 7.000 ha.

3.2.3. Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)

- Dự kiến đến năm 2030, định hướng đến năm 2050 trên địa bàn thị xã sẽ được đầu tư xây dựng và lấp đầy diện tích đất cho thuê trong các cụm công nghiệp sau:

- + Cụm công nghiệp Hưng Chiến: 75 ha;
- + Cụm công nghiệp Thanh Phú: 60 ha;
- + Cụm công nghiệp Thanh Phú 2: 75 ha.

3.2.4. Khu đô thị

Đây là diện tích nội thị tại các phường và các khu đô thị mới được hình thành xây dựng trong tương lai tại 02 xã (Thanh Lương, Thanh Phú). Dự kiến đến năm 2030 có diện tích khoảng 450 ha, định hướng đến năm 2050 có khoảng 800 ha, trong đó bao gồm đất khu ở, đất thương mại, dịch vụ, đất trụ sở cơ quan, các khu vui chơi giải trí công cộng và hạ tầng đô thị,...

3.2.5. Khu thương mại - dịch vụ

Quy hoạch khép kín các trung tâm thương mại, dịch vụ đáp ứng đầy đủ tiện ích phục vụ cho nhân dân; định hướng đến năm 2030, diện tích đất thương mại được bố trí trên địa bàn thị xã khoảng 50 ha và 75 ha đến năm 2050, tập trung nhiều ở khu vực hành chính thị xã.

II. PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

1. Chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội

1.1. Về kinh tế

- Tổng giá trị sản xuất 5 năm 2020 – 2025 đạt 55.079 tỷ đồng (giá cố định 2010); tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất 10%/năm, trong đó giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng tăng 10%/năm, thương mại - dịch vụ 12%/năm; nông - lâm - thủy sản 5%/năm.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2025 đạt 110 triệu đồng.

- Cơ cấu kinh tế: Công nghiệp - xây dựng 45%; thương mại - dịch vụ 47%; nông, lâm, thủy sản chiếm 8%. Thành lập mới 200 doanh nghiệp, 5 hợp tác xã.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn 8.000 tỷ đồng.

- Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn 2.300 tỷ đồng, tăng bình quân 12%/năm. Chi ngân sách 2.300 tỷ đồng, tăng bình quân 12%/năm. Tổng vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước 555 tỷ đồng.

1.2. Về văn hóa - xã hội và môi trường

- 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 100% phường đạt chuẩn đô thị văn minh.

- Số trường học đạt chuẩn quốc gia chiếm tỷ lệ 50%; số trường hoàn thiện thiết chế trường học thông minh: 3 trường.

- Số bác sĩ trên vạn dân là 14 bác sĩ, số giường bệnh trên vạn dân là 60 giường; tỷ lệ trẻ em < 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vaccin đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nặng cân/chiều cao còn 7%; tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 92% dân số; tỷ lệ xã đạt chuẩn quốc gia về y tế 100%.

- Phần đầu hàng năm có trên 95% hộ được công nhận “Gia đình văn hóa”; trên 75% ấp, khu phố được công nhận danh hiệu “Khu dân cư văn hóa”, 100% cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa.

- Giới thiệu và giải quyết việc làm mới 4.000 lao động/năm. Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị dưới 3%; tỷ lệ sử dụng lao động nông thôn đạt 95%; tỷ lệ lao động qua đào tạo 85%; giảm tỷ lệ hộ nghèo trung bình mỗi năm 1%.

- Tỷ lệ che phủ rừng và cây lâu năm 75%; số cơ sở kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%; tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 100%.

2. Cân đối, phân bổ diện tích các loại đất cho các mục đích sử dụng

2.1. Chỉ tiêu sử dụng đất

Trên cơ sở phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện giai đoạn 2021 - 2030, tiềm năng đất đai, các quan điểm định hướng sử dụng đất... và nhu cầu sử dụng của các ngành, các lĩnh vực, các xã, phường chỉ tiêu sử dụng đất kỳ quy hoạch trên địa bàn thị xã được xác định như sau:

Bảng 6: Diện tích cơ cấu các loại đất quy hoạch đến năm 2030

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	So với hiện trạng năm 2020	
					Diện tích (ha)	Tăng (+); Giảm (-)
	TỔNG DIỆN TÍCH		12.640,67	100,00	12.640,67	0,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	8.947,17	70,78	11.053,88	-2.106,71
1.1	Đất trồng lúa	LUA	0,00	0,00	210,68	-210,68
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	0,00	0,00	0,79	-0,79
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	171,00	1,35	172,60	-1,60
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	8.430,21	66,69	10.649,23	-2.219,02
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	21,21	0,17	21,21	0,00
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH	324,75	2,57	0,16	324,59
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3.693,51	29,22	1.579,66	2.113,85
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	44,94	1,22	21,40	23,54
2.2	Đất an ninh	CAN	4,49	0,12	3,28	1,21
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	0,00	0,00	4,23	-4,23
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	210,00	5,69	77,60	132,40

2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	52,49	1,42	15,95	36,53
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	126,78	3,43	29,20	97,58
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	33,00	0,89	0,00	33,00
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	15,33	0,42	18,64	-3,31
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1.367,60	37,03	763,06	604,54
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	1.023,78	74,86	634,46	389,32
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	92,97	6,80	0,00	92,97
-	<i>Đất xây dựng cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	16,05	1,17	6,10	9,95
-	<i>Đất xây dựng cơ sở y tế</i>	<i>DYT</i>	5,09	0,37	4,17	0,92
-	<i>Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo</i>	<i>DGD</i>	54,20	3,96	40,36	13,84
-	<i>Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao</i>	<i>DTT</i>	4,64	0,34	4,29	0,35
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	129,50	9,47	5,47	124,03
-	<i>Đất công trình bưu chính, viễn thông</i>	<i>DBV</i>	0,51	0,04	0,51	0,00
-	<i>Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia</i>	<i>DKG</i>	0,00	0,00	0,00	0,00
-	<i>Đất có di tích lịch sử - văn hóa</i>	<i>DDT</i>	1,23	0,09	0,76	0,47
-	<i>Đất bãi thải, xử lý chất thải</i>	<i>DRA</i>	0,00	0,00	0,20	-0,20
-	<i>Đất cơ sở tôn giáo</i>	<i>TON</i>	19,18	1,40	19,09	0,09
-	<i>Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng</i>	<i>NTD</i>	16,51	1,21	44,69	-28,18
-	<i>Đất xây dựng cơ sở khoa học công nghệ</i>	<i>DKH</i>	0,00	0,00	0,00	0,00
-	<i>Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội</i>	<i>DXH</i>	0,00	0,00	0,00	0,00
-	<i>Đất chợ</i>	<i>DCH</i>	3,95	0,29	2,96	0,99
2.10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	16,00	0,43	0,00	16,00
2.11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	8,11	0,22	5,00	3,11
2.12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	47,26	1,28	3,09	44,17
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT	740,47	20,05	176,36	564,11
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	737,43	19,97	199,27	538,16
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	23,86	0,65	9,46	14,40
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,53	0,01	0,53	0,00
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0,00	0,00	0,00	0,00

2.18	Đất tín ngưỡng	TIN	0,86	0,02	0,86	0,00
2.19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	192,26	5,21	197,76	-5,50
2.20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	63,59	1,72	48,86	14,73
2.21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	8,50	0,23	5,10	3,40
3	Đất chưa sử dụng	CSD	0,00	0,00	7,13	-7,13

2.2. Tổng hợp, nhu cầu và cân đối các chỉ tiêu sử dụng đất

2.2.1. Đất nông nghiệp

Tiếp tục rà soát, điều chỉnh quy hoạch vùng, quy hoạch chi tiết sản xuất nông nghiệp nhằm phát huy lợi thế của thị xã; tổ chức sản xuất theo hướng xây dựng và nhân rộng các mô hình Hợp tác xã, tổ hợp tác hoạt động hiệu quả, mô hình liên kết giữa hộ dân với doanh nghiệp và đối tác kinh tế,... Ưu tiên thu hút đầu tư phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ gắn với chế biến sâu sản phẩm nông nghiệp; duy trì và phát triển những sản phẩm có giá trị cao, có lợi thế của thị xã gắn với thị trường tiêu thụ, hướng đến xuất khẩu.

*** Đất trồng lúa:**

Trong thời kỳ quy hoạch, do đặc tính, điều kiện đất đai, địa hình, khí hậu của Bình Long không thích hợp phát triển cây lúa, vì vậy, diện tích sử dụng cho loại đất này không còn. Trong kỳ quy hoạch xác định diện tích đất trồng lúa sẽ chuyển sang các mục đích khác như: đáp ứng cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng, dân sinh, kinh tế và chuyển đổi sang các mô hình sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn... Phương án quy hoạch sử dụng đất trồng lúa như sau:

- Diện tích giảm sang sử dụng cho các mục đích khác: 210,68 ha, cụ thể:

+ Giảm do chuyển đổi cơ cấu trong nội bộ đất nông nghiệp, cụ thể chuyển 192,88 ha đất sử dụng kém hiệu quả do không có nước tưới sang trồng cây lâu năm (Cao su, Điều, ...) hiệu quả kinh tế cao hơn và để tạo cảnh quan môi trường đô thị;

+ Giảm do chuyển sang đất khu vui chơi, giải trí công cộng 8,60 ha và đất mặt nước chuyên dùng (hồ điều hòa) 9,20 ha (xây dựng công viên hồ xây mới tại phường Hưng Chiến);

*** Đất trồng cây hàng năm khác**

Trong kỳ quy hoạch chủ yếu tập trung vào công tác nghiên cứu, đầu tư

chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, đa dạng hoá cây trồng, nâng cao hệ số sử dụng đất, nhằm tăng năng suất, sản lượng và giá trị trên diện tích hiện có nhằm bù vào diện tích bị giảm đi trong kỳ quy hoạch do chuyển sang các mục đích phi nông nghiệp. Đến năm 2030, diện tích đất trồng cây hàng năm khác ổn định khoảng 171 ha (thực giảm 1,60 ha so với diện tích hiện trạng năm 2020). Đây chủ yếu là diện tích trồng hoa, rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày đã và đang được quy hoạch, đầu tư đã mang lại hiệu quả kinh tế nhất định cho người nông dân trong những năm gần đây. Phương án quy hoạch sử dụng đất như trồng cây hàng năm như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích: 171 ha.

- Diện tích giảm sang sử dụng cho các mục đích khác: 1,60 ha, do xây dựng cầu vượt tuyến băng tải xi măng Bình Phước xã Thanh Lương và làm hồ điều hòa ở phường An Lộc.

Đến năm 2030 diện tích đất trồng cây hàng năm khác có 171,00 ha, thực giảm 1,6 ha so với năm 2020, được phân bố trên địa bàn các phường, xã như sau:

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
1	Phường An Lộc	13,76	4	Phường Phú Thịnh	3,84
2	Phường Hưng Chiến	23,15	5	Xã Thanh Lương	113,42
3	Phường Phú Đức	5,07	6	Xã Thanh Phú	11,75

* Đất trồng cây lâu năm

Điều kiện đất đai, khí hậu của thị xã Bình Long thích hợp phát triển các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao như Cao su, Điều, Hồ tiêu, Cà phê, cây ăn quả; đây là tiền đề tạo ra các vùng sản xuất tập trung các sản phẩm phục vụ công nghiệp, hàng hoá xuất khẩu chiến lược của của thị xã, của tỉnh. Do đó, ngoài việc tiếp tục kinh doanh trên diện tích hiện có, trong kỳ quy hoạch sẽ đầu tư khai thác mở rộng diện tích này, trên cơ sở xây dựng các phương án quy hoạch chi tiết chuyển đổi diện tích đất trồng lúa có hiệu quả kinh tế thấp, hạn chế về điều kiện tưới, ở các phường, xã sang trồng Điều, Cao su hiệu quả kinh tế cao hơn và tạo cảnh quan môi trường sinh thái đô thị, đồng thời để bù lại một phần diện tích mất đi do chuyển sang sử dụng cho các mục đích phát triển dân sinh, kinh tế, xã hội của địa phương. Phương án quy hoạch sử dụng đất trồng cây lâu năm như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích: 8.237,72 ha.

- Diện tích giảm sang sử dụng cho các mục đích khác: 2.411,50 ha, cụ thể:
 + Giảm do chuyển sang đất nông nghiệp khác: 324,59 ha để xây dựng Dự án Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Thanh Phú 200,00 ha; Dự án Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Bình Long tại phường Hưng Chiến: 43,80 ha; Quy hoạch Trại chăn nuôi heo Gia Hân tại xã Thanh Lương: 14,99 ha; Quy hoạch Trại gà Công ty TNHH Chăn nuôi Minh Phương tại xã Thanh Lương: 20,80 ha; Dự án Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Thanh Lương: 25,00 ha; Dự án Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Thịnh: 20 ha.

+ Giảm do chuyển sang đất phi nông nghiệp: 2.086,91 ha, trong đó: chuyển sang đất quốc phòng 23,54 ha; Đất an ninh 0,82 ha; Đất xây dựng cụm công nghiệp Hưng Chiến, Thanh Phú và Thanh Phú 2: 210 ha; Các cơ sở thương mại dịch vụ: 19,29 ha; Các cơ sở sản xuất kinh doanh: 20,00 ha; Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản 33,00 ha; Đất phát triển hạ tầng: 614,66 ha (giao thông 376,02 ha, thủy lợi 90,39 ha, cơ sở văn hóa 4,11 ha, y tế 0,14 ha, giáo dục 16,14 ha, thể dục - thể thao 1,90 ha, năng lượng 124,03 ha, tôn giáo 0,07 ha, chợ 1,87 ha); Đất danh lam thắng cảnh 16,00 ha; Đất sinh hoạt cộng đồng 2,19 ha; Đất khu vui chơi, giải trí công cộng 21,06 ha; đất ở nông thôn 566,80 ha; đất ở đô thị 539,68 ha; đất trụ sở cơ quan 13,49 ha; đất xây dựng hồ điều hòa 2,80 ha và đất phi nông nghiệp khác 3,58 ha.

- Diện tích tăng: 192,48 ha, do được chuyển đổi từ đất trồng lúa ở các phường, xã 192,09 ha và chuyển từ đất khu công nghiệp, đất bãi thải, xử lý chất thải sang 0,40 ha.

Đến năm 2030 diện tích đất trồng cây lâu năm có 8.430,21 ha, thực giảm 2.219,02 ha, được phân bố trên địa bàn các phường, xã như sau:

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
1	Phường An Lộc	539,59	4	Phường Phú Thịnh	156,88
2	Phường Hưng Chiến	1.426,93	5	Xã Thanh Lương	3.971,16
3	Phường Phú Đức	192,25	6	Xã Thanh Phú	2.143,40

* Đất nuôi trồng thủy sản

Trong thời kỳ quy hoạch, diện tích đất nuôi trồng thủy sản không thay đổi được giữ nguyên là 21,21 ha.

* Đất nông nghiệp khác

Nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất theo hướng sản xuất sản phẩm

nông nghiệp công nghệ cao; trong kỳ quy hoạch sẽ hình thành 04 Dự án Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và 02 trang trại chăn nuôi heo, gia cầm với tổng diện tích 324,75 ha, được sử dụng vào đất trồng cây lâu năm; cụ thể:

- Quy hoạch Dự án Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Thanh Phú: 200 ha;

- Quy hoạch trang trại nuôi Heo Gia Hân xã Thanh Lương: 14,99 ha;

- Quy hoạch trang trại nuôi Gà xã Thanh Lương: 20,80 ha.

- Quy hoạch Dự án Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phường Phú Thịnh: 20,00 ha;

- Quy hoạch Dự án Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Thanh Lương: 25,00 ha;

- Quy hoạch Dự án Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Bình Long tại phường Hưng Chiến: 43,80 ha.

Đến năm 2030 diện tích đất nông nghiệp khác có 324,75 ha, tăng 324,59 ha so với năm 2020, được phân bố trên địa bàn các phường, xã như sau:

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
1	Phường An Lộc		4	Phường Phú Thịnh	20,00
2	Phường Hưng Chiến	43,80	5	Xã Thanh Lương	60,79
3	Phường Phú Đức		6	Xã Thanh Phú	200,16

(Số liệu chi tiết thể hiện tại Biểu 03/CH).

2.2.2. Đất phi nông nghiệp

Trong tiến trình đô thị hóa, phần đầu đưa thị xã Bình Long thành thị xã thông minh, đạt đô thị loại III đến năm 2025. Theo đó, nhu cầu sử dụng đất để phát triển các khu đô thị, đất hạ tầng là rất lớn và để đáp ứng đầy đủ diện tích đất đai cho các ngành, lĩnh vực phục vụ phát triển dân sinh, kinh tế, xã hội, đồng thời tránh việc sử dụng đất lãng phí, kém hiệu quả,... các ngành, lĩnh vực của tỉnh, thị xã cũng như các địa phương. Trong kỳ quy hoạch, diện tích đất phi nông nghiệp không bị giảm đi mà tăng thêm 2.113,85 ha. Đến năm 2030 trên địa bàn thị xã đất phi nông nghiệp là 3.693,51 ha, chiếm 29,22% tổng diện tích tự nhiên. Cụ thể các loại đất như sau:

a. Đất quốc phòng:

Trong kỳ quy hoạch dự kiến sẽ dành thêm 23,54 ha quỹ đất để phục vụ mục đích quốc phòng. Cụ thể như sau: Quy hoạch xây dựng Nhà ở công vụ Bộ CHQS tỉnh 1,00 ha; Quy hoạch Khu vực quốc phòng tại xã Thanh Lương 7,54 ha và quy hoạch Khu vực quốc phòng tại xã Thanh Phú 15,00 ha. Đất quốc phòng phân bố trên địa bàn các phường, xã như sau:

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
1	Phường An Lộc	7,27	4	Phường Phú Thịnh	
2	Phường Hưng Chiến	1,00	5	Xã Thanh Lương	18,84
3	Phường Phú Đức	2,83	6	Xã Thanh Phú	15,00

b. Đất an ninh

Trong kỳ quy hoạch dự kiến sẽ dành thêm quỹ đất để xây dựng, mở rộng 05 trụ sở công an tại phường An Lộc 0,18 ha, phường Hưng Chiến 0,39 ha, phường Phú Đức 0,21 ha, phường Phú Thịnh 0,21 ha, xã Thanh Lương 0,30 ha và xã Thanh Phú 0,50 ha. Đất an ninh phân bố trên địa bàn các phường, xã như sau:

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
1	Phường An Lộc	0,18	4	Phường Phú Thịnh	0,21
2	Phường Hưng Chiến	3,09	5	Xã Thanh Lương	0,30
3	Phường Phú Đức	0,21	6	Xã Thanh Phú	0,50

c. Đất cụm công nghiệp

Trong kỳ quy hoạch sẽ thành lập thêm 03 cụm công nghiệp bao gồm: Cụm công nghiệp Hưng Chiến có diện tích 75 ha, cụm công nghiệp Thanh Phú có diện tích 60 ha, cụm công nghiệp Thanh Phú 2 có diện tích 75 ha.

Phương án quy hoạch sử dụng đất cụm công nghiệp như sau:

- Diện tích tăng: 210,0 ha, được sử dụng từ đất trồng cây lâu năm.
- Diện tích giảm 77,6 ha do điều chỉnh quy hoạch Cụm công nghiệp nhà máy xi măng Bình Phước thành nhà máy xi măng Bình Phước.

Đến năm 2030 trên địa bàn thị xã có 210,00 ha đất cụm công nghiệp, thực tăng 210,0 ha, được phân bố trên địa bàn các phường, xã như sau:

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
1	Phường An Lộc	0,00	4	Phường Phú Thịnh	0,00
2	Phường Hưng Chiến	75,00	5	Xã Thanh Lương	0,00
3	Phường Phú Đức	0,00	6	Xã Thanh Phú	135,00

d. Đất thương mại, dịch vụ

Trong thời kỳ quy hoạch sẽ ưu tiên quỹ đất, giải phóng mặt bằng để xây dựng và phát triển các khu thương mại, dịch vụ nhằm hoàn thiện hệ thống cung ứng cung cầu đáp ứng yêu cầu của đô thị loại III trong tương lai. Từ nay đến năm 2030 sẽ dành quỹ đất để phát triển các trung tâm thương mại ở các địa phương, như khu thương mại Thanh Phú (6,50 ha), khu thương mại, dịch vụ bến xe cũ (3,00 ha), khu thương mại, dịch vụ mỏ đá Phú Lạc (7,13 ha); đất thương mại dịch vụ tại các phường Phú Đức, phường An Lộc, phường Hưng Chiến, xã Thanh Lương và các cửa hàng xăng dầu, cơ sở thương mại, dịch vụ khác... Phương án quy hoạch sử dụng đất thương mại, dịch vụ như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích: 13,14 ha;
- Diện tích giảm sang sử dụng cho các mục đích: 2,81 ha (đấu giá đất ở tại đô thị khu trung tâm thương mại và nhà máy nước phường Hưng Chiến).
- Diện tích tăng: 39,34 ha. Được sử dụng từ đất nông nghiệp 19,29 ha; đất phi nông nghiệp 12,92 ha; đất chưa sử dụng 7,13 ha.

Đến năm 2030 trên địa bàn thị xã có 52,49 ha đất thương mại, dịch vụ, thực tăng 36,53 ha so với năm 2020, được phân bố trên địa bàn các phường, xã như sau:

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
1	Phường An Lộc	9,77	4	Phường Phú Thịnh	8,59
2	Phường Hưng Chiến	10,93	5	Xã Thanh Lương	6,25
3	Phường Phú Đức	8,33	6	Xã Thanh Phú	8,62

đ. Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp

Nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển các ngành nghề sản xuất công nghiệp,

tiểu thủ công nghiệp của các cơ sở sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ trong điều kiện các hộ gia đình, cá nhân khó khăn trong việc tiếp cận quỹ đất trong các cụm công nghiệp; vì vậy sẽ quy hoạch bố trí thêm 7,00 ha để quy hoạch lò mổ gia súc gia cầm tại phường An Lộc; 13,00 ha để đầu tư xây dựng tuyến băng truyền tải đá vào nhà máy xi măng Bình Phước và các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ tại xã Thanh Lương, sử dụng từ đất trồng cây lâu năm đồng thời điều chỉnh 77,60 ha quy hoạch Cụm công nghiệp nhà máy xi măng Bình Phước thành nhà máy xi măng Bình Phước. Phương án sử dụng đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích: 29,18 ha.
- Diện tích giảm sang cho mục đích thủy lợi: 0,02 ha.
- Diện tích tăng: 7,00 ha; để quy hoạch quỹ đất cho tổ chức, cá nhân thuê đất làm lò mổ gia súc, gia cầm tại phường An Lộc (2 ha) và khu sản xuất tại ấp Thanh Tuấn, xã Thanh Lương (5,00 ha), đầu tư xây dựng tuyến băng truyền tải đá vào nhà máy xi măng Bình Phước (13,00 ha) và điều chỉnh quy hoạch Cụm công nghiệp nhà máy xi măng Bình Phước thành nhà máy xi măng Bình Phước (77,60 ha).

Đến năm 2030 trên địa bàn thị xã có 126,78 ha đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, thực tăng 97,58 ha so với năm 2020, được phân bố trên địa bàn các phường, xã như sau:

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
1	Phường An Lộc	3,47	4	Phường Phú Thịnh	0,98
2	Phường Hưng Chiến	12,26	5	Xã Thanh Lương	106,88
3	Phường Phú Đức	0,47	6	Xã Thanh Phú	2,71

e. Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: Trong kỳ quy hoạch diện tích đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản tăng 33,00 ha do quy hoạch mở khai thác khoáng sản tại xã Thanh Lương.

Đến năm 2030 trên địa bàn thị xã có 33,00 ha đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản, thực tăng 33,00 ha và có vị trí tại xã Thanh Lương.

f. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: trong kỳ quy hoạch diện tích đất sử dụng cho sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm giảm đi 3,31 ha, do chuyển sang xây dựng hồ điều hòa.

Đến năm 2030 trên địa bàn thị xã có 15,33 ha sử dụng cho sản xuất vật

liệu xây dựng, làm đồ gốm, được phân bố trên địa bàn các phường, xã như sau:

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
1	Phường An Lộc	0	4	Phường Phú Thịnh	0
2	Phường Hưng Chiến	0	5	Xã Thanh Lương	15,33
3	Phường Phú Đức	0	6	Xã Thanh Phú	0

g. Đất phát triển hạ tầng:

Đất phát triển cơ sở hạ tầng, gồm các loại đất để nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới các công trình, dự án: *giao thông, thủy lợi, công trình năng lượng, bưu chính viễn thông, các cơ sở (văn hóa, y tế, giáo dục, thể dục - thể thao, nghiên cứu khoa học, dịch vụ xã hội, chợ)*. Ngoài mục tiêu phát triển thị xã đạt đô thị loại III; nhất thiết phát đáp ứng yêu cầu trong các lĩnh vực, giáo dục, văn hóa, thể thao đạt chuẩn; hạ tầng phúc lợi công cộng,... đảm bảo các yêu cầu phát triển dân sinh, kinh tế; vì vậy, đến năm 2030 cần dành quỹ đất khá lớn để nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới hệ thống cơ sở hạ tầng (1.367,60 ha), cụ thể:

* Đất giao thông: Tập trung đầu tư nâng cấp, mở rộng các tuyến đường hiện có và đầu tư xây dựng mới các tuyến đường nhằm kết nối thị xã với các trung tâm kinh tế phát triển với các địa phương trong và ngoài thị xã. Phần đầu đến năm 2030 trở thành một trong những đầu mối trung chuyển, giao lưu kinh tế văn hóa của tỉnh; cụ thể đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới 97 hạng mục công trình (chi tiết tại Biểu 10/CH). Phương án sử dụng đất giao thông như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích: 634,11 ha.

- Diện tích giảm sang cho các mục đích khác: 0,35 ha (để xây dựng mương thoát nước ngoài KCN Việt Kiều và xây dựng chợ Bình Long).

- Diện tích tăng: 389,67 ha, được sử dụng từ các loại đất (Đất chuyên trồng lúa nước còn lại 0,80 ha; đất trồng cây hàng khác 0,30 ha; đất trồng cây lâu năm 614,66 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo 1,25 ha; đất ở tại nông thôn 3,67 ha; đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng 6,02 ha; đất ở tại đô thị 6,20 ha; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 5,50 ha).

Đến năm 2030 trên địa bàn thị xã có 1023,78 ha, thực tăng 389,32 ha so với năm 2020, được phân bố trên địa bàn các phường, xã như sau:

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
----	-------------------	----------------	----	-------------------	----------------

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
1	Phường An Lộc	94,60	4	Phường Phú Thịnh	65,51
2	Phường Hưng Chiến	305,60	5	Xã Thanh Lương	271,58
3	Phường Phú Đức	65,99	6	Xã Thanh Phú	220,51

* Đất thủy lợi: Hiện tại trên địa bàn thị xã Bình Long, diện tích để dẫn nước tưới tiêu phục vụ cho sản xuất nông nghiệp là hệ thống suối, rạch tự nhiên, công năng chính là thoát nước vào mùa mưa và đang được thống kê vào đất sông, suối, kênh, rạch, mặt nước chuyên dùng. Trong kỳ quy hoạch ngoài việc xây dựng 03 hồ thủy lợi, sẽ được đầu tư nạo vét, xây dựng mới chuyển đổi một số hệ thống suối, kênh, rạch thành hệ thống thủy lợi chủ động tưới, tiêu cho đồng ruộng, nương bãi sản xuất nông nghiệp, cụ thể:

- Quy hoạch xây dựng hồ thủy lợi xã Thanh Phú: 30 ha;
- Quy hoạch xây dựng hồ thủy lợi số 3 ấp Thanh An, xã Thanh Lương: 25 ha;
- Quy hoạch xây dựng hồ nước phục vụ Dự án Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phường Phú Thịnh: 3 ha;
- Quy hoạch xây dựng 21 tuyến mương; nạo vét, mở rộng 8 tuyến kênh, suối: 37,87 ha.

Diện tích tăng được sử dụng từ các loại đất trồng cây lâu năm 90,39 ha; đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 0,02 ha; đất giao thông 0,05 ha; đất ở tại đô thị 0,01 ha; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối 2,50 ha.

Đến năm 2030 trên địa bàn thị xã có 92,97 ha đất thủy lợi, phân bố trên địa bàn các phường, xã như sau:

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
1	Phường An Lộc	5,25	4	Phường Phú Thịnh	23,45
2	Phường Hưng Chiến	8,83	5	Xã Thanh Lương	25,10
3	Phường Phú Đức	0,34	6	Xã Thanh Phú	30,00

* Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: Trong kỳ quy hoạch, ngoài việc tập trung đầu tư nâng cấp hệ thống trường, lớp, trang thiết bị phục vụ giảng dạy sẽ tiếp tục dành 11,20 ha đất quy hoạch xây dựng hoàn thiện thiết chế giáo dục trên địa bàn thị xã, cụ thể:

- QH, XD trường THPT Bình Long tại phường Hưng Chiến: 9,00 ha.
- QH, XD trường tiểu học Thanh Bình tại phường Hưng Chiến: 1,55 ha.
- QH, XD trường mầm non tư thục Khai Tâm tại phường Phú Thịnh: 0,22 ha.
- QH đất phát triển giáo dục trong khu dân cư Khang Minh Quân và Ngọc

Điền Phát 0,43 ha.

- QH phát triển giáo dục khu A,B,C trong khu đô thị Nam An Lộc 2,66 ha.
- QH phát triển giáo dục Khu dân cư Thanh Bình 2,28 ha.

Phương án quy hoạch sử dụng đất giáo dục được sử dụng như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích: 38,06 ha.
- Diện tích giảm sang sử dụng cho các mục đích khác: 2,30 ha (Mở rộng bệnh viện Bình Long 0,78 ha; Mở rộng di tích mộ 3000 người 0,47 ha; xây dựng nhà văn hóa khu phố Bình An, phường An Lộc 0,70 ha; nhà văn hóa phố Đông Phát, phố Bình Tây, phường Hưng Chiến 0,12 ha, chuyển sang đất an ninh 0,18 ha và đấu giá chuyển sang đất ở trường tiểu học Thanh Bình 0,05 ha).

- Diện tích tăng: 16,14 ha, được sử dụng từ đất trồng cây lâu năm.

Đến năm 2030 trên địa bàn thị xã có 54,20 ha đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo, thực tăng 16,14 ha so với năm 2020; được phân bố trên địa bàn các phường, xã như sau:

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
1	Phường An Lộc	5,57	4	Phường Phú Thịnh	3,16
2	Phường Hưng Chiến	26,18	5	Xã Thanh Lương	7,52
3	Phường Phú Đức	7,88	6	Xã Thanh Phú	3,89

* Đối với lĩnh vực văn hóa, y tế, thể dục - thể thao: Nhằm hoàn thiện thiết chế y tế xã, phường và đáp ứng yêu cầu vui chơi, giải trí của nhân dân; trong kỳ quy hoạch tiếp tục quy hoạch xây dựng 02 trạm y tế phường Hưng Chiến 0,05 ha và phường Phú Đức 0,09 ha; Mở rộng bệnh viện Bình Long 0,78 ha; quy hoạch xây dựng mới khu phức hợp thể thao tại vùng đệm nhà máy xi măng Bình Phước, xã Thanh Lương 1,50 ha và sân thể thao tại ấp Thanh Xuân, xã Thanh Phú 0,18 ha; quy hoạch đất thể thao xã Thanh Lương 0,60 ha; quy hoạch xây dựng mới 07 công trình văn hóa (Công viên văn hóa - bảo tồn văn hóa các dân tộc tại phường An Lộc 2,66 ha; Công viên văn hóa - thể thao tại phường Phú Thịnh 0,69 ha; trung tâm văn hóa tại xã Thanh Phú, Thanh Lương 3,70 ha; đài tưởng niệm liệt sỹ tại phường An Lộc và xã Thanh Phú 0,41 ha; công viên văn hóa thể dục thể thao tại phường Hưng Chiến 2,49 ha).

- Đến năm 2030 trên địa bàn thị xã có 5,09 ha đất xây dựng cơ sở y tế, tăng 0,92 ha so với năm 2020, được phân bố trên địa bàn các phường, xã như

sau:

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
1	Phường An Lộc	2,08	4	Phường Phú Thịnh	0,11
2	Phường Hưng Chiến	0,89	5	Xã Thanh Lương	0,33
3	Phường Phú Đức	1,42	6	Xã Thanh Phú	0,26

- Đến năm 2030 trên địa bàn thị xã có 16,05 ha đất xây dựng cơ sở văn hóa, tăng 9,95 ha so với năm 2020, được phân bố trên địa bàn các phường, xã như sau:

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
1	Phường An Lộc	2,81	4	Phường Phú Thịnh	0,69
2	Phường Hưng Chiến	2,49	5	Xã Thanh Lương	1,70
3	Phường Phú Đức	5,96	6	Xã Thanh Phú	2,40

- Đến năm 2030 trên địa bàn thị xã có 4,64 ha đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao, tăng 0,35 ha so với năm 2020, được phân bố trên địa bàn các phường, xã như sau:

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
1	Phường An Lộc		4	Phường Phú Thịnh	
2	Phường Hưng Chiến	0,92	5	Xã Thanh Lương	2,10
3	Phường Phú Đức	1,62	6	Xã Thanh Phú	1,63

* Đất công trình năng lượng:

Trong kỳ quy hoạch diện tích đất công trình năng lượng tăng 124,03 ha để đầu tư xây dựng các công trình dự án sau: Đường dây 110KV và trạm 220KV tại xã Thanh Lương 2,66 ha; . Đường điện 220kv Bình Long - Tây Ninh 0,1 ha; Nhà máy điện mặt trời Sunrise 1 có diện tích 60,00 ha; Nhà máy điện mặt trời Thanh Lương 60,00 ha; Nhánh rẽ và trạm 110kV Nhà máy điện rác Bình Long 1,27 ha.

Đến năm 2030 toàn thị xã có 129,50 ha đất công trình năng lượng, phân bố trên địa bàn các phường, xã như sau:

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
1	Phường An Lộc		4	Phường Phú Thịnh	0,02
2	Phường Hưng Chiến	1,27	5	Xã Thanh Lương	127,14

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
3	Phường Phú Đức	0,02	6	Xã Thanh Phú	1,05

* Đất công trình bưu chính viễn thông

Trong kỳ quy hoạch diện tích đất công trình bưu chính viễn thông không thay đổi so với năm 2020. Đến năm 2030 toàn thị xã có 0,51 ha đất xây dựng công trình bưu chính viễn thông.

* Đất có di tích lịch sử - văn hóa

Trong kỳ quy hoạch diện tích đất có di tích lịch sử - văn hóa tăng 0,47 ha so với năm 2020 (Mở rộng di tích mộ 3000 người). Đến năm 2030 toàn thị xã có 1,23 ha đất có di tích lịch sử - văn hóa.

* Đất bãi thải, xử lý chất thải

Do thị xã Bình Long là khu vực đô thị, vì vậy công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn được đặc biệt quan tâm. Trong kỳ quy hoạch không bố trí quỹ đất để xây dựng bãi thải, xử lý chất thải. Hiện trạng có 0,2 ha đất bãi thải, xử lý chất thải sẽ được chuyển đổi thành đất trồng cây lâu năm.

* Đất cơ sở tôn giáo

Trong kỳ quy hoạch diện tích đất cơ sở tôn giáo tăng 0,09 ha (xây dựng chi hội tin lành Sóc Bể, tại xã Thanh Phú). Đến năm 2030 trên địa bàn thị xã có 19,18 ha đất cơ sở tôn giáo, phân bố trên địa bàn các phường, xã như sau:

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
1	Phường An Lộc	1,10	4	Phường Phú Thịnh	0,44
2	Phường Hưng Chiến	13,07	5	Xã Thanh Lương	1,18
3	Phường Phú Đức	0,29	6	Xã Thanh Phú	3,10

* Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng

Trong kỳ quy hoạch diện tích đất nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng giảm 28,18 ha do việc di dời các khu nghĩa trang, nghĩa địa rải rác đến các khu đã có quỹ đất quy hoạch tập trung.

Đến năm 2030 trên địa bàn thị xã có 16,51 ha đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng được bố trí tập trung tại xã Thanh Lương.

* Đối với hệ thống chợ: Để đáp ứng nhu cầu mua bán phục vụ nhu cầu thiết yếu của người dân; trong kỳ quy hoạch cũng dành 2,27 ha đất để quy hoạch xây dựng mới 02 chợ (chợ Thanh Lương 0,79 ha và chợ Bình Long 1,48 ha). Diện tích tăng sử dụng từ đất trồng cây lâu năm 1,87 ha; đất

ở tại đô thị 0,10 ha; đất giao thông 0,30 ha. Bên cạnh đó cũng sử dụng 1,28 ha đất chợ để quy hoạch đất thương mại dịch vụ và đất ở nông thôn.

Đến năm 2030 trên địa bàn thị xã có 3,95 ha đất chợ, thực tăng 0,99 ha so với năm 2020, được phân bố trên địa bàn các xã, phường như sau:

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
1	Phường An Lộc	2,78	4	Phường Phú Thịnh	
2	Phường Hưng Chiến		5	Xã Thanh Lương	1,17
3	Phường Phú Đức		6	Xã Thanh Phú	

h. Đất ở tại nông thôn

Căn cứ vào mức độ tăng dân số tự nhiên; số khẩu có nhu cầu tách hộ; số hộ nghèo, hộ chính sách; số hộ tăng cơ học; quỹ đất có hệ số thương mại cao, thuận lợi cho việc buôn bán, sinh hoạt của người dân để đấu giá quyền sử dụng đất,... từ nay đến năm 2030 sẽ quy hoạch 28 khu dân cư mới và giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn xã Thanh Lương và Thanh Phú với tổng diện tích 564,11 ha.

Phương án quy hoạch sử dụng đất ở tại nông thôn như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích: 172,69 ha.

- Diện tích giảm sang sử dụng cho các mục đích khác: 3,67 ha (thu hồi để mở rộng các tuyến đường giao thông 3,45 ha; xây dựng sân thể thao ấp Thanh Xuân 0,20 ha và chi hội tin lành Sóc Bè 0,02 ha).

- Diện tích tăng: 567,78 ha; được sử dụng từ đất trồng cây lâu năm 566,80 và từ đất chợ 0,98 ha..

Đến năm 2030 trên địa bàn thị xã có 740,47 ha đất ở tại nông thôn, thực tăng 564,11 ha so với năm 2020, được phân bố trên địa bàn các xã như sau:

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
1	Phường An Lộc		4	Phường Phú Thịnh	
2	Phường Hưng Chiến		5	Xã Thanh Lương	372,69
3	Phường Phú Đức		6	Xã Thanh Phú	367,78

i. Đất ở tại đô thị

Là đô thị nằm trong vùng đô thị và công nghiệp của tỉnh; nằm trong hành lang kinh tế phía Bắc của vùng TP. Hồ Chí Minh dọc theo QL13; là đầu mối giao lưu kinh tế quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Bình Phước, Bình Dương và Vương Quốc Campuchia qua cửa khẩu quốc tế Hoa

Lưu cùng mật độ dân số thấp,... Do đó, trong kỳ quy hoạch ngoài việc đáp ứng nhu cầu đất ở do phát sinh dân số tự nhiên còn dành quỹ đất khá lớn để đáp ứng nhu cầu cho các hộ gia đình, cá nhân di cư đến sinh sống tại thị xã (tăng cơ học); dự kiến trong kỳ quy hoạch sẽ quy hoạch thêm 15 khu dân cư đô thị mới và giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân tại 4 phường với tổng diện tích 544,65 ha.

- Diện tích không thay đổi mục đích: 192,78 ha.

- Diện tích giảm sang sử dụng cho các mục đích khác: 6,49 ha (thu hồi để mở rộng các tuyến đường giao thông 6,10 ha, thủy lợi 0,01 ha, chợ 0,10 ha, đất thương mại dịch vụ 0,20 ha; xây dựng các nhà văn hóa khu phố 0,08 ha,...).

- Diện tích tăng: 544,65 ha; được sử dụng từ đất trồng cây lâu năm 539,68 ha; đất cơ sở thương mại, dịch vụ 2,81 ha; đất giáo dục 0,05 ha; đất thể dục thể thao 1,93 ha; đất phi nông nghiệp khác 0,18 ha.

Đến năm 2030 trên địa bàn thị xã có 737,43 ha đất ở tại đô thị, thực tăng 544,65 ha so với năm 2020, được phân bố trên địa bàn các phường như sau:

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
1	Phường An Lộc	168,76	4	Phường Phú Thịnh	101,91
2	Phường Hưng Chiến	376,35	5	Xã Thanh Lương	
3	Phường Phú Đức	91,21	6	Xã Thanh Phú	

j. Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Để đáp ứng nhu cầu phát triển và nhà làm việc cho cán bộ công chức. Trong kỳ quy hoạch cũng dành 14,63 ha để xây dựng khu trung tâm hành chính của thị xã 4,73 ha, khu trung tâm hành chính của phường Hưng Chiến 3 ha,....

Phương án quy hoạch sử dụng đất trụ sở cơ quan như sau:

- Diện tích không thay đổi mục đích: 9,23 ha.

- Diện tích giảm sang sử dụng cho các mục đích khác: (chuyển sang đất an ninh 0,21 ha, 0,02 ha chuyển sang mục đích làm nhà văn hóa khu phố).

- Diện tích tăng: 14,63 ha; được sử dụng từ đất trồng cây lâu năm 13,49 ha, đất làm nghĩa trang, nghĩa địa 1,14 ha.

Đến năm 2030 trên địa bàn thị xã có 23,86 ha đất xây dựng trụ sở cơ quan, thực tăng 14,40 ha so với năm 2020, được phân bố trên địa bàn các phường như sau:

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
1	Phường An Lộc	0,62	4	Phường Phú Thịnh	0,73
2	Phường Hưng Chiến	18,71	5	Xã Thanh Lương	0,29
3	Phường Phú Đức	3,00	6	Xã Thanh Phú	0,51

k. Đất sinh hoạt công đồng: Để hoàn thiện thiết chế trụ sở, nhà văn hóa ấp, trụ sở, nhà khu phố; từ nay đến năm 2030 sẽ quy hoạch xây dựng 20 công trình, với tổng diện tích 3,11 ha nhằm đáp ứng các nhu cầu sinh hoạt văn hóa, hội họp của các tổ dân cư trên địa bàn thị xã Bình Long.

Đến năm 2030 trên địa bàn thị xã có 8,11 ha đất sinh hoạt công đồng, tăng 3,11 ha so với năm 2020, được phân bố trên địa bàn các phường, xã như sau:

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
1	Phường An Lộc	2,18	4	Phường Phú Thịnh	0,20
2	Phường Hưng Chiến	0,85	5	Xã Thanh Lương	2,29
3	Phường Phú Đức	1,16	6	Xã Thanh Phú	1,44

l. Đất vui chơi, giải trí công cộng

Để đáp ứng nhu cầu vui chơi giải trí cho nhân dân, đặc biệt là việc tạo cảnh quan, môi trường của thị xã, từ nay đến năm 2030 cần dành thêm 44,17 ha để phục vụ cho lĩnh vực này (bao gồm hệ thống công viên, cây xanh thể thao trong các khu dân cư, khu hồ công viên) tập trung tại phường Hưng Chiến.

Đến năm 2030 trên địa bàn thị xã có 47,26 ha đất vui chơi, giải trí công cộng, tăng 44,17 ha so với năm 2020, được phân bố trên địa bàn các phường, xã như sau:

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
1	Phường An Lộc	2,25	4	Phường Phú Thịnh	0,05
2	Phường Hưng Chiến	35,79	5	Xã Thanh Lương	4,06
3	Phường Phú Đức	1,75	6	Xã Thanh Phú	3,36

m. Đất danh lam thắng cảnh

Trong kỳ quy hoạch diện tích đất danh lam thắng cảnh tăng 16,00 ha (quy hoạch Khu danh lam thắng cảnh tại phường Hưng Chiến). Đến năm 2030 trên địa bàn thị xã có 16,00 ha đất danh lam thắng cảnh.

n. Đất cơ sở tín ngưỡng

Trong kỳ quy hoạch diện tích đất cơ sở tín ngưỡng không thay đổi so với hiện trạng năm 2020. Đến năm 2030 trên địa bàn thị xã có 0,86 ha đất cơ sở tín ngưỡng.

o. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối

Trong kỳ quy hoạch diện tích đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối giảm 5,50 ha so với hiện trạng năm 2020. Đến năm 2030 trên địa bàn thị xã có 192,26 ha đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối, phân bố trên địa bàn các phường, xã như sau:

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
1	Phường An Lộc	6,14	4	Phường Phú Thịnh	6,29
2	Phường Hưng Chiến	10,79	5	Xã Thanh Lương	89,73
3	Phường Phú Đức	16,46	6	Xã Thanh Phú	62,86

p. Đất có mặt nước chuyên dùng

Trong kỳ quy hoạch diện tích đất có mặt nước chuyên dùng tăng 14,73 ha so với hiện trạng năm 2020; đây là mặt nước tại công viên hồ xây mới phường Hưng Chiến 12 ha và khu vực khai thác đất làm vật liệu xây dựng chuyển sang mục đích làm hồ điều hòa 2,73 ha. Diện tích tăng được sử dụng vào đất trồng lúa 9,20 ha; đất trồng cây hàng năm khác 1,30 ha; đất trồng cây lâu năm 2,80 ha; đất sản xuất vật liệu xây dựng 1,43 ha.

Đến năm 2030 trên địa bàn thị xã có 63,59 ha đất có mặt nước chuyên dùng, phân bố trên địa bàn các phường, xã như sau:

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
1	Phường An Lộc	2,73	4	Phường Phú Thịnh	
2	Phường Hưng Chiến	60,86	5	Xã Thanh Lương	
3	Phường Phú Đức		6	Xã Thanh Phú	

q. Đất phi nông nghiệp khác

Trong kỳ quy hoạch diện tích đất phi nông nghiệp khác tăng 3,40 ha so với hiện trạng năm 2020, trong đó tăng 3,47 ha là quỹ đất dự trữ trong khu hành chính thị xã, 0,11 đất hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Khang Minh Quân và giảm 0,18 ha chuyển sang đất ở đô thị. Đến năm 2030 trên địa bàn thị xã có 8,50 ha đất phi nông nghiệp khác, phân bố trên địa bàn các phường, xã như sau:

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
1	Phường An Lộc	0,65	4	Phường Phú Thịnh	0,18
2	Phường Hưng Chiến	7,45	5	Xã Thanh Lương	0,11

TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)	TT	Đơn vị hành chính	Diện tích (ha)
3	Phường Phú Đức	0,11	6	Xã Thanh Phú	

(Số liệu chi tiết thể hiện tại Biểu 03/CH).

2.2.3. Đất chưa sử dụng

Trong kỳ quy hoạch 2021 - 2030 diện tích đất chưa sử dụng giảm 7,13 ha để xây dựng khu thương mại, dịch vụ tại phường Phú Thịnh. Diện tích đất chưa sử dụng đến năm 2030 trên địa bàn thị xã không còn.

Chi tiết danh mục các công trình, dự án tại bảng sau:

Bảng 7: Danh mục các công trình, dự án quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 – 2030

TT	Tên công trình	Mã quy hoạch	vị trí (xã, phường, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng	LẤY VÀO LOẠI ĐẤT																		Năm thực hiện				
							LUC	LUK	HNK	CLN	CAN	SKK	SKN	TMD	SKC	DGT	DGD	DTT	DCH	DRA	ONT	ODT	TSC	NTD		SKX	SON	PNK	CSD
	TỔNG			291492		291492	079	21069	160	251476	058	423	7760	281	002	5199	230	031	128	020	517	1206	023	2818	331	550	018	713	
A	Công trình, dự án được phân bổ từ quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh			2533		2533				2436	058					018						021							
I	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh			2533		2533				2436	058					018						021							
I.1	Đất quốc phòng			2354		2354				2354																			
1	Nhà ở công vụ Bộ CHQS tỉnh	CQP	Phường Hưng Chiên	100		100			100																				2022
2	Khu vực quốc phòng	CQP	Xã Thanh Lương	754		754			754																				2026-2030
3	Khu vực quốc phòng	CQP	Xã Thanh Phú	1500		1500			1500																				2026-2030
I.2	Đất an ninh			179		179			082	058						018						021							
1	Đất trụ sở Công an phường	CAN	Phường An Lộc	018		018			001	017																			2021
2	Xây dựng trụ sở công an xã Thanh Phú	CAN	Xã Thanh Phú	050		050			050																				2021
3	Trụ sở công an phường Hưng Chiên	CAN	Phường Hưng Chiên	021		021																021							2021
4	Nhà làm việc công an thị xã Bình Long	CAN	Phường Hưng Chiên	018		018										018													2021
5	Trụ sở công an phường Phú Đức	CAN	Phường Phú Đức	021		021				021																			2021
6	Trụ sở công an phường Phú Thịnh	CAN	Phường Phú Thịnh	021		021			001	020																			2021
7	Xây dựng trụ sở công an xã Thanh Lương	CAN	Xã Thanh Lương	030		030			030																				2022

TT	Tên công trình	Mã quy hoạch	vị trí (xã, phường, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng	LẤY VÀO LOẠI ĐẤT																			Năm thực hiện										
							LUC	LUK	HNK	CLN	CAN	SKK	SKN	TMD	SKC	DGT	DGD	DTT	DCH	DRA	ONT	ODT	TSC	NTD	SKX		SON	PNK	CSD							
B	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất			154385		154385		940	030	145892					002	5199	207						517	479	002	1979	188	550								
I.	Đất khu công nghiệp																																			
1		SKK																																		
2		SKK																																		
II	Đất cụm công nghiệp			21000		21000				21000																										
1	Cụm công nghiệp Hưng Chiến	SKN	Phường Hưng Chiến	7500		7500				7500																										2022
2	Cụm công nghiệp Thanh Phú	SKN	Xã Thanh Phú	6000		6000				6000																										2022
3	Cụm công nghiệp Thanh Phú 2	SKN	Xã Thanh Phú	7500		7500				7500																										2022
III	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã			65421		65421		080	030	57845					002	5199	125					517	471		602						550					
III.1	Đất giao thông			48831		48831		080	030	37302						5164						495	460								300					
1	Điều chỉnh đường giao thông theo hiện trạng tại Kp. Hưng Thịnh, phường Hưng Chiến	DGT	Phường Hưng Chiến	010		010				010																										2022
2	Điều chỉnh đường dân sinh tại tổ 7, ấp Hưng Thịnh, phường Hưng Chiến	DGT	Phường Hưng Chiến	002		002				002																										2022
3	XD đường Đoàn Thị Điểm kết nối trung tâm hành chính mới thị xã Bình Long	DGT	Phường Hưng Chiến	600		600				600																										2024
4	Láng nhựa đường Trần Quang Khải nối dài	DGT	Phường Hưng Chiến	022		022				022																										2023
5	Đường tổ 3 ấp Bình Ninh 1, phường Hưng Chiến	DGT	Phường Hưng Chiến	270		270				270																										2022

TT	Tên công trình	Mã quy hoạch	vị trí (xã, phường, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng	LẤY VÀO LOẠI ĐẤT																		Năm thực hiện			
							LUC	LUK	HNK	CLN	CAN	SKK	SKN	TMD	SKC	DGT	DGD	DTT	DCH	DRA	ONT	ODT	TSC	NTD		SKX	SON	PNK
6	XD đường HCT3 giáp ranh Hón Quán	DGT	Phường Hưng Chiên	5,72		5,72																						2022
7	Xây dựng đường ĐT.752 nối dài tiếp giáp huyện Hón Quán	DGT	Phường Hưng Chiên	7,30		7,30																						2021
8	Đường dân sinh phía sau khu quy hoạch dân cư lòng Hồ Sa Cát thuộc ấp Sờ Nhì.	DGT	Phường Hưng Chiên	2,00		2,00																						2022
9	Đường đất nối từ đường kênh hậu KDC lòng hồ Sa Cát với đường đất tiếp giáp thửa 170 tờ BĐ 13	DGT	Phường Hưng Chiên	0,10		0,10																						2026-2030
10	Đường đất nối từ đường HC T16 – HC T8 thuộc tờ bản đồ 28 (An Phú)	DGT	Phường Hưng Chiên	1,00		1,00																						2026-2030
11	Đường đất giáp lô cao su từ đường Lương thế Vinh – thửa 124 tờ bản đồ 39 (thanh bình).	DGT	Phường Hưng Chiên	0,10		0,10																						2026-2030
12	Đường đất từ thửa 21 (04) – thửa 20 (05) thanh bình	DGT	Phường Hưng Chiên	0,50		0,50																						2026-2030
13	Đường đất từ HC T8 thửa 120 – thửa 132 (32) an phú	DGT	Phường Hưng Chiên	0,01		0,01																						2026-2030
14	Đường đất từ thửa 30 đến thửa 48 tờ bản đồ 28 an phú	DGT	Phường Hưng Chiên	0,10		0,10																						2026-2030
15	Đường đất từ HC T1 – thửa 413 tờ bản đồ 29 an phú	DGT	Phường Hưng Chiên	0,07		0,07																						2026-2030
16	Đường đất đi qua lô cao su từ QL 13 – thửa 185 tờ bản đồ 22 thanh bình	DGT	Phường Hưng Chiên	0,60		0,60																						2026-2030
17	Đường đất ven lô từ đường Trần Quang Khải – đầu đường đất giáp thửa 123 (34) An Phú.	DGT	Phường Hưng Chiên	0,50		0,50																						2026-2030

TT	Tên công trình	Mã quy hoạch	vị trí (xã, phường, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng	LẤY VÀO LOẠI ĐẤT																		Năm thực hiện			
							LUC	LUK	HNK	CLN	CAN	SKK	SKN	TMD	SKC	DGT	DGD	DTT	DCH	DRA	ONT	ODT	TSC	NTD		SKX	SON	PNK
18	Đường đất từ thửa 143 (03) – thửa 10 (06) Thanh Bình	DGT	Phường Hưng Chiên	0.30		0.30																						2026-2030
19	Đường đất từ thửa 8 – 99 (55 Thanh Bình). Đi qua đất công	DGT	Phường Hưng Chiên	0.10		0.10																						2026-2030
20	Đường đất từ thửa số 8 (55) – thửa số 24 (54 thanh bình)	DGT	Phường Hưng Chiên	0.10		0.10																						2026-2030
21	Đường ven lô cao su từ đường Lương thế Vinh thửa 204 (39) đến thửa 94(tờ 37 thanh bình).	DGT	Phường Hưng Chiên	0.30		0.30																						2026-2030
22	Mở rộng tuyến đường giáp ranh giữa lô cao su nhà nước và các hộ dân từ tổ 1 đến tổ 4 thuộc Kp. Đông Phát (giáp ranh xã Thanh Bình, Hớn Quản)	DGT	Phường Hưng Chiên	2.27		2.27																						2023
23	Mở rộng đường HCT1, phường Hưng Chiên	DGT	Phường Hưng Chiên	4.60		4.60																			0.60			2026-2030
24	Đất giao thông trong khu hành chính thị xã (Khu hành chính thị xã Tổng diện tích 42,70 ha trong đó : TSC 4,73 ha; ODT 12,9 ha; DKV 4,87 ha; DGT 16,75 ha; PNK 3,47 ha)	DGT	Phường Hưng Chiên	16.75		16.75																						2021
25	Đất Cty cao su giao về địa phương để thực hiện kết nối khu dân cư	DGT	Phường Hưng Chiên, An Lộc	15.00		15.00																						2021
26	Đường từ HCT8 đến nhà ông Ba Đông tổ 2 KP Bình Ninh 2	DGT	Phường Hưng Chiên	0.50		0.50																						2026-2030
27	Đường từ tổ 3 đến tổ 4 Xa Cam 2	DGT	Phường Hưng Chiên	0.07		0.07																						2026-2030

TT	Tên công trình	Mã quy hoạch	vị trí (xã, phường, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng	LẤY VÀO LOẠI ĐẤT																		Năm thực hiện											
							LUC	LUK	HNK	CLN	CAN	SKK	SKN	TMD	SKC	DGT	DGD	DTT	DCH	DRA	ONT	ODT	TSC	NTD		SKX	SON	PNK	CSD							
28	Đường từ HCT1 qua nhà văn hóa Bình Ninh 1 ra Nguyễn Văn Trỗi nối dài	DGT	Phường Hưng Chiên	1.10		1.10																														2026-2030
29	Xây dựng đường Nguyễn Văn Trỗi kết nối huyện Hớn Quản (đoạn từ ngã 3 Đoàn Thị Điểm đến ranh huyện Hớn Quản)	DGT	Phường Hưng Chiên	11.18		11.18																													2021	
30	Đường giao thông trong KDC Hưng Mai (Tổng diện tích 15.05 ha trong đó: ODT 7 ha; TMD 0,23 ha; DKV 0,44 ha; DGT 7,38 ha)	DGT	Phường Hưng Chiên	7.38		7.38																													2026-2030	
31	Điều chỉnh đường đi tại tổ 9, Kp. Phú Xuân, phường Phú Thịnh, thị xã Bình Long	DGT	Phường Phú Thịnh	0.50		0.50																													2022	
32	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Thái Học nối dài kết nối huyện Hớn Quản	DGT	Phường Phú Thịnh, xã Thanh Phú	9.60		9.60																													2021	
33	Xây dựng, nâng cấp đường Hai Bà Trưng nối dài	DGT	Phường Phú Thịnh	2.00		2.00																													2022	
34	Xây dựng đường bờ kè cấp suối từ đường Bà Triệu đến khu mỏ đá Phú Lạc	DGT	Phường Phú Thịnh	0.70		0.70																													2022	
35	Điều chỉnh đường tổ 2, kp Phú Thuận, phường Phú Thịnh	DGT	Phường Phú Thịnh	0.18		0.18																													2022	
36	Mở rộng tuyến giáp ranh khu đất lò gạch (Kp Phú Hòa)	DGT	Phường Phú Thịnh	0.24		0.24																													2023	
37	Xây dựng đường bờ kè cấp suối Cầu Trắng từ đường Bà Triệu (Kp Phú Thuận) qua cầu Ba Tầng đến đầu nguồn suối tại tổ 4, kp Phú Hòa	DGT	Phường Phú Thịnh	5.00		5.00																													2026-2030	
38	Điều chỉnh đường đi tại tổ 4, KP Phú Hòa phường Phú Thịnh	DGT	Phường Phú Thịnh	0.52		0.52																													2026-2030	
39	Điều chỉnh đường đi tại tổ 1, KP Phú Thuận phường Phú Thịnh	DGT	Phường Phú Thịnh	0.20		0.20																													2026-2030	

TT	Tên công trình	Mã quy hoạch	vị trí (xã, phường, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng	LẤY VÀO LOẠI ĐẤT																		Năm thực hiện		
							LUC	LUK	HNK	CLN	CAN	SKK	SKN	TMD	SKC	DGT	DGD	DTT	DCH	DRA	ONT	ODT	TSC	NTD		SKX	SON
40	Xây dựng đường Lê Đại Hành nối dài tiếp giáp huyện Hớn Quán	DGT	Phường Phú Đức	9.40		9.40		0.25		7.75										1.40							2022
41	Nối dài đường PĐT 9 đến đường ranh xe lửa	DGT	Phường Phú Đức	0.20		0.20			0.20																		2026-2030
42	Mở rộng tuyến đường giáp ranh giữa lô cao su Nhà nước và các hộ dân tại tổ 3 – Phú Hòa 2 (lô 03/2017 Nông trường Quán Lợi)	DGT	Phường Phú Đức	0.28		0.28			0.28																		2026-2030
43	Mở rộng tuyến đường giáp ranh giữa lô cao su Nhà nước và các hộ dân tại tổ 1 – Phú Hòa 2 (lô 07/2015 Nông trường Quán Lợi)	DGT	Phường Phú Đức	0.24		0.24			0.24																		2026-2030
44	XD đường PĐT9, PĐT7 đi Hớn Quán	DGT	Phường Phú Đức	1.70		1.70			1.70																		2026-2030
45	XD đường PĐT9 (đoạn từ Ngã 3 Sóc Phú Bôn đến PĐT 7)	DGT	Phường Phú Đức	1.00		1.00			1.00																		2022
46	Xây dựng đường Nguyễn Thái Học đoạn từ ngã 5 Đoàn Thị Điểm đến ĐT.752 phường An Lộc) thị xã Bình Long	DGT	Phường An Lộc	10.12		10.12			6.80					2.00						1.32							2026-2030
47	Đường Trữ Văn Thô nối dài (360m)	DGT	Phường An Lộc	0.01		0.01			0.01																		2026-2030
48	Đường Trần Phú Nối dài (360m)	DGT	Phường An Lộc	0.58		0.58			0.58																		2022
49	Đường Bùi Thị Xuân nối dài (320m)	DGT	Phường An Lộc	0.34		0.34			0.24											0.10							2022
50	Xây dựng đường vành đai thị xã Bình Long	DGT	Phường Hưng Chiến, An Lộc, xã Thanh Phú	55.32		55.32			45.00					10.32													2022
51	Xây dựng đường liên xã Hưng Chiến đi Thanh Lương thị xã Bình Long	DGT	Phường Hưng Chiến, An Lộc, Thanh	35.50		35.50			25.50					10.00													2022

TT	Tên công trình	Mã quy hoạch	vị trí (xã, phường, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng	LẤY VÀO LOẠI ĐẤT																			Năm thực hiện		
							LUC	LUK	HNK	CLN	CAN	SKK	SKN	TMD	SKC	DGT	DGD	DTT	DCH	DRA	ONT	ODT	TSC	NTD	SKX		SON	PNK
			Phú, Thanh Lương																									
52	Mở rộng tuyến đường giáp ranh giữa lô cao su nhà nước và các hộ dân tại tổ 02 ấp Thanh Hà, xã Thanh Phú (Lô 2014, 2019 NTQL)	DGT	Xã Thanh Phú	0.56		0.56																						2023
53	Mở rộng tuyến đường giáp ranh giữa lô cao su nhà nước và các hộ dân tại ấp Thanh Thủy, xã Thanh Phú (Lô 1/2013 NTXC)	DGT	Xã Thanh Phú	0.12		0.12																						2023
54	Mở rộng tuyến đường giáp ranh giữa lô cao su nhà nước và các hộ dân tại ấp Thanh Sơn, xã Thanh Phú (Lô 2010 NTXC)	DGT	Xã Thanh Phú	0.47		0.47																						2023
55	Mở rộng tuyến đường giáp ranh giữa lô cao su nhà nước và các hộ dân tại ấp Thanh Thủy, xã Thanh Phú (Lô 2013 NTXC)	DGT	Xã Thanh Phú	0.54		0.54																						2023
56	Mở rộng tuyến đường giáp ranh giữa lô cao su nhà nước và các hộ dân tại ấp Sóc Bè, xã Thanh Phú (Lô 2013 NTXC)	DGT	Xã Thanh Phú	0.14		0.14																						2023
57	Mở rộng tuyến đường giáp ranh giữa lô cao su nhà nước và các hộ dân tại ấp Sóc Bung, xã Thanh Phú (Lô 2019 NTQL)	DGT	Xã Thanh Phú	0.75		0.75																						2023
58	Đường Thanh Xuân - Thanh Sơn (2000m)	DGT	Xã Thanh Phú	1.20		1.20																						2022
59	QH mở rộng đường từ 3m lên 5m ấp Phú Long	DGT	Xã Thanh Phú	1.85		1.85																			0.15			2026-2030
60	Xây dựng mở rộng đường dân sinh từ QL13 đến địa giới phường An Lộc từ 5m lên 7m	DGT	Xã Thanh Phú	2.50		2.50																				0.30		2026-2030

TT	Tên công trình	Mã quy hoạch	vị trí (xã, phường, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng	LẤY VÀO LOẠI ĐẤT																			Năm thực hiện												
							LUC	LUK	HNK	CLN	CAN	SKK	SKN	TMD	SKC	DGT	DGD	DTT	DCH	DRA	ONT	ODT	TSC	NTD	SKX		SON	PNK	CSD									
61	QH mở rộng đường từ NVH áp 17 đến nghĩa địa áp 17 từ 3m lên 5m	DGT	Xã Thanh Phú	2.63		2.63														0.20																		2026-2030
62	Đường dẫn vào cụm công nghiệp Thanh Phú	DGT	Xã Thanh Phú	3.00		3.00																															2023	
63	Thu hồi 386,3 m2 đất của ông Nguyễn Văn Luyn thuộc thửa 203, TBĐ 13 xã Thanh Lương làm đường đi chung	DGT	Xã Thanh Lương	0.04		0.04																															2021	
64	Đường đầu nối vào nhà máy xi măng Hà Tiên (đoạn từ QL13 - ĐT 757 - đường 304)	DGT	Xã Thanh Lương	50.00		50.00																															2025	
65	Xây dựng đường kết nối ngang QL 13 và tuyến Tây QL 13 đoạn Chơn Thành - Hoa Lư	DGT	Xã Thanh Lương	30.00		30.00																															2022	
66	Đường Tò 10 ấp Thanh An từ đường bê tông đất ông Sỹ đến đất bà Phạm Thị Tú Anh dài 400m	DGT	Xã Thanh Lương	0.32		0.32																															2026-2030	
67	Tuyến đường TLT5 đoạn từ QL13 đến 14C	DGT	Xã Thanh Lương	11.20		11.20																															2026-2030	
68	Đường tổ 4 Thanh Hải từ nhà ông Chiến sang tổ 1 nhà ông Thái	DGT	Xã Thanh Lương	0.42		0.42																															2026-2030	
69	Đường tổ 4 ấp Thanh Hải đi xuống tổ 1 nhà ông Rông	DGT	Xã Thanh Lương	0.30		0.30																															2026-2030	
70	Đường tổ 4, ấp Thanh Thiện từ nhà ông Thao đến nhà ông Cương	DGT	Xã Thanh Lương	0.15		0.15																															2026-2030	
71	Đường tổ 6, ấp Thanh Thiện từ nhà ông Long đến nhà ông Linh	DGT	Xã Thanh Lương	0.17		0.17																															2026-2030	
72	Đường tổ 7 ấp Thanh Thiện từ nhà bà Hồng đến nhà bà Chắt	DGT	Xã Thanh Lương	0.12		0.12																															2026-2030	
73	Đường ấp Thanh Hòa từ thửa 30 đến thửa 86	DGT	Xã Thanh Lương	0.24		0.24																															2026-2030	
74	Đường phân lô ấp Thanh Thịnh	DGT	Xã Thanh Lương	0.36		0.36																															2026-2030	

TT	Tên công trình	Mã quy hoạch	vị trí (xã, phường, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng	LẤY VÀO LOẠI ĐẤT																		Năm thực hiện				
							LUC	LUK	HNK	CLN	CAN	SKK	SKN	TMD	SKC	DGT	DGD	DTT	DCH	DRA	ONT	ODT	TSC	NTD		SKX	SON	PNK	CSD
75	Đường phân lô ấp Thanh Kiều	DGT	Xã Thanh Lương	1.06		1.06																							2026-2030
76	Điều chỉnh đường đi tại ấp Thanh Hòa, xã Thanh Lương theo nội dung giải quyết đơn thư	DGT	Xã Thanh Lương	0.45		0.45																							2026-2030
77	Đường đi thuộc ấp Thanh Thịnh, xã Thanh Lương, thị xã Bình Long	DGT	Xã Thanh Lương	0.36		0.36																							2026-2030
78	Dự án xây dựng cầu vượt tuyến bãng tãi Xi măng Bình Phước	DGT	Xã Thanh Lương	0.73		0.73				0.30	0.33											0.10							2021
79	Điều chỉnh đường dân sinh tại tổ 12, ấp Thanh An, xã Thanh Lương	DGT	Xã Thanh Lương	0.53		0.53					0.53																		2026-2030
80	Đường từ nhà ông Vi đến nhà bà Thom (tổ 9, ấp Thanh Kiều)	DGT	Xã Thanh Lương	0.10		0.10					0.10																		2026-2030
81	Đường từ đường Tàu đến nhà ông Vân (tổ 2, ấp Thanh Hưng)	DGT	Xã Thanh Lương	0.04		0.04					0.04																		2026-2030
82	Đường từ ĐT 757 đến nhà ông Giáp (tổ 1, ấp Thanh Hưng)	DGT	Xã Thanh Lương	0.20		0.20					0.20																		2026-2030
83	Đường từ nhà ông Tài đến nhà Dương (tổ 6, ấp Thanh Hưng)	DGT	Xã Thanh Lương	0.10		0.10					0.10																		2026-2030
84	Đường từ nhà ông Văn đến nhà ông Vĩnh (tổ 6, Thanh Hòa)	DGT	Xã Thanh Lương	0.09		0.09					0.09																		2026-2030
85	Đường từ nhà ông Khanh đến nhà ông Tinh (tổ 5 và tổ 11, ấp Thanh Thịnh)	DGT	Xã Thanh Lương	0.14		0.14					0.14																		2026-2030
86	Đường từ Nông trường Xa Cam đến nhà ông Mic (tổ 9, Phô Lô)	DGT	Xã Thanh Lương	0.13		0.13					0.13																		2026-2030
87	Đường từ nhà ông Tảo đến nhà bà Hoa (tổ 2, ấp Thanh Thiện)	DGT	Xã Thanh Lương	0.30		0.30					0.30																		2026-2030
88	Láng nhựa đường từ tổ 6 ấp Thanh Tuấn đi cầu Ba Tạng (đầu ĐT.757 đi Lộc Ninh)	DGT	Xã Thanh Lương	3.30		3.30					3.30																		2022
89	Láng nhựa tuyến đường từ đập tràn tổ 8 ấp Thanh Thiện đi nghĩa trang ấp Thanh Thiện	DGT	Xã Thanh Lương	3.30		3.30					3.30																		2026-2030

TT	Tên công trình	Mã quy hoạch	vị trí (xã, phường, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng	LẤY VÀO LOẠI ĐẤT																			Năm thực hiện						
							LUC	LUK	HNK	CLN	CAN	SKK	SKN	TMD	SKC	DGT	DGD	DTT	DCH	DRA	ONT	ODT	TSC	NTD	SKX		SON	PNK	CSD			
90	Đường dẫn cầu vượt dân sinh qua bạng chuyên NMXM	DGT	Xã Thanh Lương	0.72		0.72																										2026-2030
91	Xây dựng đường bê tông từ ấp Thanh Kiều đi tới 5 ấp Thanh Bình, xã Thanh Lương, thị xã Bình Long (2880m)	DGT	Xã Thanh Lương	0.23		0.23																									2022	
92	Mở rộng DT 758 từ Bình Long đến Thuận Phú và đoạn kết nối QL 14 25,92ha	DGT	Phường Phú Đức, Phú Thịnh	25.92		25.92																									2026-2030	
93	Xây dựng đường từ ngã 3 cây sung đến mốc tiếp giáp 3 mặt Phú Thịnh, Thánh Phú, Tân Lợi	DGT	Phường Phú Thịnh, Thanh Phú	1.60		1.60																									2022	
94	Xây dựng đường bê tông tổ 10, 11 ấp Thanh An, xã Thanh Lương	DGT	Xã Thanh Lương	0.32		0.32																									2022	
95	Xây dựng đường bê tông từ trường tiểu học Thanh Lương B đi ấp Sóc Giếng xã Thanh Lương	DGT	Xã Thanh Lương	0.30		0.30																									2022	
96	Mở rộng, nâng cấp cải tạo đường sắt Bình Long - Hoa Lư	DGT	Phường Hưng Chiến, Phú Đức, Phú Thịnh, Thanh Phú, Thanh Lương	34.63		34.63																									2026-2030	
97	Bổ sung quy hoạch 33 tuyến đường	DGT	Phường Hưng Chiến, An Lộc, Phú Thịnh, Thanh Phú, Thanh Lương	4.24		4.24																									2026-2030	
98	Đất giao thông trong khu dân cư Khang Minh Quân	DGT	Xã Thanh Lương	1.73		1.73																									2022	

TT	Tên công trình	Mã quy hoạch	vị trí (xã, phường, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng	LẤY VÀO LOẠI ĐẤT																		Năm thực hiện				
							LUC	LUK	HNK	CLN	CAN	SKK	SKN	TMD	SKC	DGT	DGD	DTT	DCH	DRA	ONT	ODT	TSC	NTD		SKX	SON	PNK	CSD
99	Đất giao thông trong khu dân cư Ngọc Điền Phát	DGT	Xã Thanh Lương	2.12		2.12																						2022	
100	Đất giao thông khu A,B,C trong khu đô thị Nam An Lộc (tổng phường Hưng Chiến 64,43ha trong đó đất giao thông 16,74ha; đất ở 38,9 ha; đất công viên cây xanh 5,64 ha; đất cơ sở giáo dục 2,66 ha; đất thương mại dịch vụ 0,49 ha)	DGT	Phường Hưng Chiến	16.74		16.74																						2021-2030	
101	Đất giao thông khu dân cư Thanh Bình (tổng phường Hưng Chiến 27,07 ha trong đó đất giao thông 8,57 ha; đất ở 12,15 ha; đất công viên cây xanh 2,57 ha; đất cơ sở giáo dục 2,28 ha; đất trụ sở cơ quan 1,5 ha)	DGT	Phường Hưng Chiến	5.57		5.57																						2021-2030	
102	Đất giao thông khu dân cư 15,5 ha thị xã Bình Long (trong đó đất giao thông 5,96 ha; đất ở 7,31 ha; đất công viên cây xanh 0,67 ha; đất thương mại dịch vụ 1,56 ha)	DGT	Phường Hưng Chiến, Phường An Lộc	5.96		5.96																						2021-2030	
III.2	Đất thủy lợi			92.97		92.97								0.02	0.05											0.01		2.50	
1	Dự án xây dựng mương thoát nước ngoài KCN Việt Kiều	DTL	Phường Hưng Chiến	0.73		0.73								0.02	0.05											0.01		2021	
2	Nạo vét khơi thông dòng chảy suối tổ 9, 10 khu phố Xa Cam II	DTL	Phường Hưng Chiến	1.30		1.30																						2022	
3	Nạo vét kênh hậu lòng hồ Xa Cát	DTL	Phường Hưng Chiến	6.00		6.00																						2026-2030	
4	Xây dựng mương tổ 4 Xa Cam I (VB thuận chủ trương số 552/UBND-SX của UBND TX Bình Long ngày 13/4/2021)	DTL	Phường Hưng Chiến	0.80		0.80																						2026-2030	

TT	Tên công trình	Mã quy hoạch	vị trí (xã, phường, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng	LẤY VÀO LOẠI ĐẤT																		Năm thực hiện				
							LUC	LUK	HNK	CLN	CAN	SKK	SKN	TMD	SKC	DGT	DGD	DTT	DCH	DRA	ONT	ODT	TSC	NTD		SKX	SON	PNK	CSD
5	Nạo vét suối tổ 1, 2, 3 Kp. Phú Thuận và tổ 4 Kp. Phú Hòa, phường Phú Thịnh	DTL	Phường Phú Thịnh	4.45		4.45																							2026-2030
6	Nạo vét suối Kp. Phú Xuân, phường Phú Thịnh	DTL	Phường Phú Thịnh	8.00		8.00																							2022
7	XD mương thoát nước, via hè đường Nơ Trang Long (đoạn từ Nguyễn Huệ đến đường rầy xe lửa)	DTL	Phường Phú Thịnh	0.45		0.45																							2026-2030
8	Dự án nạo vét kênh từ đường Bà Triệu tới tổ 1, Kp. Phú Thuận	DTL	Phường Phú Thịnh	7.50		7.50																							2026-2030
9	Hồ nước phục vụ Dự án vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	DTL	Phường Phú Thịnh	3.00		3.00																							2026-2030
10	Dự án: Nạo vét kênh và cống thoát nước trên địa bàn phường An Lộc và xã Thanh Phú	DTL	Phường An Lộc	4.50		4.50																							2021
11	Mương 2m từ ALT22 đến giáp ranh phường Hưng Chiên (Phú Tân)	DTL	Phường An Lộc	0.01		0.01																							2022
12	Mương 2m từ đường ALT1 đến suối qua thửa đất số 76	DTL	Phường An Lộc	0.02		0.02																							2022
13	Mương 2m từ đường ALT1 ngang qua đường ALT5 đến giáp mương hiện hữu (đôi Đồ Long) tờ bản đồ số 15	DTL	Phường An Lộc	0.09		0.09																							2022
14	Mương nước từ đường ALT11 đến suối giáp ranh khu phố An Bình-Phú Trung	DTL	Phường An Lộc	0.04		0.04																							2022
15	Mương 2m từ đường ALT 1 đến suối qua thửa đất số 428 và thửa đất số 10 tờ bản đồ số 12	DTL	Phường An Lộc	0.01		0.01																							2022
16	Mương 2m từ đường ALT1 đến suối qua thửa đất số 76 và thửa đất số 268 tờ bản đồ số 14	DTL	Phường An Lộc	0.02		0.02																							2022

TT	Tên công trình	Mã quy hoạch	vị trí (xã, phường, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng	LẤY VÀO LOẠI ĐẤT																		Năm thực hiện			
							LUC	LUK	HNK	CLN	CAN	SKK	SKN	TMD	SKC	DGT	DGD	DTT	DCH	DRA	ONT	ODT	TSC	NTD		SKX	SON	PNK
17	Mương 2m từ đường đất (khu đất kho An Lạc) đến điểm đầu từ thửa đất số 4 tờ bản đồ số 18 đến hệ thống mương thoát nước đường Đoàn Thị Điểm qua thửa đất số 3 tờ bản đồ số 18 và thửa đất số 200, thửa 336	DTL	Phường An Lạc	0.02		0.02																						2022
18	Mương 2m từ đường đất đi qua các thửa số 27,29,31,32,38 tờ số 14 đến suối ranh giới giữa xã Thanh Phú-An Lạc	DTL	Phường An Lạc	0.02		0.02																						2022
19	Mương 2m từ đường đất đi qua các thửa số 43,54 tờ số 14 đến suối ranh giới giữa xã Thanh Phú-An Lạc	DTL	Phường An Lạc	0.02		0.02																						2022
20	Mương 3m từ đường ALT 16 đến suối	DTL	Phường An Lạc	0.03		0.03																						2026-2030
21	Mương 3m từ đường ALT 16 đến suối qua thửa đất số 12,15 tờ 21	DTL	Phường An Lạc	0.02		0.02																						2026-2030
22	Mương 3m từ đường ALT16 đến suối qua thửa đất số 222 tờ 21	DTL	Phường An Lạc	0.03		0.03																						2022
23	Mương 1,4m từ đường ALT7 đến suối qua thửa đất số 37 tờ 21 và thửa đất 452 tờ bản đồ 21	DTL	Phường An Lạc	0.17		0.17																						2022
24	Mương 1,4m từ đường ALT7 đến suối qua thửa đất số 400 tờ 12 và thửa đất 394 tờ bản đồ 12	DTL	Phường An Lạc	0.19		0.19																						2022
25	Đường mương song song đường ALT13 khu phố An Bình qua thửa 223;224;232;237;240 tờ số 23	DTL	Phường An Lạc	0.02		0.02																						2026-2030
26	Mương từ đường bê tông đến đường ĐoànThị Điểm - ĐT 752	DTL	Phường An Lạc	0.04		0.04																						2026-2030
27	Xây dựng mương thoát nước 1,6m thửa 23, TBĐ 51	DTL	Phường Phú Đức	0.01		0.01																						2026-2030

TT	Tên công trình	Mã quy hoạch	vị trí (xã, phường, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng	LẤY VÀO LOẠI ĐẤT																	Năm thực hiện					
							LUC	LUK	HNK	CLN	CAN	SKK	SKN	TMD	SKC	DGT	DGD	DTT	DCH	DRA	ONT	ODT	TSC		NTD	SKX	SON	PNK	CSD
28	Xây dựng mương thoát nước từ sân Banh lòng chào đến tổ 5, khu phố Phú Lộc (nhà ông Hạnh)	DTL	Phường Phú Đức	0.23		0.23																							2026-2030
29	Xây dựng mương thoát nước từ Đường Lê Đại Hành đến tổ 5, khu phố Phú Lộc (nhà ông Hạnh)	DTL	Phường Phú Đức	0.10		0.10																							2026-2030
30	Hồ thủy lợi xã Thanh Phú	DTL	Xã Thanh Phú	30.00		30.00																			2.50			2026-2030	
31	Hồ thủy lợi số 3 ấp Thanh An, Thanh Lương	DTL	Xã Thanh Lương	25.00		25.00																						2026-2030	
32	Xây dựng mương thoát nước tổ 2 Kp. Phú Thuận và tổ 8 Kp. Phú Xuân, phường Phú Thịnh	DTL	Phường Phú Thịnh	0.05		0.05																						2026-2030	
33	Đất thủy lợi trong khu dân cư Ngọc Điền Phát	DTL	Xã Thanh Lương	0.10		0.10																						2022	
III. 3	Đất công trình năng lượng			124.03		124.03																							
1	Đường dây 110 kV trạm 220 kV Bình Long 2 – Bình Long	DNL	Xã Thanh Lương, Thanh Phú	2.66		2.66																						2021	
2	Đường điện 220kv Bình Long - Tây Ninh	DNL	Xã Thanh Lương	0.10		0.10																						2021	
3	Nhà máy điện mặt trời Sunrise 1	DNL	Xã Thanh Lương	60.00		60.00																						2026-2030	
4	Nhà máy điện mặt trời Thanh Lương	DNL	Xã Thanh Lương	60.00		60.00																						2026-2030	
5	Nhánh rẽ và trạm 110kV Nhà máy điện rác Bình Long	DNL	Phường Hưng Chiến	1.27		1.27																						2026-2030	
III. 4	Đất công trình bưu chính viễn thông																												
1		DBV																											
2		DBV																											

TT	Tên công trình	Mã quy hoạch	vị trí (xã, phường, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng	LẤY VÀO LOẠI ĐẤT																			Năm thực hiện		
							LUC	LUK	HNK	CLN	CAN	SKK	SKN	TMD	SKC	DGT	DGD	DTT	DCH	DRA	ONT	ODT	TSC	NTD	SKX		SON	PNK
III.5	Đất xây dựng cơ sở giáo dục đào tạo			16.14		16.14																						
1	QH xây dựng trường tiểu học Thanh Bình (Kp Xa cam II)	DGD	Phường Hưng Chiên	1.55		1.55																						2026-2030
2	Trường THPT Bình Long	DGD	Phường Hưng Chiên	9.00		9.00																						2026-2030
3	Trường mầm non Tư thực Khai Tâm	DGD	Phường Phú Thịnh	0.22		0.22																						2026-2030
4	Đất phát triển giáo dục trong khu dân cư Khang Minh Quân	DGD	Xã Thanh Lương	0.27		0.27																						2022
5	Đất phát triển giáo dục trong khu dân cư Ngọc Điền Phát	DGD	Xã Thanh Lương	0.16		0.16																						2022
	Đất phát triển giáo dục khu A,B,C trong khu đô thị Nam An Lộc (tổng phường Hưng Chiên 64,43ha trong đó đất giao thông 16,74ha; đất ở 38,9 ha; đất công viên cây xanh 5,64 ha; đất cơ sở giáo dục 2,66 ha; đất thương mại dịch vụ 0,49 ha)	DGD	Phường Hưng Chiên	2.66		2.66																						2021-2030
	Đất phát triển giáo dục Khu dân cư Thanh Bình (tổng phường Hưng Chiên 27,07 ha trong đó đất giao thông 8,57 ha; đất ở 12,15 ha; đất công viên cây xanh 2,57 ha; đất cơ sở giáo dục 2,28 ha; đất trụ sở cơ quan 1,5 ha)	DGD	Phường Hưng Chiên	2.28		2.28																						2021-2030
III.6	Đất xây dựng công trình thể dục thể thao			2.28		2.28														0.20			0.18					
1	Khu phức hợp thể thao nội bộ nằm trong Vùng đệm nhà máy xi măng Bình Phước	DTT	Xã Thanh Lương	1.50		1.50																						2026-2030
2	Đất khu thể thao ấp Thanh Xuân	DTT	Xã Thanh Phú	0.18		0.18																						2026-2030
3	Đất thể dục thể thao xã Thanh	DTT	Xã Thanh	0.60		0.60																						2026-

TT	Tên công trình	Mã quy hoạch	vị trí (xã, phường, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng	LẤY VÀO LOẠI ĐẤT																	Năm thực hiện								
							LUC	LUK	HNK	CLN	CAN	SKK	SKN	TMD	SKC	DGT	DGD	DTT	DCH	DRA	ONT	ODT	TSC		NTD	SKX	SON	PNK	CSD			
	Lương		Lương																													2030
III.7	Đất cơ sở văn hoá			9.95		9.95			4.11																							
1	Công viên văn hóa - Bảo tồn văn hóa các dân tộc	DVH	Phường An Lộc	2.66		2.66																										2023
2	Bia tưởng niệm liệt sỹ (sát trụ sở Kp Bình An)	DVH	Phường An Lộc	0.01		0.01			0.01																							2026-2030
3	Xây dựng đài tưởng niệm liệt sỹ xã Thanh Phú	DVH	Xã Thanh Phú	0.40		0.40			0.40																							2022
4	Trung tâm Văn hóa xã Thanh Phú	DVH	Xã Thanh Phú	2.00		2.00			2.00																							2023
5	Công viên văn hóa -TDTT (KP.Phú Thuận)	DVH	Phường Phú Thịnh	0.69		0.69																										2026-2030
6	Trung tâm văn hóa phía tây xã Thanh Lương	DVH	Xã Thanh Lương	1.70		1.70			1.70																							2026-2030
7	Công viên văn hóa -TDTT	DVH	Phường Hưng Chiến	2.49		2.49																										2026-2030
III.8	Đất cơ sở Y tế			0.92		0.92			0.14																							
1	Trạm y tế phường Hưng Chiến (Phú Tân)	DYT	Phường Hưng Chiến	0.05		0.05			0.05																							2026-2030
2	Trạm y tế phường Phú Đức	DYT	Phường Phú Đức	0.09		0.09			0.09																							2022
3	Mở rộng bệnh viện	DYT	Phường Hưng Chiến	0.78		0.78																										2026-2030
III.9	Đất chợ			2.27		2.27			1.87																							
1	Chợ Thanh Lương	DCH	Xã Thanh Lương	0.79		0.79			0.79																							2026-2030
2	Chợ Bình Long	DCH	Phường An Lộc	1.48		1.48			1.08																							2026-2030
IV	Đất có di tích lịch sử - văn hóa			0.47		0.47																										

TT	Tên công trình	Mã quy hoạch	vị trí (xã, phường, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng	LẤY VÀO LOẠI ĐẤT																		Năm thực hiện							
							LUC	LUK	HNK	CLN	CAN	SKK	SKN	TMD	SKC	DGT	DGD	DTT	DCH	DRA	ONT	ODT	TSC	NTD		SKX	SON	PNK	CSD			
1	Mở rộng di tích mộ 3000 người	DDT	Phường An Lộc	0.47		0.47											0.47															2026-2030
V	Đất bãi thải, xử lý chất thải																														2022	
VI	Đất ở tại nông thôn			401.51		401.51																										
1	Quy hoạch khu dân cư ấp Thanh Thịnh	ONT	Xã Thanh Lương	18.00		18.00																									2026-2030	
2	Quy hoạch khu dân cư ấp Thanh Kiều	ONT	Xã Thanh Lương	16.00		16.00																									2026-2030	
3	Quy hoạch khu dân cư ấp Thanh Hòa	ONT	Xã Thanh Lương	15.00		15.00																									2026-2030	
4	Quy hoạch khu dân cư ấp Thanh Hải	ONT	Xã Thanh Lương	13.50		13.50																									2026-2030	
5	Quy hoạch khu dân cư ấp Thanh Hưng	ONT	Xã Thanh Lương	14.20		14.20																									2026-2030	
6	Quy hoạch khu dân cư ấp Thanh Tuấn	ONT	Xã Thanh Lương	12.00		12.00																									2026-2030	
7	Quy hoạch khu dân cư ấp Thanh Trung	ONT	Xã Thanh Lương	12.50		12.50																									2026-2030	
8	Quy hoạch khu dân cư ấp Thanh Tân	ONT	Xã Thanh Lương	11.00		11.00																									2026-2030	
9	Quy hoạch khu dân cư ấp Thanh Thiện	ONT	Xã Thanh Lương	15.00		15.00																									2026-2030	
10	Quy hoạch khu dân cư ấp Thanh An	ONT	Xã Thanh Lương	16.00		16.00																									2026-2030	
11	Quy hoạch khu dân cư ấp Phố Lò	ONT	Xã Thanh Lương	13.00		13.00																									2026-2030	
12	Quy hoạch khu dân cư ấp Cần Lê	ONT	Xã Thanh Lương	15.30		15.30																									2026-2030	
13	Quy hoạch khu dân cư hai bên đường (trừ đất dưới đường điện) đường TL T22 đoạn từ TL T23 đến đường TL T24	ONT	Xã Thanh Lương	7.84		7.84																									2026-2030	

TT	Tên công trình	Mã quy hoạch	Vị trí (xã, phường, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng	LẤY VÀO LOẠI ĐẤT																			Năm thực hiện				
							LUC	LUK	HNK	CLN	CAN	SKK	SKN	TMD	SKC	DGT	DGD	DTT	DCH	DRA	ONT	ODT	TSC	NTD	SKX		SON	PNK	CSD	
14	Quy hoạch khu dân cư hai bên đường vào 30m đường TL T38 đoạn từ TL T37 đến hết tuyến	ONT	Xã Thanh Lương	9.60		9.60																								2026-2030
15	Quy hoạch khu dân cư phía nam đường ĐT 757 (đoạn thuộc quy hoạch cum công nghiệp trước đây) đoạn từ Khu dân cư ấp Thanh Thịnh đến TL T2	ONT	Xã Thanh Lương	2.40		2.40																								2026-2030
16	Quy hoạch khu dân cư đường đất Thanh Thịnh đoạn từ ĐT 757 đến thửa số 12 TBĐ 30	ONT	Xã Thanh Lương	1.36		1.36																								2026-2030
17	Quy hoạch khu dân cư đường Thanh Thịnh TL T2 đoạn từ ĐT 757 đến hết thửa 267	ONT	Xã Thanh Lương	1.30		1.30																								2026-2030
18	QH dân cư ấp Thanh Thủy	ONT	Xã Thanh Phú	19.68		19.68																								2026-2030
19	QH dân cư ấp Sóc Bề	ONT	Xã Thanh Phú	18.27		18.27																								2026-2030
20	QH dân cư ấp Thanh Sơn	ONT	Xã Thanh Phú	20.89		20.89																								2026-2030
21	Quy hoạch khu dân cư ấp Phú Thành	ONT	Xã Thanh Phú	17.47		17.47																								2026-2030
22	Quy hoạch khu dân cư ấp Thanh Hà	ONT	Xã Thanh Phú	18.50		18.50																								2026-2030
23	Quy hoạch khu dân cư ấp Sóc Búng	ONT	Xã Thanh Phú	28.00		28.00																								2026-2030
24	Quy hoạch khu dân cư ấp Thanh Xuân	ONT	Xã Thanh Phú	21.50		21.50																								2026-2030
25	Quy hoạch khu dân cư ấp Vườn Rau	ONT	Xã Thanh Phú	19.80		19.80																								2026-2030
26	Quy hoạch khu dân cư ấp Phú Long	ONT	Xã Thanh Phú	22.40		22.40																								2026-2030
27	Quy hoạch khu dân cư giáp cụm công nghiệp Thanh Phú II	ONT	Xã Thanh Phú	6.00		6.00																								2026-2030
28	Quy hoạch khu dân cư ấp 17	ONT	Xã Thanh Phú	15.00		15.00																								2026-2030

TT	Tên công trình	Mã quy hoạch	vị trí (xã, phường, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng	LẤY VÀO LOẠI ĐẤT																			Năm thực hiện		
							LUC	LUK	HNK	CLN	CAN	SKK	SKN	TMD	SKC	DGT	DGD	DTT	DCH	DRA	ONT	ODT	TSC	NTD	SKX		SON	PNK
VII	Đất ở tại đô thị			226.60		226.60				226.60																		
1	Xin cấp đất cho các hộ dân tại tổ 4 Kp Hưng Phú ven trục đường HC T1 từ Trần Quang Khải đi vào Ngã ba nhà ông Tò	ODT	Phường Hưng Chiến	0.90		0.90				0.90																		2026-2030
2	Làng công nhân NT Xa Cam	ODT	Phường Hưng Chiến	10.00		10.00				10.00																		2026-2030
3	Quy hoạch khu dân cư ấp Sóc Du	ODT	Phường An Lộc	5.00		5.00				5.00																		2026-2030
4	Quy hoạch khu dân cư khu phố Phú Sơn	ODT	Phường An Lộc	5.00		5.00				5.00																		2026-2030
5	Quy hoạch khu dân cư khu phố Phú An	ODT	Phường An Lộc	8.70		8.70				8.70																		2026-2030
6	Quy hoạch khu dân cư khu phố Phú Bình	ODT	Phường An Lộc	6.00		6.00				6.00																		2026-2030
7	Quy hoạch khu dân cư khu phố Bình An	ODT	Phường An Lộc	7.00		7.00				7.00																		2026-2030
8	Quy hoạch khu dân cư khu phố Bình Tân	ODT	Phường An Lộc	6.00		6.00				6.00																		2026-2030
9	Quy hoạch khu dân cư khu phố An Bình	ODT	Phường An Lộc	7.00		7.00				7.00																		2026-2030
10	Quy hoạch khu dân cư Phú Thịnh	ODT	Phường Phú Thịnh	10.00		10.00				10.00																		2026-2030
11	Quy hoạch khu dân cư Bình Ninh	ODT	Phường Hưng Chiến	100.00		100.00				100.00																		2026-2030
12	Quy hoạch khu dân cư khu phố Phú Xuân	ODT	Phường Phú Thịnh	10.00		10.00				10.00																		2026-2030
13	Quy hoạch khu dân cư khu phố Phú Hòa	ODT	Phường Phú Thịnh	8.00		8.00				8.00																		2026-2030
13	Quy hoạch khu dân cư Phú Thuận	ODT	Phường Phú Thịnh	18.00		18.00				18.00																		2026-2030
14	Quy hoạch khu dân cư khu phố Phú Hòa 1	ODT	Phường Phú Đức	13.00		13.00				13.00																		2026-2030

TT	Tên công trình	Mã quy hoạch	vị trí (xã, phường, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng	LẤY VÀO LOẠI ĐẤT																		Năm thực hiện				
							LUC	LUK	HNK	CLN	CAN	SKK	SKN	TMD	SKC	DGT	DGD	DTT	DCH	DRA	ONT	ODT	TSC	NTD		SKX	SON	PNK	CSD
15	Quy hoạch khu dân cư khu phố Phú Hòa 2	ODT	Phường Phú Đức	12.00		12.00																							2026-2030
VII Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội cấp địa phương				14.63		14.63															1.14								
1	Đất trung tâm hành chính (Khu trung tâm hành chính thị xã Tổng diện tích 42,70 ha trong đó : TSC 4,73 ha; ODT 12,9 ha; DKV 4,87 ha; DGT 16,75 ha; PNK 3,47 ha)	TSC	Phường Hưng Chiến	4.73		4.73																							2022
2	Trụ sở & Khu dân cư CBCNV Công ty	TSC	Phường Hưng Chiến	5.40		5.40																							2023
3	Đất khu trung tâm hành chính của phường	TSC	Phường Hưng Chiến	3.00		3.00																1.14							2026-2030
4	Đất trụ sở cơ quan khu dân cư Thanh Bình (tổng phường Hưng Chiến 27,07 ha trong đó đất giao thông 8,57 ha; đất ở 12,15 ha; đất công viên cây xanh 2,57 ha; đất cơ sở giáo dục 2,28 ha; đất trụ sở cơ quan 1,5 ha)	TSC	Phường Hưng Chiến	1.50		1.50																							2021-2030
IX Đất cơ sở tôn giáo				0.09		0.09																							
1	Xây dựng chi hội tin lành Sóc Bè	TON	Xã Thanh Phú	0.09		0.09																							2026-2030
X Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng																													
1		NTD																											
2		NTD																											
XI Đất sinh hoạt cộng đồng				3.11		3.11																							
1	XD cơ sở văn hóa khu phố Bình An	DSH	Phường An Lộc	0.70		0.70																							2026-2030

TT	Tên công trình	Mã quy hoạch	Vị trí (xã, phường, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng	LẤY VÀO LOẠI ĐẤT																			Năm thực hiện	
							LUC	LUK	HNK	CLN	CAN	SKK	SKN	TMD	SKC	DGT	DGD	DTT	DCH	DRA	ONT	ODT	TSC	NTD	SKX		SON
2	Đất trụ sở ấp Sóc Du	DSH	Phường An Lộc	0.07		0.07				0.07																	2026-2030
3	Đất trụ sở khu phố An Bình	DSH	Phường An Lộc	0.32		0.32				0.32																	2026-2030
4	Đất trụ sở khu phố Phú Sơn (thuộc tờ bản đồ số 07)	DSH	Phường An Lộc	0.02		0.02				0.02																	2026-2030
5	Đất trụ sở khu phố Phú Cường (thuộc tờ bản đồ số 05)	DSH	Phường An Lộc	0.02		0.02				0.02																	2026-2030
6	Đất trụ sở khu phố Phú An (thuộc tờ bản đồ số 23)	DSH	Phường An Lộc	0.04		0.04				0.04																	2026-2030
7	Đất trụ sở khu phố Bình Tân (thuộc tờ bản đồ số 23)	DSH	Phường An Lộc	0.22		0.22				0.22																	2026-2030
8	Đất trụ sở khu phố Phú Bình	DSH	Phường An Lộc	0.32		0.32				0.32																	2026-2030
9	Đất trụ sở khu phố Phú Trung	DSH	Phường An Lộc	0.08		0.08				0.08																	2026-2030
10	Đất trụ sở khu phố Phú Tân	DSH	Phường An Lộc	0.05		0.05				0.05																	2023
11	Trụ sở khu phố Phú Lộc (Cũ)	DSH	Phường Phú Đức	0.02		0.02															0.02						2026-2030
12	Trụ sở khu phố Phú Hòa II	DSH	Phường Phú Đức	0.06		0.06																0.06					2026-2030
13	Trụ sở khu phố Phú Nghĩa	DSH	Phường Phú Đức	0.02		0.02																0.02					2026-2030
14	Trụ sở khu phố Phú Trọng	DSH	Phường Phú Đức	0.10		0.10				0.10																	2026-2030
15	Trụ sở khu phố Phú Lộc	DSH	Phường Phú Đức	0.63		0.63				0.63																	2026-2030
16	Nhà rộng sóc Phú Bản	DSH	Phường Phú Đức	0.12		0.12				0.12																	2023
17	Xây dựng trụ sở nhà văn hóa khu phố Đông Phát	DSH	Phường Hưng Chiên	0.02		0.02										0.02											2022
18	Nhà văn hóa KP Phú Tân	DSH	Phường Hưng Chiên	0.10		0.10				0.10																	2026-2030

TT	Tên công trình	Mã quy hoạch	vị trí (xã, phường, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng	LẤY VÀO LOẠI ĐẤT																			Năm thực hiện				
							LUC	LUK	HNK	CLN	CAN	SKK	SKN	TMD	SKC	DGT	DGD	DTT	DCH	DRA	ONT	ODT	TSC	NTD	SKX		SON	PNK	CSD	
19	Quy hoạch nhà văn hóa KP Bình Tây	DSH	Phường Hưng Chiên	0.10		0.10																								2023
20	Nhà văn hóa KP Xa Cam 2	DSH	Phường Hưng Chiên	0.10		0.10				0.10																				2026-2030
XII	Đất vui chơi, giải trí công cộng			44.17		44.17				8.60																				
1	Đất công cộng (Khu hành chính thị xã Tổng diện tích 42,70 ha trong đó : TSC 4,73 ha; ODT 12,9 ha; DKV 4,87 ha; DGT 16,75 ha; PNK 3,47 ha)	DKV	Phường Hưng Chiên	0.37		0.37				0.37																				2022
2	Đất công cộng - TDTT (Khu hành chính thị xã Tổng diện tích 42,70 ha trong đó : TSC 4,73 ha; ODT 12,9 ha; DKV 4,87 ha; DGT 16,75 ha)	DKV	Phường Hưng Chiên	4.50		4.50				4.50																				2022
3	Đất công viên cây xanh tô 2 áp Bình Ninh 1	DKV	Phường Hưng Chiên	0.80		0.80																					0.80			2023
4	Đất công viên cây xanh tổ 4 áp Bình Ninh 1	DKV	Phường Hưng Chiên	0.80		0.80																					0.80			2023
5	Đất công viên cây xanh áp Sở Nhì	DKV	Phường Hưng Chiên	2.10		2.10																					2.10			2023
6	Đất công viên cây xanh KP Đông Phát	DKV	Phường Hưng Chiên	0.60		0.60																					0.60			2023
7	Đất công cộng (Khu hồ xây mới)	DKV	Phường Hưng Chiên	13.80		13.80				8.60																				2026-2030
8	Đất công viên cây xanh (KDC Hưng Mai Tổng diện tích 15.05 ha trong đó: ODT 7 ha; TMD 0,23 ha; DKV 0,44 ha; DGT 7,38 ha)	DKV	Phường Hưng Chiên	0.44		0.44				0.44																				2026-2030

TT	Tên công trình	Mã quy hoạch	Vị trí (xã, phường, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng	LẤY VÀO LOẠI ĐẤT																		Năm thực hiện								
							LUC	LUK	HNK	CLN	CAN	SKK	SKN	TMD	SKC	DGT	DGD	DTT	DCH	DRA	ONT	ODT	TSC	NTD		SKX	SON	PNK	CSD				
9	Đất công viên cây xanh phường Hưng Chiên	DKV	Phường Hưng Chiên	0.99		0.99																						0.99					2026-2030
10	Đất công viên cây xanh phường Phú Đức	DKV	Phường Phú Đức	1.53		1.53																						1.53					2026-2030
11	Đất công viên cây xanh phường Phú Thịnh	DKV	Phường Phú Thịnh	0.05		0.05																						0.05					2026-2030
12	Đất công viên cây xanh xã Thanh Phú	DKV	Xã Thanh Phú	3.36		3.36																						2.37	0.99				2026-2030
13	Đất công viên cây xanh xã Thanh Lương	DKV	Xã Thanh Lương	3.39		3.39																						3.39					2026-2030
14	Đất công viên cây xanh phường An Lộc	DKV	Phường An Lộc	1.89		1.89				1.00																			0.89				2026-2030
15	Đất công viên cây xanh trong khu dân cư Khang Minh Quân	DKV	Xã Thanh Lương	0.46		0.46				0.46																							2022
16	Đất công viên cây xanh trong khu dân cư Ngọc Điền Phát	DKV	Xã Thanh Lương	0.21		0.21				0.21																							2022
17	Đất công viên cây xanh khu A,B,C trong khu đô thị Nam An Lộc (tổng phường Hưng Chiên 64,43ha trong đó đất giao thông 16,74ha; đất ở 38,9 ha; đất công viên cây xanh 5,64 ha; đất cơ sở giáo dục 2,66 ha; đất thương mại dịch vụ 0,49 ha)	DKV	Phường Hưng Chiên	5.64		5.64				5.64																							2021-2030
18	Đất công viên cây xanh khu dân cư Thanh Bình (tổng phường Hưng Chiên 27,07 ha trong đó đất giao thông 8,57 ha; đất ở 12,15 ha; đất công viên cây xanh 2,57 ha; đất cơ sở giáo dục 2,28 ha; đất trụ sở cơ quan 1,5 ha)	DKV	Phường Hưng Chiên	2.57		2.57				2.57																							2021-2030
19	Đất công viên cây xanh khu 15,5 ha thị xã Bình Long (trong đó đất	DKV	Phường Hưng	0.67		0.67				0.67																							2021-2030

TT	Tên công trình	Mã quy hoạch	vị trí (xã, phường, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng	LẤY VÀO LOẠI ĐẤT																		Năm thực hiện		
							LUC	LUK	HNK	CLN	CAN	SKK	SKN	TMD	SKC	DGT	DGD	DTT	DCH	DRA	ONT	ODT	TSC	NTD		SKX	SON
	giao thông 5,96 ha; đất ở 7,31 ha; đất công viên cây xanh 0,67 ha; đất thương mại dịch vụ 1,56 ha)		Chiến, Phường An Lộc																								
16	Đất công viên cây xanh trong khu dân cư Ngọc Điền Phát	DKV	Xã Thanh Lương	0.21		0.21																					2022
XII	Đất cơ sở tín ngưỡng																										
1		TIN																									
2		TIN																									
XI	Đất danh lam thắng cảnh			16.00		16.00																					
1	Khu danh lam thắng cảnh	DDL	Phường Hưng Chiến	16.00		16.00																					2022
C	Khu vực cần chuyển mục đích mục đích để thực hiện nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất			737.87		737.87																					
I	Đất y tế																										
1		DYT																									
2		DYT																									
II	Đất ở nông thôn			166.27		166.27																					
1	Khu chợ Thanh Phú	ONT	Xã Thanh Phú	0.98		0.98																					2021
2	Khu dân cư Điền Ngọc Phát	ONT	Xã Thanh Lương	3.00		3.00																					2022
3	Khu dân cư Khang Minh Quân	ONT	Xã Thanh Lương	2.72		2.72																					2021
4	KDC Khang Minh Quân mở rộng	ONT	Xã Thanh Lương	1.36		1.36																					2021
5	Khu dân cư Đại Tân (Công ty Long Hải Nhật Trường)	ONT	Xã Thanh Lương	25.13		25.13																					2022

TT	Tên công trình	Mã quy hoạch	vị trí (xã, phường, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng	LẤY VÀO LOẠI ĐẤT																			Năm thực hiện										
							LUC	LUK	HNK	CLN	CAN	SKK	SKN	TMD	SKC	DGT	DGD	DTT	DCH	DRA	ONT	ODT	TSC	NTD	SKX		SON	PNK	CSD							
6	Thửa số 03 tờ bản đồ số 12 (ấp Vườn Rau)	ONT	Xã Thanh Phú	0.08		0.08																														2021
7	Chuyển mục đích trong khu dân cư	ONT	Xã Thanh Lương	60.00		60.00																													2021-2030	
8	Chuyển mục đích trong khu dân cư	ONT	Xã Thanh Phú	60.00		60.00																													2021-2030	
9	Khu đất còn lại thuộc Ban quản lý khu kinh tế	ONT	Xã Thanh Phú	13.00		13.00																													2023	
III Đất ở đô thị				325.12		325.12			313.08				2.81			0.05	1.93								7.07							0.18				
1	Khu đất thuộc thửa 119, tờ bản đồ 51 tại Xã Cam II	ODT	Phường Hưng Chiến	0.16		0.16																													2021	
2	KDC đường vành đai hồ sa cát	ODT	Phường Hưng Chiến	0.50		0.50																													2021	
3	Dự án khu trung tâm hành chính thị xã (Tổng diện tích 42,70 ha trong đó : TSC 4,73 ha; ODT 12,9 ha; DKV 4,87 ha; DGT 16,75 ha; PNK 3,47 ha)	ODT	Phường Hưng Chiến	12.90		12.90																													2021	
4	Khu dân cư khu phố Hưng Phú	ODT	Phường Hưng Chiến	11.00		11.00																													2023	
5	Khu dân cư phía Tây thị xã Bình Long	ODT	Phường Hưng Chiến, An Lộc	8.23		8.23																													2022	
6	Làng công nhân NT Bình Minh	ODT	Phường Hưng Chiến	10.00		10.00																													2023	
7	Khu dân cư Hưng Chiến	ODT	Phường Hưng Chiến	8.06		8.06																													2023	
8	Khu dân cư giám cụm công nghiệp Thanh Phú 2	ODT	Phường Hưng Chiến	6.00		6.00																													2021	

TT	Tên công trình	Mã quy hoạch	vị trí (xã, phường, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng	LẤY VÀO LOẠI ĐẤT																	Năm thực hiện												
							LUC	LUK	HNK	CLN	CAN	SKK	SKN	TMD	SKC	DGT	DGD	DTT	DCH	DRA	ONT	ODT	TSC		NTD	SKX	SON	PNK	CSD							
9	Khu dân cư Hưng Mai (Tổng diện tích 15.05 ha trong đó: ODT 7 ha; TMD 0,23 ha; DKV 0,44 ha; DGT 7,38 ha)	ODT	Phường Hưng Chiến	7.00		7.00																						7.00								2022
10	Đầu giá Nhà máy nước	ODT	Phường Hưng Chiến	0.51		0.51							0.51																						2021	
11	Đầu giá trường tiểu học Thanh Bình	ODT	Phường Hưng Chiến	0.05		0.05																													2021	
12	Đầu giá trạm y tế cũ	ODT	Phường Hưng Chiến	0.09		0.09																										0.09		2021		
13	01 lô đường Phạm Ngọc Thạch, KP Phú Trung, P. Hưng Chiến (Thửa 7, tờ 47)	ODT	Phường Hưng Chiến	0.09		0.09																											0.09		2021	
14	Chuyển mục đích đất ở khu TT thương mại	ODT	Phường Hưng Chiến	2.30		2.30							2.30																						2022	
15	Khu dân cư đường ĐT 752 phường An Lộc, phường Hưng Chiến	ODT	Phường Hưng Chiến, An Lộc	15.80		15.80																													2023	
16	Đầu giá 02 lô đất đường Lý Thường Kiệt	ODT	Phường Phú Đức	0.02		0.02																													2021	
17	Đầu giá đất ở trụ sở khu phố Phú Hoà 1	ODT	Phường Phú Đức	0.03		0.03																											0.03		2021	
18	Thửa 168 tờ bản đồ số 63 (ao ông Giáo)	ODT	Phường Phú Đức	0.03		0.03																												0.03		2021
19	Thửa 93 tờ bản đồ số 16 tại KP Phú Hưng, P. Phú Thịnh	ODT	Phường Phú Thịnh	0.02		0.02																											0.02		2021	
20	Khu dân cư lò gạch	ODT	Phường Phú Thịnh	2.94		2.94																													2023	
21	Khu dân cư dọc hai bên đường Trần Hưng Đạo (phía Đông TX)	ODT	Phường Phú Thịnh, Phú Đức	3.50		3.50																													2022	

TT	Tên công trình	Mã quy hoạch	vị trí (xã, phường, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng	LẤY VÀO LOẠI ĐẤT																				Năm thực hiện			
							LUC	LUK	HNK	CLN	CAN	SKK	SKN	TMD	SKC	DGT	DGD	DTT	DCH	DRA	ONT	ODT	TSC	NTD	SKX	SON		PNK	CSD	
22	Sắp xếp, bố trí các khu dân cư trên đất cao su đã giao địa phương.	ODT	Phường Phú Thịnh, Phú Đức	4.67		4.67				4.67																				2022
23	Đầu giá Sân banh Lòng Chảo	ODT	Phường Phú Đức	3.10		3.10				1.17							1.93												2023	
24	Chuyển mục đích trong khu dân cư	ODT	Phường An Lộc	50.00		50.00				50.00																			2021-2030	
25	Chuyển mục đích trong khu dân cư	ODT	Phường Hưng Chiến	60.00		60.00				60.00																			2021-2030	
26	Chuyển mục đích trong khu dân cư	ODT	Phường Phú Đức	29.69		29.69				29.69																			2021-2030	
27	Chuyển mục đích trong khu dân cư	ODT	Phường Phú Thịnh	22.00		22.00				22.00																			2021-2030	
28	Đất tập đoàn cao su giao về địa phương phát triển KTXH địa phương	ODT	Phường Hưng Chiến	8.07		8.07				8.07																			2022	
29	Đất ở đô thị khu A,B,C trong khu đô thị Nam An Lộc (tổng phường Hưng Chiến 64,43ha trong đó đất giao thông 16,74ha; đất ở 38,9 ha; đất công viên cây xanh 5,64 ha; đất cơ sở giáo dục 2,66 ha; đất thương mại dịch vụ 0,49 ha)	ODT	Phường Hưng Chiến	38.90		38.90				38.90																			2021-2030	
30	Khu dân cư Thanh Bình (tổng phường Hưng Chiến 27,07 ha trong đó đất giao thông 8,57 ha; đất ở 12,15 ha; đất công viên cây xanh 2,57 ha; đất cơ sở giáo dục 2,28 ha; đất trụ sở cơ quan 1,5 ha)	ODT	Phường Hưng Chiến	12.15		12.15				12.15																			2021-2030	
31	Đất ở khu 15,5 ha thị xã Bình Long (trong đó đất giao thông 5,96 ha; đất ở 7,31 ha; đất công viên cây xanh 0,67 ha; đất thương mại dịch vụ 1,56 ha)	ODT	Phường Hưng Chiến	7.31		7.31				7.31																			2021-2030	

TT	Tên công trình	Mã quy hoạch	vị trí (xã, phường, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng	LẤY VÀO LOẠI ĐẤT																			Năm thực hiện				
							LUC	LUK	HNK	CLN	CAN	SKK	SKN	TMD	SKC	DGT	DGD	DTT	DCH	DRA	ONT	ODT	TSC	NTD	SKX		SON	PNK	CSD	
IV	Đất thương mại, dịch vụ			39.34		39.34					19.29								0.30			0.20		8.39					7.13	
1	Cửa hàng xăng dầu Quỳnh Trung	TMD	Xã Thanh Phú	0.09		0.09					0.09																			2021
2	Cửa hàng xăng dầu Thanh Phú	TMD	Xã Thanh Phú	0.09		0.09					0.09																			2021
3	Khu TMDV xã Thanh Phú	TMD	Xã Thanh Phú	6.50		6.50																	6.50							2026-2030
4	Công ty Cổ phần đầu tư TC Bình Phước	TMD	Xã Thanh Lương	0.96		0.96					0.96																			2021
5	Khu TMDV đôi Đồng Long, phố Phú Sơn	TMD	Phường An Lộc	0.30		0.30					0.30																			2026-2030
6	Khu TMDV bến xe cũ	TMD	Phường An Lộc	3.00		3.00					2.70								0.30											2026-2030
7	Khu TMDV (mỏ đá Phú Lạc)	TMD	Phường Phú Thịnh	7.13		7.13																						7.13	2022	
8	Khu TMDV thuộc KDC Hưng Mai (Tổng diện tích 15.05 ha trong đó: ODT 7 ha; TMD 0,23 ha; DKV 0,44 ha; DGT 7,38 ha)	TMD	Phường Hưng Chiến	0.23		0.23					0.03											0.20								2026-2030
9	Chuyển khu công nghiệp cũ thành đất thương mại dịch vụ	TMD	Phường Phú Đức	4.03		4.03					4.03																			2021-2030
10	Đất thương mại dịch vụ phường An Lộc	TMD	Phường An Lộc	4.00		4.00					4.00																			2026-2030
11	Đất thương mại dịch vụ phường Phú Đức	TMD	Phường Phú Đức	3.31		3.31					3.31																			2026-2030
12	Đất thương mại dịch vụ xã Thanh Lương	TMD	Xã Thanh Lương	3.97		3.97					2.08											1.89								2026-2030
13	Đất thương mại dịch vụ phường Hưng Chiến	TMD	Phường Hưng Chiến	3.25		3.25					3.25																			2026-2030
14	Đất thương mại dịch vụ khu dân cư Khang Minh Quân	TMD	Xã Thanh Lương	0.08		0.08					0.08																			2022
15	Đất thương mại dịch vụ khu dân cư Ngọc Điền Phát	TMD	Xã Thanh Lương	0.35		0.35					0.35																			2022
16	Đất thương mại dịch vụ khu	TMD	Phường	0.49		0.49					0.49																			2021-

TT	Tên công trình	Mã quy hoạch	vị trí (xã, phường, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng	LẤY VÀO LOẠI ĐẤT																		Năm thực hiện			
							LUC	LUK	HNK	CLN	CAN	SKK	SKN	TMD	SKC	DGT	DGD	DTT	DCH	DRA	ONT	ODT	TSC	NTD		SKX	SON	PNK
	A,B,C trong khu đô thị Nam An Lộc (tổng phường Hưng Chiến 64,43ha trong đó đất giao thông 16,74ha; đất ở 38,9 ha; đất công viên cây xanh 5,64 ha; đất cơ sở giáo dục 2,66 ha; đất thương mại dịch vụ 0,49 ha)		Hưng Chiến																									2030
17	Đất thương mại dịch vụ khu 15,5 ha thị xã Bình Long (trong đó đất giao thông 5,96 ha; đất ở 7,31 ha; đất công viên cây xanh 0,67 ha; đất thương mại dịch vụ 1,56 ha)	TMD	Phường Hưng Chiến, Phường An Lộc	1.56		1.56																						2021-2030
V	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp			97.60		97.60																						
1	Lò mổ gia súc gia cầm phường An Lộc	SKC	Phường An Lộc	2.00		2.00																						2022
2	Qh đất sản xuất phi nông nghiệp xã Thanh Lương	SKC	Xã Thanh Lương	5.00		5.00																						2026-2030
	Tuyển băng tải từ mỏ Thanh Lương đến nhà máy xi măng Bình Phước	SKX	Xã Thanh Lương	13.00		13.00																						
	Chuyển Cụm công nghiệp Bình Phước thành nhà máy xi măng Bình Phước	SKX	Xã Thanh Lương	77.60		77.60																						
III	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, gồm sỏi																											
IV	Đất khai thác khoáng sản			33.00		33.00																						
1	Mỏ khai thác khoáng sản	SKS	Xã Thanh Lương	33.00		33.00																						2026-2030
V	Đất mặt nước chuyên dùng			14.73		14.73																						
1	Chuyển đất SKX (kp Phú Sơn) thành đất MNC	MNC	Phường An Lộc	2.73		2.73																						2026-2030
2	Hồ công viên mới	MNC	Phường Hưng Chiến	12.00		12.00																						2026-2030

TT	Tên công trình	Mã quy hoạch	vị trí (xã, phường, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng	LẤY VÀO LOẠI ĐẤT																		Năm thực hiện				
							LUC	LUK	HNK	CLN	CAN	SKK	SKN	TMD	SKC	DGT	DGD	DTT	DCH	DRA	ONT	ODT	TSC	NTD		SKX	SON	PNK	CSD
VI	Đất phi nông nghiệp khác			3.58		3.58				3.58																			
1	Đất phát triển hỗn hợp (Khu hành chính thị xã Tổng diện tích 42,70 ha trong đó : TSC 4,73 ha; ODT 12,9 ha; DKV 4,87 ha; DGT 16,75 ha; PNK 3,47 ha)	PNK	Phường Hưng Chiến	3.47		3.47				3.47																			2022
2	Đất hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Khang Minh Quân	PNK	Phường Hưng Chiến	0.11		0.11				0.11																			2022
D	QUY HOẠCH NÔNG NGHIỆP			607.87		607.87	0.79	192.09		414.59		0.20						0.20											
I	Đất nông nghiệp khác			324.59		324.59				324.59																			
1	Dự án Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Thanh Phú	NKH	Xã Thanh Phú	200.00		200.00				200.00																		2023	
2	Trại chăn nuôi heo Gia Hân	NKH	Xã Thanh Lương	14.99		14.99				14.99																		2026-2030	
3	Trại gà Công ty TNHH Chăn nuôi Minh Phương	NKH	Xã Thanh Lương	20.80		20.80				20.80																		2023	
4	Dự án Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Thịnh	NKH	Phường Phú Thịnh	20.00		20.00				20.00																		2026-2030	
5	Dự án Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Thanh Lương	NKH	Xã Thanh Lương	25.00		25.00				25.00																		2026-2030	
6	Dự án Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Bình Long	NKH	Phường Hưng Chiến	43.80		43.80				43.80																			
II	Quy hoạch đất trồng lúa	LUC																											
III	Quy hoạch đất trồng cây hàng năm khác																												
1		HNK																											
2		HNK																											
IV	Quy hoạch đất trồng cây lâu năm			283.28		283.28	0.79	192.09		90.00		0.20						0.20											

TT	Tên công trình	Mã quy hoạch	vị trí (xã, phường, thị trấn)	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Diện tích tăng	LẤY VÀO LOẠI ĐẤT																			Năm thực hiện	
							LUC	LUK	HNK	CLN	CAN	SKK	SKN	TMD	SKC	DGT	DGD	DTT	DCH	DRA	ONT	ODT	TSC	NTD	SKX		SON
1	QH Chuyển đổi cây trồng từ LUK sang CLN (Xung quanh hồ)	CLN	Phường Hưng Chiên	8.90		8.90		8.90																			2026-2030
2	Vùng đệm Nhà máy XM Bình Phước	CLN	Xã Thanh Lương	90.00		90.00			90.00																		2026-2030
3	QH chuyển đổi cây trồng từ LUK sang CLN	CLN	Xã Thanh Lương	75.15		75.15		75.15																			2026-2030
4	Chuyển khu công nghiệp cũ thành đất cây lâu năm	CLN	Xã Thanh Lương	0.20		0.20				0.20																	2021-2030
5	QH chuyển đổi cây trồng từ LUK sang CLN	CLN	Phường Phú Đức	21.69		21.69		21.69																			2026-2030
6	QH chuyển đổi cây trồng từ LUK sang CLN	CLN	Phường Hưng Chiên	18.73		18.73		18.73																			2026-2030
7	QH chuyển đổi cây trồng từ LUK sang CLN	CLN	Phường An Lộc	12.26		12.26	0.79	11.47																			2026-2030
8	QH chuyển đổi cây trồng từ LUK sang CLN	CLN	Xã Thanh Phú	52.77		52.77		52.77																			2026-2030
9	QH chuyển đổi cây trồng từ LUK sang CLN	CLN	Phường Phú Thịnh	3.38		3.38		3.38																			
10	Chuyển đổi đất bãi thải, xử lý chất thải tại xã Thanh Lương sang CLN	CLN	Xã Thanh Lương	0.20		0.20												0.20									
V	Quy hoạch đất nuôi trồng thủy sản																										
1		NTS																									
2		NTS																									
VI	Quy hoạch đất làm muối	LMU																									

3. Diện tích đất chuyển mục đích trong kỳ quy hoạch

3.1. Đất nông nghiệp chuyển sang các mục đích phi nông nghiệp

Để thực hiện phương án quy hoạch sử dụng đất trên cần chuyển 2.107,11 ha đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp, cụ thể:

- Chuyển sang đất quốc phòng: 23,54 ha.
- Chuyển sang mục đích an ninh: 0,82 ha.
- Chuyển sang đất cụm công nghiệp: 210,00 ha.
- Chuyển sang đất thương mại, dịch vụ: 19,29 ha.
- Chuyển sang đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp: 20,00 ha.
- Chuyển sang đất cho hoạt động khoáng sản: 33,00 ha.
- Chuyển sang đất phát triển hạ tầng: 615,76 ha, trong đó (giao thông 377,12 ha; thủy lợi 90,39 ha; đất cơ sở văn hóa 4,11 ha; đất cơ sở y tế 0,14 ha; đất cơ sở giáo dục đào tạo 16,14 ha; đất cơ sở thể dục thể thao 1,90 ha; đất công trình năng lượng 124,03 ha; đất tôn giáo 0,07 ha; đất chợ 1,87 ha; đất danh lam thắng cảnh 16,00 ha; đất sinh hoạt cộng đồng 2,19 ha và đất khu vui chơi, giải trí công cộng 29,66 ha).
- Chuyển sang đất ở tại nông thôn: 566,80 ha.
- Chuyển sang đất ở tại đô thị: 539,68 ha.
- Chuyển sang đất trụ sở cơ quan, công trình sự nghiệp: 13,49 ha.
- Chuyển sang đất mặt nước chuyên dùng: 13,30 ha.
- Chuyển sang đất phi nông nghiệp khác: 3,58 ha.

3.2. Các loại đất nông nghiệp chuyển sang mục đích phi nông nghiệp

- Đất trồng lúa chuyển sang đất phi nông nghiệp: 18,60 ha;
- Đất trồng cây hàng năm khác chuyển sang đất phi nông nghiệp: 1,60 ha;
- Đất trồng cây lâu năm chuyển sang đất phi nông nghiệp: 2.086,91 ha;

3.3. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp

Trong kỳ quy hoạch 2021 - 2030 trong nội bộ đất nông nghiệp có sự chuyển đổi từ đất trồng lúa chuyển sang đất trồng cây lâu năm 192,09 ha.

3.4. Các loại đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở

Các loại đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở là 5,95 ha (trên địa bàn phường Hưng Chiến và xã Thanh Phú), bao gồm:

- Đất thương mại, dịch vụ: 2,81 ha;
- Đất cơ sở giáo dục và đào tạo: 0,05 ha;
- Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao; 1,93 ha;

- Đất chợ: 0,98 ha;
- Đất phi nông nghiệp khác: 0,18 ha.

4. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch

Trong thời kỳ quy hoạch đất chưa sử dụng được đưa vào sử dụng cho 7,13 ha cho mục đích đất ở tại đô thị.

5. Chỉ tiêu sử dụng đất theo khu chức năng

5.1. Đất đô thị

Là tổng diện tích các loại đất theo đơn vị hành chính của 04 phường (An Lộc, Hưng Chiến, Phú Đức, Phú Thịnh) trên địa bàn thị xã được khoanh định đến năm 2030 là 4.160,78 ha.

5.2. Khu vực sản xuất nông nghiệp

- Đối với khu vực chuyên trồng lúa nước: Do điều kiện về địa hình, khí hậu, đất đai không thích hợp cho việc sản xuất lúa, do đó, đến năm 2030, diện tích 0,79 ha đất chuyên trồng lúa nước được quy hoạch chuyển sang đất trồng cây lâu năm.

- Đối với khu vực chuyên trồng cây công nghiệp lâu năm: Đây là diện tích sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế cao, vì vậy, đến năm 2030, diện tích cây công nghiệp lâu năm khoanh định khoảng 8.430,21 ha.

5.3. Khu phát triển công nghiệp (khu công nghiệp, cụm công nghiệp)

Diện tích khu phát triển công nghiệp đến năm 2030 là 210,00 ha, trong đó đất phát triển cụm công nghiệp đến năm 2030 là 210 ha gồm các cụm công nghiệp (Cụm công nghiệp Hưng Chiến: 75 ha; Cụm công nghiệp Thanh Phú: 60 ha; Cụm công nghiệp Thanh Phú 2: 75 ha).

5.5. Khu đô thị

Diện tích các khu đô thị trên địa bàn thị xã Bình Long là diện tích nội thị tại các phường và diện tích các đô thị mới tại xã Thanh Lương, Thanh Phú; dự kiến diện tích được khoanh định khoảng 400,0 ha, trong đó bao gồm đất ở, đất thương mại, dịch vụ, đất trụ sở cơ quan, các khu vui chơi giải trí công cộng và hạ tầng đô thị,...

5.6. Khu vực đô thị - thương mại - dịch vụ

Diện tích khu vực đô thị - thương mại - dịch vụ khoảng 450 ha, là hầu hết diện tích đất hạ tầng văn hóa, phúc lợi công cộng trong các phường, lớn nhất là đất hạ tầng 50 ha (đất giao thông, đất công viên cây xanh, văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục,...) và đất ở tại đô thị 350 ha, đất thương mại dịch vụ 50 ha, ...

5.7. Khu thương mại - dịch vụ

Đây là các khu thương mại dịch vụ trong đô thị, nông thôn và tại các khu công viên, thể thao thương mại; dự kiến được khoanh định diện tích khoảng 50 ha, tập trung nhiều ở khu vực trung tâm hành chính thị xã, trung tâm hành chính các phường, xã.

5.8. Khu dân cư nông thôn

Diện tích đất khu dân cư nông thôn đến năm 2030 trên địa bàn được khoanh định khoảng 560 ha, bao gồm các loại đất: Đất nông nghiệp 20 ha và đất phi nông nghiệp 540 ha (Đất ở tại nông thôn, đất hạ tầng, đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp...).

5.9. Khu ở, làng nghề, sản xuất phi nông nghiệp nông thôn

Diện tích được khoanh định bao gồm các khu ở và diện hạ tầng công cộng phục vụ các mục đích dân sinh và phát triển kinh tế của người dân, với tổng diện tích khoảng 10 ha.

III. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA PHƯƠNG ÁN QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG

1. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

Thị xã Bình Long có vị trí địa lý, vị trí kinh tế, chính trị, quốc phòng quan trọng của tỉnh Bình Phước; Là cửa ngõ giao lưu giữa vùng đồng bằng Tây nguyên, giữa vùng kinh tế trọng điểm phía Nam với nước bạn Campuchia. Về điều kiện tự nhiên có khí hậu nhiệt đới gió mùa cận xích đạo, có nền nhiệt cao đều quanh năm, không có mùa đông lạnh, thuận lợi cho phát triển kinh tế. Đây là tiền đề, là tiềm năng để phát triển các loại hình thương mại, dịch vụ, thu hút đầu tư trung tâm thương mại tập trung kết hợp với dịch vụ nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi, dịch vụ ngân hàng. Về du lịch phát triển theo hướng du lịch tâm linh khai thác những giá trị hiện có của các di tích kết hợp với văn hóa truyền thống trở thành động lực thu hút khách, thúc đẩy hoạt động dịch vụ khác.

- Dựa trên những lợi thế sẵn có của huyện để xây dựng thị xã Bình Long trở thành trung tâm thương mại của tỉnh. Đẩy nhanh tốc độ đầu tư, phát triển mạng lưới thương mại dịch vụ sản xuất với 3 chức năng cơ bản: (1) phát triển các hệ thống du lịch, dịch vụ thương mại, (2) cung cấp vật tư nông nghiệp và hàng tiêu dùng, (3) tiêu thụ sản phẩm hàng công nghiệp. Các trung

tâm thương mại, siêu thị và chợ được hình thành nhiều hơn, đặc biệt là ở khu vực trung tâm thị xã đảm bảo cho nhu cầu giao lưu, trao đổi hàng hóa của người dân ngày càng cao.

- Phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng công nghiệp hóa, tăng cường áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật. Đẩy nhanh chuyển dịch các mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hình thành các mô hình trang trại doanh nghiệp hàng hóa. Tổ chức sản xuất hàng hóa nông sản với chất lượng cao và bền vững.

- Phương án quy hoạch sử dụng đất dự kiến mang lại nguồn thu từ việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất khoảng 15.553,18 tỷ đồng. Chi phí cho việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khoảng 1.385,73 tỷ đồng. Sau khi cân đối thu chi thì bình quân mỗi năm sẽ thu được khoảng 1.555,32 tỷ đồng qua việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất, góp phần vào tổng thu ngân sách, thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Tuy nhiên một số dự án công trình phải lấy vào đất ở nhiều sẽ gặp phức tạp trong quá trình bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, ảnh hưởng đến tiến độ của dự án.

2. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng bảo đảm an ninh lương thực quốc gia

Ngoài mục tiêu đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế của huyện, tăng nhanh cơ cấu ngành thương mại dịch vụ, giảm mạnh ngành nông nghiệp. Phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thị xã còn đảm bảo giữ vững ổn định chính trị - xã hội, đảm bảo an toàn lương thực, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

Phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 quy hoạch ổn định diện tích đất trồng cây công nghiệp lâu năm khoảng 7.000 - 8.000 ha, góp phần cung cấp, thúc đẩy thị trường xuất khẩu cao su, cà phê, hồ tiêu, điều.

Nhanh chóng đưa thị xã Bình Long thành trung tâm thương mại kinh tế của tỉnh. Góp phần xây dựng nền kinh tế quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân, kết hợp chặt chẽ giữa nhiệm vụ quốc phòng an ninh với phát triển kinh tế xã hội, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Tạo chuyên biến cơ bản về chất lượng trên các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục đào tạo, nâng cao dân trí; không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân.

3. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đối với việc giải quyết quỹ đất ở, mức độ ảnh hưởng đến đời sống các hộ dân phải di dời chỗ ở, số lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất

Phương án quy hoạch sử dụng đất sẽ tiếp nhận khá nhiều hộ dân từ nơi khác đến dẫn đến đòi hỏi phải đầu tư lớn vào phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng, văn hóa phúc lợi, dịch vụ công cộng khá lớn dẫn đến quỹ đất nông nghiệp ngày bị giảm đi khá lớn, sẽ ảnh hưởng đến việc làm của lao động nông nghiệp phải chuyển đổi nghề nghiệp do chuyển mục đích sử dụng đất.

Vì thế Phương án quy hoạch sử dụng đất đã bố trí các điểm dân cư mới, đồng thời phải dành kinh phí cho việc hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, chuyển đổi nghề nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân bị mất đất sản xuất.

4. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến quá trình đô thị hóa và phát triển hạ tầng

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 sẽ hình thành các khu dân cư đô thị, nông thôn; các trung tâm thương mại, dịch vụ, đô thị; các tuyến đường kết nối liên vùng, liên tỉnh, liên huyện cùng mạng lưới nông thôn, nội thị;... với tổng diện tích là khoảng 3.000 ha sẽ làm thay đổi diện mạo của thị xã trong tương lai.

Tuy nhiên quá trình đô thị hóa sẽ gây áp lực cho công tác bảo vệ môi trường, vì thế cần có biện pháp hữu hiệu để bảo vệ môi trường khi thực hiện các dự án đầu tư.

5. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến việc tôn tạo di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hóa các dân tộc

Phương án quy hoạch sử dụng đất không tác động hầu như không tác động đến di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, bảo tồn văn hóa các dân tộc. Phương án đã đề ra các phương án nhằm vừa quảng bá, vừa phục vụ phát triển kinh tế, vừa tôn tạo.

6. Đánh giá tác động của phương án quy hoạch sử dụng đất đến khả năng khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên; yêu cầu bảo tồn, phát triển diện tích rừng và tỷ lệ che phủ

Bố trí cơ cấu sử dụng đất hợp lý có tính đến yếu tố môi trường và BĐKH; bảo vệ và khai thác bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan môi trường và cân bằng sinh thái.

Theo phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, diện tích đất đã đưa vào sử dụng toàn thị xã đạt 100% tổng diện tích tự nhiên. Các loại đất được khai thác và bố trí ở các khu vực thích hợp, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn.

Rà soát chuyển đổi diện tích đất trồng lúa hiệu quả kinh tế thấp, không có điều kiện tưới chủ động, chủ yếu phụ thuộc vào mưa để chuyển đổi sang trồng các loại cây chịu hạn phù hợp hơn, hiệu quả kinh tế hơn.

Ngăn ngừa hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường. Tạo chuyển biến cơ bản trong nhận thức của nhân dân về bảo vệ môi trường, từng bước tạo thói quen, nếp sống vì môi trường xanh, sạch, đẹp.

Phần thứ tư

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ, CẢI TẠO ĐẤT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Để ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ, cải tạo đất và bảo vệ môi trường khi thực hiện Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thị xã Bình Long cần xác định các giải pháp sau đây:

- Khai thác sử dụng đất đi đôi với việc bảo vệ môi trường; đi đôi với khai thác sử dụng đất cần chú ý đến việc đầu tư nâng cao độ phì đất, tái tạo lại cảnh quan; tăng độ che phủ, giữ gìn cảnh quan, môi trường sinh thái.

- Không nên lạm dụng quá nhiều phân hoá học, thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông - lâm nghiệp, tích cực bồi bổ làm giàu đất, chống ô nhiễm môi trường đất.

- Việc bố trí các khu vực sản xuất kinh doanh, thương mại- dịch vụ mới phải dựa trên quan điểm phát triển lâu dài và bền vững. Do vậy cần phải nghiên cứu kỹ lưỡng các dự án phát triển, nhất là đánh giá tác động của các dự án này đối với môi trường và xã hội, phát huy vai trò của quần chúng trong việc đánh giá các tác động này. Việc xét duyệt các dự án phát triển cần có sự tham gia đầy đủ của các cơ quan chuyên môn, các ban ngành có chức năng và có liên quan.

- Cần xem xét ưu tiên đối với những dự án đầu tư có tính trọng điểm, là động lực phát triển kinh tế xã hội của huyện, các dự án thân thiện với môi trường mang tính bền vững. Các dự án chuyển mục đích sử dụng đất cho phát triển kinh tế, xã hội buộc phải có đánh giá tác động môi trường để có thể ngăn chặn từ trước những nguyên nhân gây ô nhiễm, công tác lập và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường phải được thực hiện nghiêm túc theo quy định. Kiểm soát, giám sát chặt chẽ các nguồn nước thải ra môi trường; kiểm tra, kịp thời phát hiện và ngăn chặn, xử phạt các cơ sở sản xuất, cá nhân gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn theo Luật Bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên nước.

- Đối với đất nông nghiệp phải áp dụng kỹ thuật canh tác phù hợp với điều kiện đất đai của huyện. Hạn chế việc sử dụng chất hóa học trong sản xuất nông nghiệp. Nghiên cứu chuyển giao các giống cây trồng, vật nuôi, hạn chế sâu bệnh, để có năng suất cao, chất lượng tốt.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục mọi người dân có ý thức

trong việc sử dụng đất tiết kiệm, có hiệu quả và bảo vệ môi trường.

II. CÁC GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Đề phương án quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050 của thị xã Bình Long được triển khai một cách đầy đủ, kịp thời, có hiệu quả, cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

1. Giải pháp về thủ tục hành chính

- Trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất toàn huyện đến năm 2030 được phê duyệt, chỉ đạo các xã, phường, các ngành xây dựng phương án kế hoạch sử dụng đất trong phạm vi quản lý của đơn vị mình, phù hợp với nội dung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện trên địa bàn xã, phường.

- Công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện để mọi người dân biết và thực hiện đúng quy hoạch, kế hoạch.

- Tuyên truyền phổ biến pháp luật về đất đai để người dân nắm và tuân thủ.

- Thường xuyên theo dõi, cập nhật các biến động đất đai để làm cơ sở cho công tác quản lý đất đai theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Phối hợp với nhân dân phát hiện và ngăn chặn kịp thời các công trình đầu tư xây dựng không phù hợp quy hoạch để đảm bảo quản lý đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

- Kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm pháp Luật Đất đai, vi phạm quy hoạch sử dụng đất, đồng thời thông qua nhân dân để phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm.

- Tiếp tục thực hiện công tác cải cách hành chính trong các thủ tục liên quan tới đất đai.

- Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên địa bàn huyện.

- Có cơ chế, chính sách để thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng đồng thời với phát triển thương mại dịch vụ, và đồng bộ với cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội tại các vùng.

- Thực hiện chính sách bồi thường, hỗ trợ tái định cư phù hợp và đẩy mạnh công tác vận động, tuyên truyền khi thực hiện dự án thu hồi, bồi thường đất đai để người dân thuộc đối tượng thu hồi đất đồng tình thực hiện tạo điều kiện thuận lợi cho công tác thu hồi đất giải phóng mặt bằng. Giải quyết tốt chỗ ở, ổn định đời sống và tạo việc làm cho các hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi.

- Định kỳ hàng năm Ủy ban nhân dân thị xã có báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để phục vụ chương trình kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân thị xã, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Giải pháp về nguồn vốn

- Huy động tối đa các nguồn vốn để thực hiện quy hoạch. Tạo môi trường thuận lợi, chính sách đầu tư thông thoáng nhằm khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào địa phương thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại, đơn giản hoá các thủ tục hành chính, cấp phép đầu tư. Đẩy mạnh việc huy động vốn trong nhân dân bằng các phương thức tín dụng tài chính và phương thức “Nhà nước và nhân dân cùng làm”.

- Thực hiện chính sách khai thác quỹ đất hợp lý, phát huy tiềm năng, tăng cường thực hiện các dự án đấu giá, đấu thầu dự án có sử dụng đất nhằm tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước.

- Đầu tư có trọng điểm trên các lĩnh vực ưu tiên, đặc biệt là đầu tư để phát triển thương mại - dịch vụ và xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Huy động tối đa các nguồn vốn cho phát triển sản xuất kinh doanh và xây dựng cơ sở hạ tầng từ vốn ngân sách, vốn liên doanh liên kết, vốn đầu tư nước ngoài, vốn tự có của nhân dân.

- Hướng dẫn việc triển khai thực hiện quy hoạch; cung cấp thông tin có liên quan cho chủ đầu tư để thực hiện đúng quy hoạch.

3. Giải pháp về khoa học công nghệ, sử dụng lao động

- Tăng cường đầu tư cho việc ứng dụng những tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý đất đai và sử dụng đất để nâng cao hiệu quả sử dụng đất.

- Nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ cho những cán bộ công chức làm công tác quản lý đất đai dưới hình thức đào tạo, đào tạo lại, tập huấn thường xuyên để có đủ phẩm chất, trình độ, năng lực giúp cho chính quyền các cấp làm tốt công tác quản lý Nhà nước về đất đai theo Luật Đất đai năm 2013 quy định.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt, ban hành kịp thời các văn bản theo thẩm quyền nhằm thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng đất đai theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của Pháp luật.

4. Giải pháp về thông tin và truyền thông

Xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và thực hiện kế hoạch cần có sự tham gia đầy đủ của các tổ chức, cá nhân sử dụng đất. Cần lựa chọn các phương tiện thông tin và truyền thông phù hợp để mọi đối tượng nắm bắt được đầy đủ các thông tin về quy hoạch, kế hoạch. Ngoài ra giáo dục pháp luật về quản lý và sử dụng đất đai cần được chú trọng, quan tâm; để nâng cao trình độ cho cán bộ quản lý đất đai và nhận thức của các tổ chức, cá nhân sử dụng đất về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng hiệu quả đất đai, đúng pháp luật.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾT LUẬN

1. Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước phù hợp với yêu cầu đổi mới về quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất trong Luật Quy hoạch, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều liên quan đến quy hoạch của 37 Luật và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thị xã; quy hoạch phát triển của các ngành, đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu đất cho phát triển các ngành, các lĩnh vực của thị xã Bình Long. Các nội dung, yêu cầu được thực hiện theo quy định của pháp Luật Đất đai và pháp luật khác có liên quan.

2. Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước được xây dựng theo yêu cầu, bám sát nội dung của quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội thị xã Bình Long đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, là cơ sở để thị xã phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với điều kiện tự nhiên, đáp ứng mục tiêu công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đảm bảo nền kinh tế phát triển phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế chung của tỉnh và khu vực.

3. Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước có ý nghĩa quan trọng trong việc xác lập sự ổn định về mặt pháp lý đối với công tác quản lý nhà nước về đất đai, là căn cứ để tiến hành giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hút đầu tư, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và phát triển kinh tế, nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, bảo vệ môi trường theo hướng sử dụng đất bền vững.

II. KIẾN NGHỊ

- Để quy hoạch sử dụng đất đáp ứng kịp thời cho nhu cầu quản lý, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường; Ủy ban nhân dân thị xã Bình Long trình Hội đồng thẩm định, Hội đồng nhân dân thị xã thông qua quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 thị xã Bình Long để trình UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt đúng thời gian theo kế hoạch.

- Sau khi dự án được phê duyệt, UBND thị xã Bình Long sớm công khai quy hoạch, chỉ đạo các ngành, địa phương lên kế hoạch và xây dựng giải pháp triển khai thực hiện quy hoạch trong lĩnh vực và trên địa bàn mình quản lý.

PHỤ LỤC

STT	Tên phụ lục	Ghi chú
1	Biểu 01/CH: Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 của thị xã Bình Long	
2	Biểu 02/CH: kết quả thực hiện quy hoạch sử dụng đất kỳ trước của thị xã Bình Long	
3	Biểu 03/CH: quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của thị xã Bình Long	
4	Biểu 04/CH: diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch của thị xã Bình Long	
5	Biểu 05/CH: diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch của thị xã Bình Long	
6	Biểu 10/CH: danh mục công trình, dự án trong kỳ quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 của thị xã Bình Long	
7	Biểu 11/CH: diện tích, cơ cấu các khu chức năng của thị xã Bình Long	
8	Biểu 12/CH: chu chuyển đất đai trong kỳ quy hoạch sử dụng đất 2020-2030 của thị xã Bình Long	